

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG



KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY TNHH DVDL KHÁCH SẠN COSMO VIỆT NAM

Giáo viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Thùy Linh
MSSV : 2254010099
Khoá học : 2022-2026
Lớp : 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Thùy Linh

MSSV : 2204010099

Lớp : 22KH2

Khóa : 2022-2026

Ngành : Kế Toán

1. Tên đề tài: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL Khách sạn Cosmo Việt Nam.

2. Nội dung:

– **Nội dung:**

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL Khách sạn Cosmo Việt Nam.

Chương 3: Kết luận và đề xuất công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH DVDL Khách sạn Cosmo Việt Nam.

– **Mục tiêu:** Qua việc nghiên cứu để làm rõ một số vấn đề về cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Nghiên cứu và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL Khách sạn Cosmo Việt Nam. Trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất, giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL Khách sạn Cosmo Việt Nam.

– **Phương pháp thực hiện:** Phương pháp nghiên cứu tham khảo tài liệu, phương pháp quan sát, phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

1. Ngày giao khóa luận: 02/03/2026

2. Ngày hoàn thành khóa luận: 25/05/2026

3. Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Xuân Hiệp

Nội dung và yêu cầu Khóa luận tốt nghiệp đã được thông qua bộ môn.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

Giảng viên hướng dẫn

(ký ghi rõ họ tên)

Sinh viên thực hiện

(ký ghi rõ họ tên)

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Chi tiết
1	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
2	BCTC	Báo cáo tài chính
3	KQKD	Kết quả kinh doanh
4	TK	Tài khoản
5	BHXXH	Bảo hiểm xã hội
6	BHYT	Bảo hiểm y tế
7	CCDV	Cung cấp dịch vụ
8	CKTM	Chiết khấu thương mại
9	CCDC	Công cụ dụng cụ
10	CP	Chi phí
11	DT	Doanh thu
12	DVDL	Dịch vụ du lịch
13	GVHB	Giá vốn hàng bán
14	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
15	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
16	NLĐ	Người lao động
17	PXK	Phiếu xuất kho
18	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý	8
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý	9
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan.....	10
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	18
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	12
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính	20
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh	22
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác.....	24
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác.....	24
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí thuế TNDN	27
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
Sơ đồ 2.1: Quy trình cung cấp dịch vụ lưu trú.....	29
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty	30
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	33
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm MISA	36
Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu cung cấp dịch vụ.....	42
Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	56
Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán giá vốn hàng bán.....	61
Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	65
Sơ đồ 2.8: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	69
Sơ đồ 2.9: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	71
Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán thu nhập khác	78
Sơ đồ 2.11: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí khác.....	79
Sơ đồ 2.12: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí thuế TNDN	80
Sơ đồ 2.13: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán xác định kết quả kinh doanh	82

DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1: Giao diện làm việc ghi nhận doanh thu trên phần mềm MISA	37
Hình 2.2: Phiếu nhận phòng khách hàng “AHMED KHALFAN”	41
Hình 2.3: Bảng kê dịch vụ của khách hàng “AHMED KHALFAN”	42
Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 972 ngày 25/04/2025	43
Hình 2.5: Giấy báo có từ Ngân hàng	44
Hình 2.6: Màn hình nhập liệu doanh thu cung cấp dịch vụ vào phần mềm MISA của hóa đơn 972.....	45
Hình 2.7: Phiếu nhận phòng khách hàng “ROLAND CARTLIDGE”	46
Hình 2.8: Bảng kê dịch vụ của khách hàng “ROLAND CARTLIDGE”.....	47
Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 929 ngày 19/04/2025	48
Hình 2.10: Phiếu thu theo HĐ 929 ngày 19/04/2025.....	49
Hình 2.11: Màn hình nhập liệu doanh thu cung cấp dịch vụ vào phần mềm Misa của hóa đơn 929.....	50
Hình 2.12: Giao diện bảng kê chứng từ	50
Hình 2.13. Sổ chi tiết TK 5113 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa.....	51
Hình 2.14: Sổ Cái TK 511 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	52
Hình 2.15: Phiếu xuất kho ngày 25/04/2025 Số P XK2403067	56
Hình 2.16: Màn hình nhập liệu giá vốn hàng bán vào phần mềm Misa của P XK2403067.....	58
Hình 2.17: Màn hình nhập liệu kết chuyển GVHB vào phần mềm Misa	59
Hình 2.18: Sổ Cái TK 154 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	60
Hình 2.19: Sổ Cái TK 632 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	61
Hình 2.20: Giấy báo có số 4194.....	63
Hình 2.21: Màn hình nhập liệu doanh thu hoạt động tài chính vào phần mềm Misa	64
Hình 2.22: Sổ chi tiết TK 515 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa.....	65
Hình 2.23: Sổ Cái TK 515 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	65
Hình 2.24: Bảng tính lương cho nhân viên	70
Hình 2.25: Màn hình nhập liệu chi phí quản lý kinh doanh vào phần mềm Misa của chi phí lương tháng 04/2025	71
Hình 2.26: Bảng tính BHXH, BHYT, BHTN tháng 4/2025.....	72
Hình 2.27: Màn hình nhập liệu chi phí quản lý kinh doanh vào phần mềm Misa của các khoản trích theo lương tháng 04/2025	73
Hình 2.28: Sổ chi tiết TK 642 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa.....	74
Hình 2.29: Sổ Cái TK 642 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	75
Hình 2.30: Màn hình nhập liệu chi phí khác vào phần mềm Misa	79
Hình 2.31: Sổ chi tiết TK 811 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa.....	79
Hình 2.32: Sổ Cái TK 811 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	80

Hình 2.33: Màn hình nhập liệu chi phí thuế TNDN vào phần mềm Misa.....	82
Hình 2.34: Sổ chi tiết TK 8211 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa.....	83
Hình 2.35: Sổ Cái TK 821 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	83
Hình 2.36: Sổ Cái TK 911 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa	85
Hình 2.37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2025 tại Công ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Khách Sạn Cosmos Việt Nam	85
Hình 2.38: Sổ Nhật ký chung quý 2/2025 tại Công ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Khách Sạn Cosmos Việt Nam.....	99

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	11
LỜI MỞ ĐẦU.....	12
1. Lý do chọn đề tài.....	12
2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu.....	12
3. Phương pháp nghiên cứu	13
4. Cấu trúc của đề tài.....	13
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	1
1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	1
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	1
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	2
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh	2
1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác	3
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	3
1.2.1.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu.....	3
1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	3
1.2.1.3. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	4
1.2.1.4. Phương pháp hạch toán	5
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.2.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu	6
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng	7
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng.....	7
1.2.2.4. Phương pháp kế toán	7
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.3.2. Chứng từ sử dụng	8
1.2.3.3. Tài khoản sử dụng.....	8
1.2.3.4. Phương pháp hạch toán	9
1.2.4. Kế toán thu nhập khác	10
1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác	10
1.2.4.2. Chứng từ sử dụng	10
1.2.4.3. Tài khoản sử dụng.....	10
1.2.4.4. Phương pháp hạch toán	14

1.3.	Kế toán các loại chi phí	14
1.3.1.	Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.3.1.1.	Nội dung giá vốn hàng bán.....	14
1.3.1.2.	Các phương pháp xác định giá vốn	14
1.3.1.3.	Chứng từ sử dụng	15
1.3.1.4.	Tài khoản sử dụng.....	15
1.3.1.5.	Phương pháp hạch toán	16
1.3.2.	Kế toán chi phí hoạt động tài chính	16
1.3.2.1.	Nội dung chi phí hoạt động tài chính	17
1.3.2.2.	Chứng từ sử dụng	17
1.3.2.3.	Tài khoản sử dụng.....	17
1.3.2.4.	Phương pháp hạch toán	18
1.3.3.	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.3.3.1.	Nội dung chi phí quản lý kinh doanh.....	18
1.3.3.2.	Chứng từ sử dụng	19
1.3.3.3.	Tài khoản sử dụng.....	19
1.3.3.4.	Phương pháp hạch toán	20
1.3.4.	Kế toán chi phí khác	20
1.3.4.1.	Nội dung chi phí khác.....	20
1.3.4.2.	Chứng từ sử dụng	21
1.3.4.3.	Tài khoản sử dụng.....	21
1.3.4.4.	Phương pháp hạch toán	21
1.3.5.	Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	21
1.3.5.1.	Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	21
1.3.5.2.	Chứng từ sử dụng	22
1.3.5.3.	Tài khoản sử dụng.....	22
1.3.6.	Phương pháp hạch toán.....	23
1.4.	Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	24
1.4.1.	Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh	24
1.4.2.	Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh	24
1.4.3.	Tài khoản sử dụng.....	25
1.4.4.	Phương pháp hạch toán.....	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHÁCH SẠN COSMO VIỆT NAM.		
2.1.	Tổng quan về Công ty TNHH Khách sạn Cosmo Việt Nam	26
2.1.1.	Thông tin khái quát về đơn vị	26

2.1.2.	Quá trình hình thành và phát triển của công ty	26
2.1.3.	Đặc điểm tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý và tổ chức kế toán tại công ty.....	27
2.1.3.1.	Đặc điểm tổ chức sản xuất tại công ty	27
2.1.3.2.	Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty.....	29
2.1.3.3.	Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty	31
2.1.4.	Đặc điểm bán hàng tại công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam.....	37
2.2.	Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam	37
2.2.1.	<i>Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>37</i>
2.2.1.1.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>38</i>
2.2.1.2.	<i>Nghiệp vụ phát sinh kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam.....</i>	<i>39</i>
2.2.2.	<i>Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>51</i>
2.2.2.1.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>52</i>
2.2.2.2.	<i>Nghiệp vụ phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam.....</i>	<i>53</i>
2.2.3.	<i>Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>53</i>
2.2.3.1.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>54</i>
2.2.3.2.	<i>Nghiệp vụ phát sinh kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam</i>	<i>54</i>
2.2.4.	<i>Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>58</i>
2.2.4.1.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>58</i>
2.2.4.2.	<i>Nghiệp vụ phát sinh kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam.....</i>	<i>58</i>
2.2.5.	<i>Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>59</i>
2.2.5.1.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>60</i>
2.2.5.2.	<i>Nghiệp vụ phát sinh kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam.....</i>	<i>60</i>
2.2.6.	<i>Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>67</i>
2.2.6.1.	<i>Trình tự luân chuyển chứng từ</i>	<i>68</i>
2.2.6.2.	<i>Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam</i>	<i>68</i>
2.2.7.	<i>Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	<i>69</i>

2.2.7.1.	Trình tự luân chuyển chứng từ	70
2.2.7.2.	Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam	70
2.2.8.	<i>Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	78
2.2.8.1.	Trình tự luân chuyển chứng từ	78
2.2.8.2.	Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí khác tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam.....	78
2.2.9.	<i>Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	80
2.2.9.1.	Trình tự luân chuyển chứng từ	81
2.2.9.2.	Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam	81
2.2.10.	<i>Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam</i>	84
2.2.10.1.	Trình tự luân chuyển chứng từ	84
2.2.10.2.	Nghiệp vụ phát sinh kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam	85
	CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT	92
3.1.	Sự khác biệt giữa lý thuyết và thực trạng tại Công ty TNHH Khách sạn Cosmo Việt Nam.....	92
3.2.	Nhận xét thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và XKQKD tại Công ty TNHH Khách sạn Cosmo Việt Nam.....	93
3.2.1.	Ưu điểm	93
3.2.2.	Nhược điểm	95
3.3.	Đề xuất	95
	KẾT LUẬN	99
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam”, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và hỗ trợ quý báu từ quý thầy cô, gia đình và doanh nghiệp thực tập.

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến quý thầy cô Trường đã tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường. Những kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế mà quý thầy cô truyền đạt chính là nền tảng quan trọng giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy Th.S Nguyễn Xuân Hiệp – giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn và hỗ trợ em trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Thầy không chỉ giúp em định hướng nội dung nghiên cứu, chỉnh sửa bài khóa luận mà còn luôn động viên, góp ý tận tình để em có thể hoàn thiện đề tài một cách tốt nhất. Những kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tế cùng sự tận tâm của thầy là nguồn động lực rất lớn giúp em hoàn thành khóa luận này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh/chị nhân viên tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình thực tập tại công ty. Đặc biệt, em xin cảm ơn các anh/chị tại phòng kế toán đã nhiệt tình hướng dẫn, cung cấp số liệu, chia sẻ kinh nghiệm thực tế và hỗ trợ em trong quá trình tìm hiểu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, em xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè đã luôn động viên, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để em hoàn thành chương trình học cũng như khóa luận tốt nghiệp này.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thiện đề tài bằng tất cả sự nỗ lực của bản thân, tuy nhiên do hạn chế về thời gian, kiến thức và kinh nghiệm thực tế nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển và hội nhập, các doanh nghiệp không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn, việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò đặc biệt quan trọng, bởi đây là cơ sở giúp doanh nghiệp theo dõi tình hình hoạt động, kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả kinh doanh cũng như đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong từng kỳ kế toán mà còn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho công tác quản trị, lập kế hoạch và định hướng phát triển doanh nghiệp trong tương lai. Việc tổ chức công tác kế toán hợp lý sẽ giúp doanh nghiệp xác định chính xác doanh thu, kiểm soát chi phí phát sinh và đánh giá đúng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú và các dịch vụ liên quan. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp phát sinh nhiều nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, giá vốn, chi phí quản lý và các khoản chi phí khác. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kết hợp với quá trình thực tập thực tế tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam, em đã lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

2. Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam.

❖ Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam.

- Về thời gian: Các số liệu và nghiệp vụ được sử dụng trong đề tài chủ yếu phát sinh trong quý II năm 2025.
- Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các nội dung liên quan đến kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán giá vốn hàng bán, kế toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán chi phí tài chính, chi phí quản lý kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu như:

- Phương pháp thu thập số liệu: Thu thập các chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan tại doanh nghiệp.
- Phương pháp quan sát thực tế: Quan sát trực tiếp quy trình luân chuyển chứng từ và cách thức xử lý các nghiệp vụ kế toán phát sinh tại công ty.
- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phân tích các số liệu, nghiệp vụ kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để đánh giá thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp.
- Phương pháp so sánh: So sánh giữa lý thuyết kế toán và thực tế áp dụng tại doanh nghiệp nhằm đánh giá những điểm phù hợp và những hạn chế còn tồn tại.
- Phương pháp thống kê mô tả: Tổng hợp và trình bày các số liệu phát sinh nhằm phục vụ cho việc phân tích và đánh giá đề tài.

4. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung khóa luận gồm có 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam
- Chương 3: Nhận xét và giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.1. Khái quát chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.1.1.1. Nội dung về doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) – Doanh thu và thu nhập khác ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính quy định như sau:

– Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm phát triển vốn chủ sở hữu.

– Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động bất thường

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) – Doanh thu và thu nhập khác các khái niệm cơ bản về các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày như sau:

– Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng sớm.

– Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

– Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.1.1.2. Nội dung về chi phí

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam VAS 01- Chuẩn mực chung các khái niệm cơ bản về chi phí được trình bày như sau:

– Chi phí là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí bằng lao động vật hóa phát sinh trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp.

– Chi phí của doanh nghiệp bao gồm: chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác.

1.1.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là việc xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Kết quả hoạt động kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp và nó chịu ảnh hưởng của các yếu tố như quy mô, chất lượng, chiến

lược trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

– Trong doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Tương ứng với 3 hoạt động trên là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- + Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh (chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng).
- + Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- + Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là một trong những phân hành quan trọng của doanh nghiệp. Trên thực tế quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là việc tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng về việc sử dụng các nguồn vốn và chi phí, từ đó đưa ra các quyết định ngắn hạn cũng như dài hạn của công ty.

Thông qua các thông tin kinh tế về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các đối tượng thông qua sẽ đánh giá được trình độ, tổ chức kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, khả năng cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường, tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Thường xuyên tổ chức đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, sự biến động của doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh đã ghi nhận ở doanh nghiệp sẽ góp phần tăng cường quản lý tài sản, tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả kinh doanh. Với tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, bộ máy kế toán cần được doanh nghiệp tổ chức hợp lý, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ quản lý, tiên bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến hiện đại.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Để đảm bảo hiệu quả trong việc quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi nhận và phản ánh ghi chép đầy đủ tình hình hiện tại và sự biến động về mặt số lượng, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Theo dõi, ghi nhận và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các

khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi, ghi nhận đầy đủ, chính xác giá vốn hàng bán và các chi phí hoạt động liên quan.

- Theo dõi, chi tiết các khoản phải thu, chi cho từng hoạt động của doanh nghiệp.

Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Ghi nhận, tổng hợp số liệu kế toán để phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính. Định kỳ, phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận để xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đưa ra lời khuyên cho ban lãnh đạo đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ cốt lõi của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là đảm bảo cung cấp thông tin tài chính một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời cho nhà quản lý và những người quan tâm đến hoạt động doanh nghiệp. Từ đó, nhà quản lý có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định chiến lược đúng đắn cho doanh nghiệp.

1.2. Kế toán doanh thu và thu nhập khác

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá từ người bán sang người mua hoặc khi người mua thanh toán hay chấp nhận nghĩa vụ thanh toán hàng hoá mà người bán đã chuyển giao.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC.

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác)

- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Chứng từ, tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Đơn đặt hàng.
- Hợp đồng kinh tế.
- Bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra.
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...

❖ Tài khoản sử dụng.

Theo quy định tại điều 57 thông tư 133/2016/TT-BTC.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá.
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác.

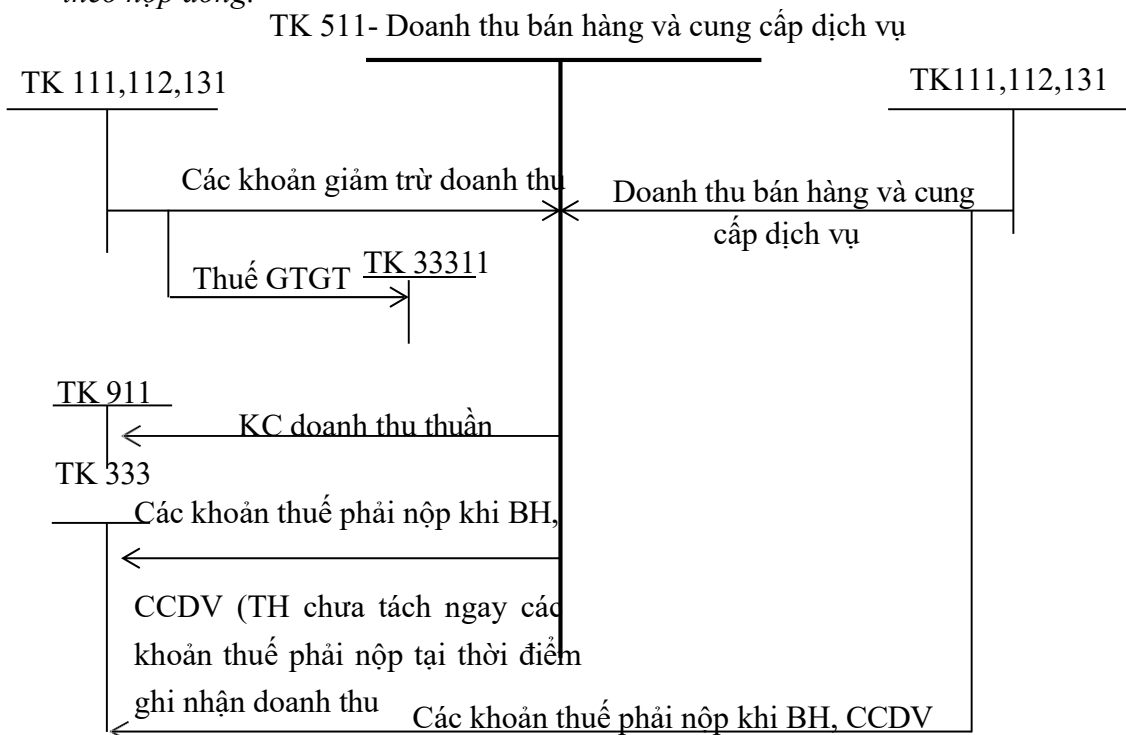
❖ Kết cấu tài khoản.

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.4. Phương pháp hạch toán

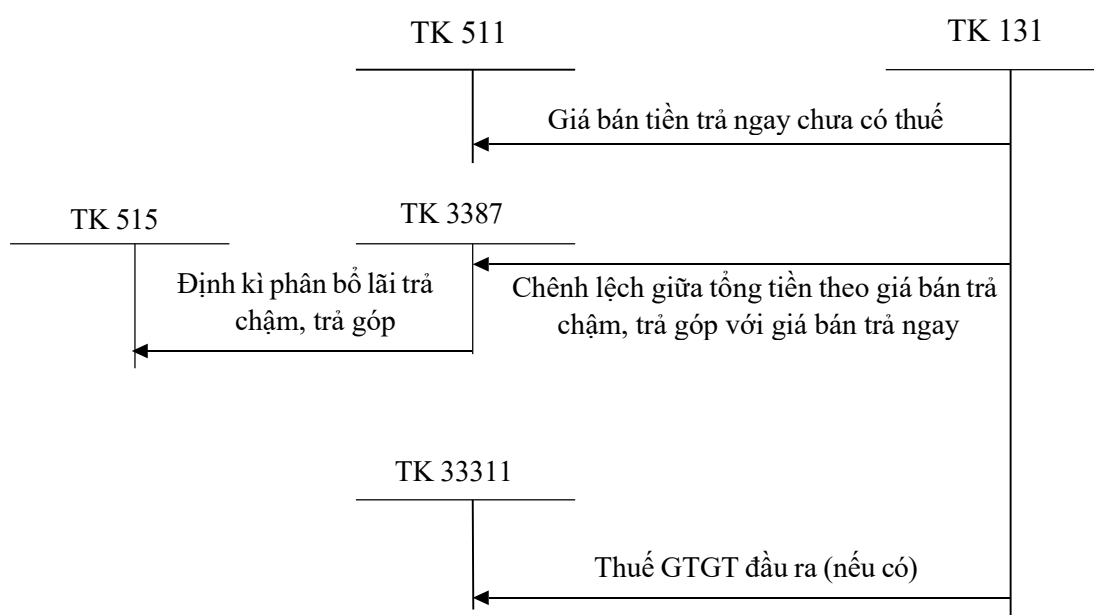
- ❖ Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng.



(TH chưa tách ngay các khoản thuế phải nộp tại thời điểm ghi nhận doanh thu)

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

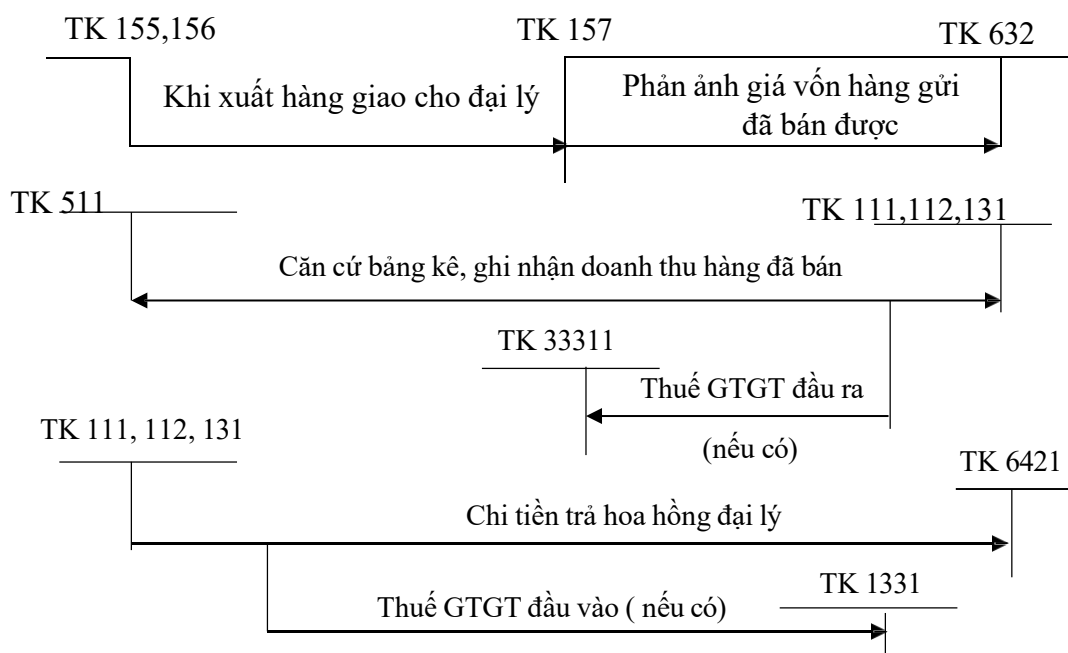
- ❖ Sơ đồ hạch toán trường hợp doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu thu được từ bán hàng trả chậm trả góp

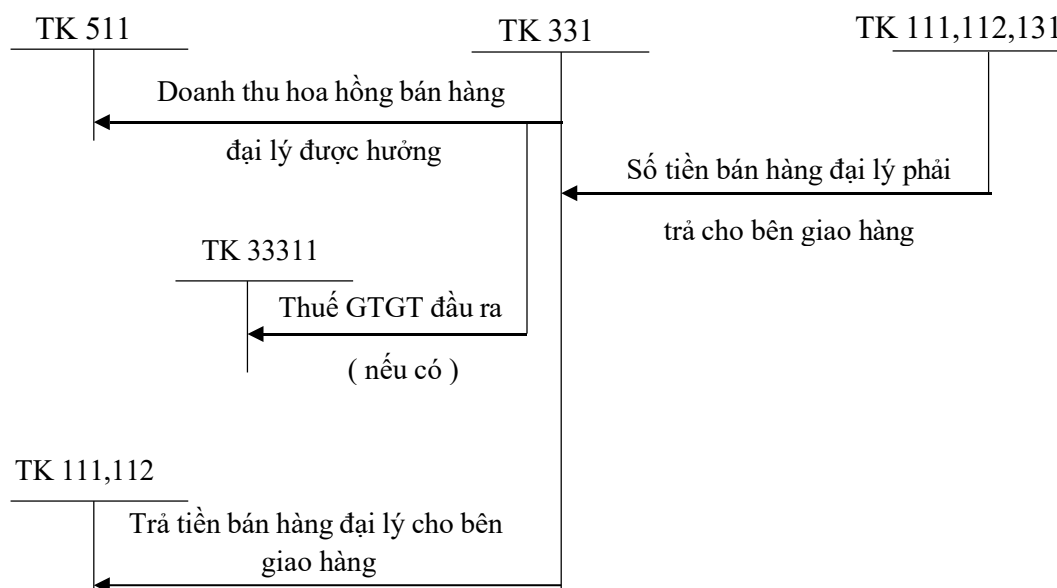
❖ Sơ đồ hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng

– Tại đơn vị giao hàng đại lý



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị giao hàng đại lý

– Tại đơn vị nhận làm đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán bán hàng thông qua đại lý tại đơn vị nhận làm đại lý

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Nội dung các khoản giảm trừ doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 (VAS) – Doanh thu và thu nhập khác các khái niệm cơ bản về các khoản giảm trừ doanh thu được trình bày như sau:

– Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho

khách hàng mua hàng với khối lượng sớm.

– Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

– Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

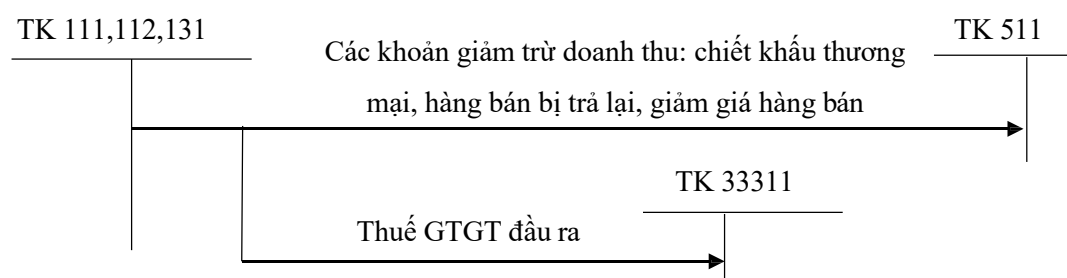
- Biên bản chiết khấu thương mại.
- Biên bản giảm giá hàng bán.
- Biên bản trả lại hàng bán
- Hoá đơn GTGT.
- Giấy báo nợ ngân hàng, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan,...

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*”.

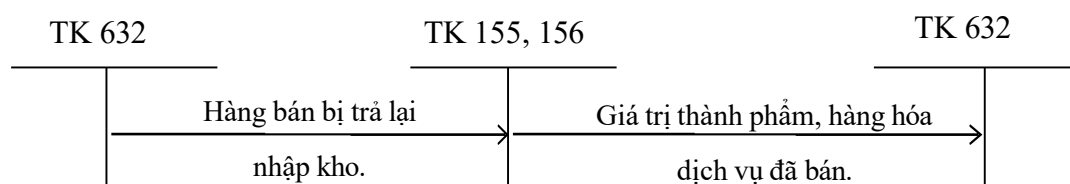
1.2.2.4. Phương pháp kế toán

❖ Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



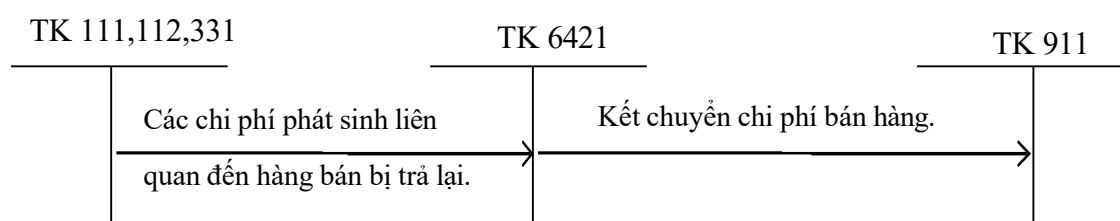
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ Kế toán các chi phí liên quan: nhận lại sản phẩm, hàng hoá



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán kế toán các chi phí liên quan

❖ **Chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi sản phẩm hàng hoá, sản phẩm.**



1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính

Theo điều 58 thông tư 133/2016/TT-BTC.

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp bao gồm :

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có ngân hàng.
- Phiếu thu.
- Các chứng từ liên quan khác,..

1.2.3.3. Tài khoản sử dụng

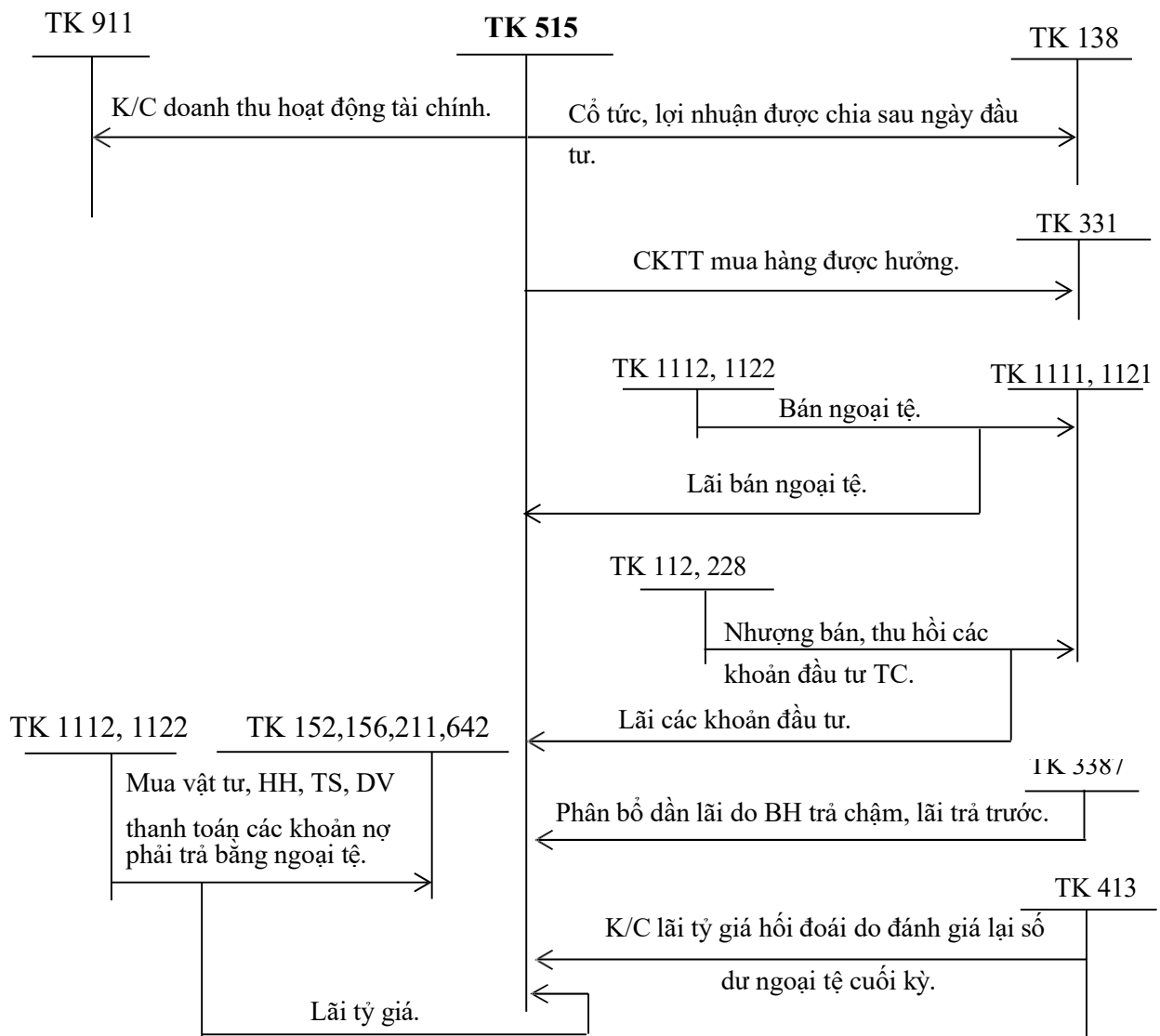
Để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 “*Doanh thu hoạt động tài chính*”.

❖ **Kết cấu tài khoản**

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán thu nhập khác

1.2.4.1. Nội dung thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu nhập góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu ngoài hoạt động tạo ra, doanh thu bao gồm thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế, thu nhập quà biếu, quà tặng ...

1.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Giấy báo có ngân hàng.
- Phiếu thu.
- Biên bản thanh lý TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan,...

1.2.4.3. Tài khoản sử dụng

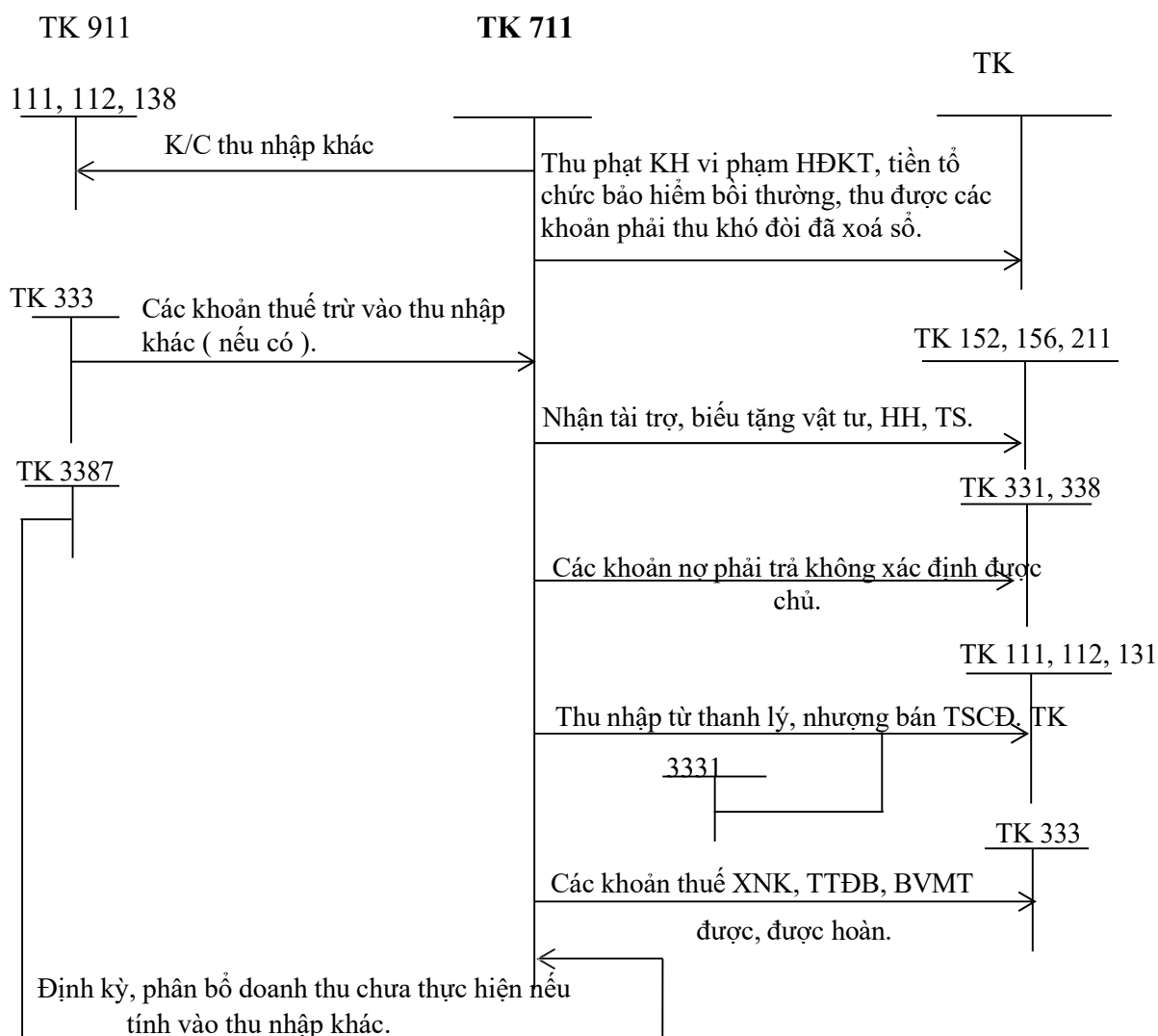
Để hạch toán thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711 “*Thu nhập khác*”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.


Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự kế toán thu nhập khác

1.3. Kế toán các loại chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thực tế của toàn bộ sản phẩm, hàng hoá đã được xuất bán trong kỳ. Đối với doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán bao gồm giá mua hàng và các chi phí liên quan đến quá trình mua hàng. Hàng hoá của doanh nghiệp được nhập từ nhiều nguồn, thời điểm khác nhau. Do đó, doanh nghiệp cần áp dụng theo một trong các phương pháp kế toán phù hợp để xác định giá trị vốn của hàng xuất bán.

1.3.1.2. Các phương pháp xác định giá vốn

❖ Phương pháp thực tế đích danh

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lô hàng nhập, từng sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và có thể nhận diện chi tiết giá nhập của từng lô hàng hoá.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp bình quân gia quyền

➤ Bình quân gia quyền cuối kỳ

Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn hàng xuất kho trong kỳ. Tuỳ theo chính sách dự trữ doanh nghiệp áp dụng, kế toán hàng tồn kho căn cứ vào trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ, hàng nhập trong kỳ và số lượng hàng tồn kho để tính giá đơn vị bình quân.

Công thức như sau:

➤ Bình quân gia quyền mỗi lần nhập (bình quân thời điểm)

Sau mỗi lần nhập kho, kế toán phải tiến hành xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và đơn giá bình quân. Công thức như sau:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	Trị giá thực tế hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n	+	Trị giá thực tế hàng i nhập kho ở lần thứ n
		Số lượng hàng i tồn kho trước lần nhập thứ n		Số lượng hàng i nhập kho ở lần thứ n
Tính giá xuất kho phương pháp bình quân cả kỳ	=	Trị giá tồn đầu kỳ	+	Tổng giá trị hàng tồn trong kỳ
		Số lượng tồn đầu kỳ		Số lượng hàng nhập trong kỳ

1.3.1.3. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Đơn đồng mua bán.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn, ..

1.3.1.4. Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng Tài khoản 632 để hạch toán “ Giá vốn hàng bán ”.

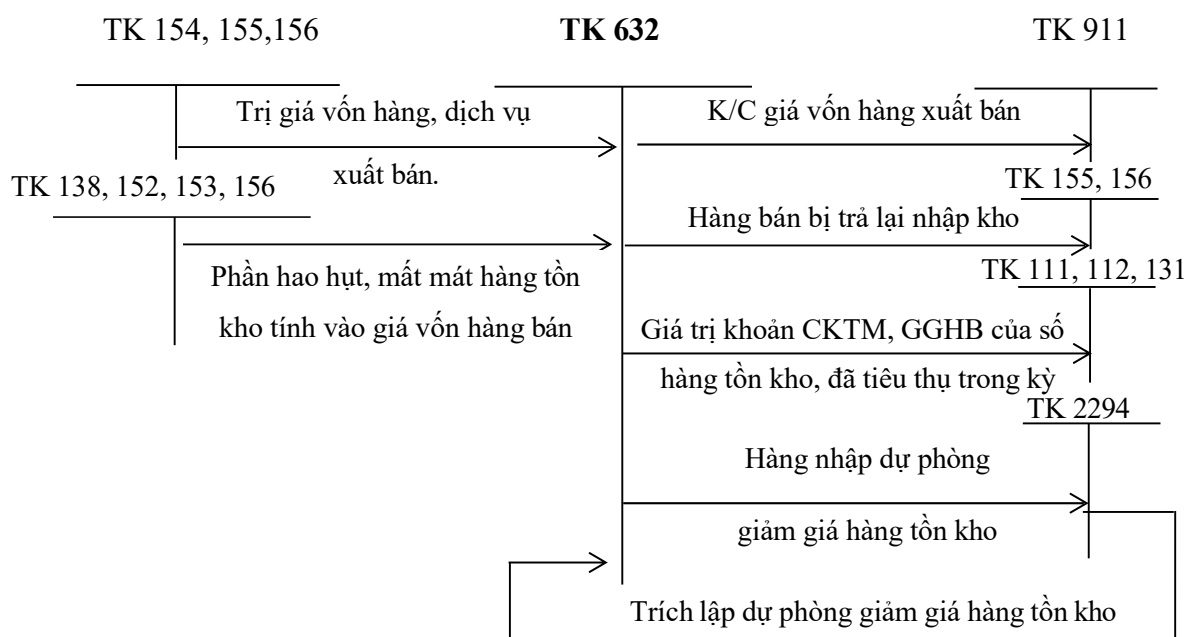
❖ **Kết cấu tài khoản.**

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại. - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.3.1.5. Phương pháp hạch toán

❖ **Theo phương pháp kê khai thường xuyên.**



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

1.3.2.1. Nội dung chi phí hoạt động tài chính

Theo điều 63 thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.3.2.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ ngân hàng.
- Ủy nhiệm chi.
- Các chứng từ khác có liên quan,...

1.3.2.3. Tài khoản sử dụng

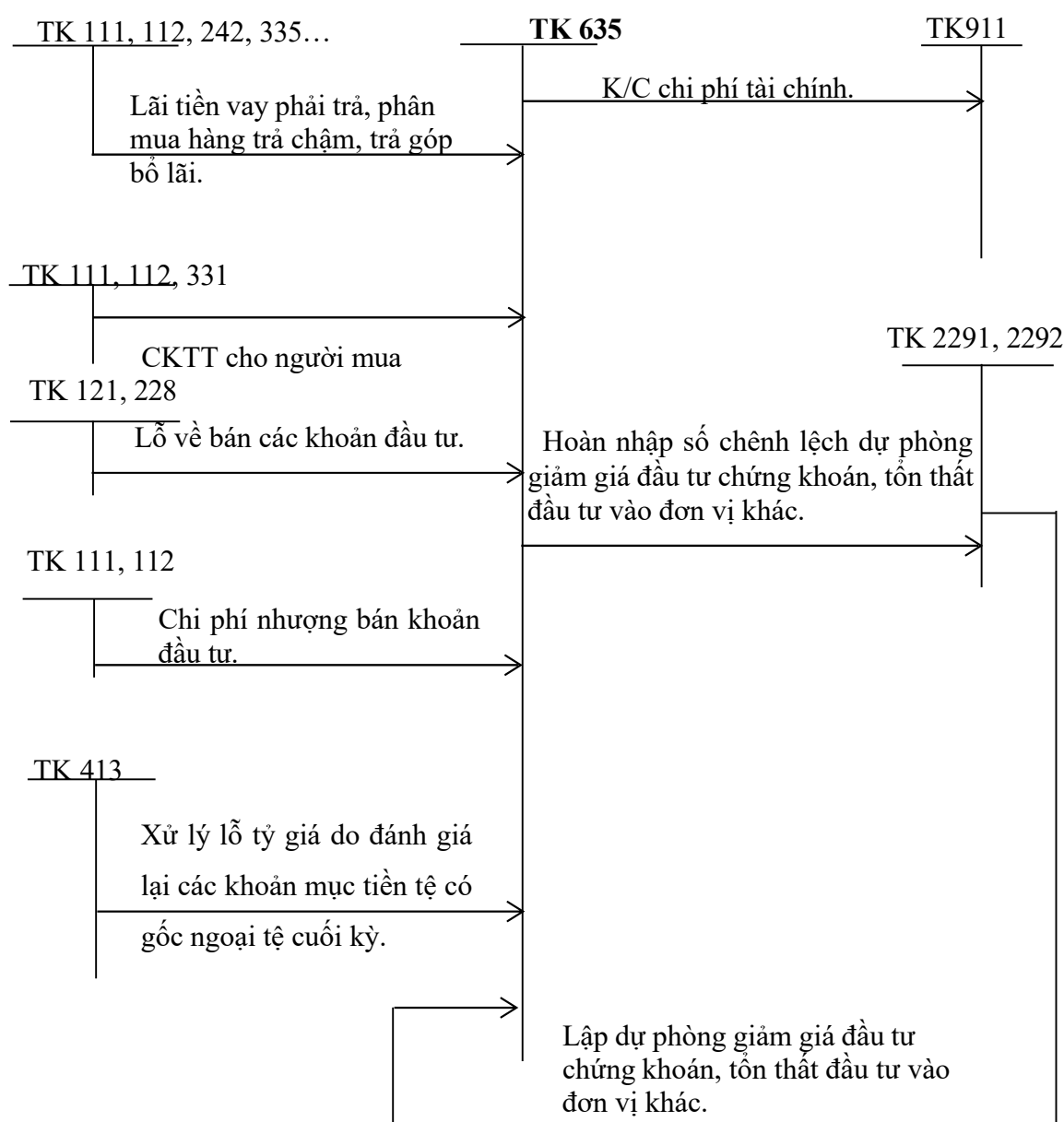
Để hạch toán chi phí tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 635	Có
Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính. Lỗ bán ngoại tệ.	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá CKKD, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	
Chiết khấu thanh toán cho người mua. Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.		
Lỗ tỷ giá hối đoái.		
Số trích lập dự phòng giảm giá CKKD, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.		
Các khoản chi phí tài chính khác.		


TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí tài chính.

1.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh

Theo quy định tại điều 64 thông tư 133/2016/TT-BTC.

- Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí bán hàng là khoản phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ hàng hóa. Bao gồm các khoản như: Các khoản tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, , chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, chi phí chào hàng, hoa hồng bán hàng ...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động doanh nghiệp mà doanh nghiệp đó phải bỏ ra để vận hành. Bao gồm các khoản như: Các khoản

tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý doanh nghiệp, các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ trên lương theo quy định, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản, tiền thuê đất, phí môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài...

1.3.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng phân bổ CCDC, khấu hao TSCĐ.
- Bảng thanh toán lương.
- Phiếu chi, giấy báo có ngân hàng.
- Các chứng từ liên quan khác,...

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh ”.

Tài khoản 642 có 2 cấp tài khoản cấp 2.

- Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

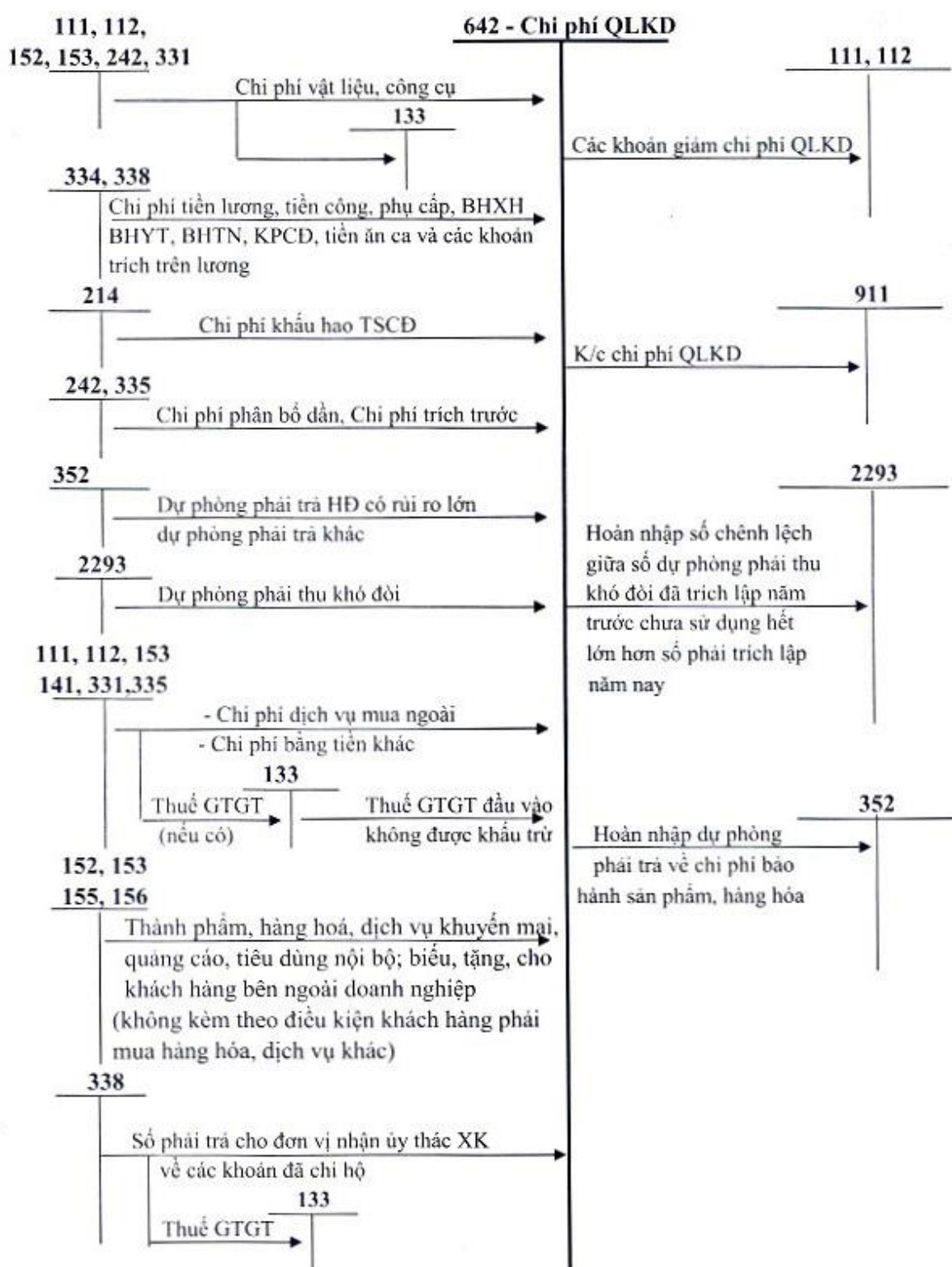
❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh; - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".



Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4. Kế toán chi phí khác

1.3.4.1. Nội dung chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí về thanh lý, nhượng

bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán; các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng; bị phạt khi truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán...

1.3.4.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Biên bản vi phạm hợp đồng.
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt.
- Giấy báo nợ ngân hàng.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,...

1.3.4.3. Tài khoản sử dụng

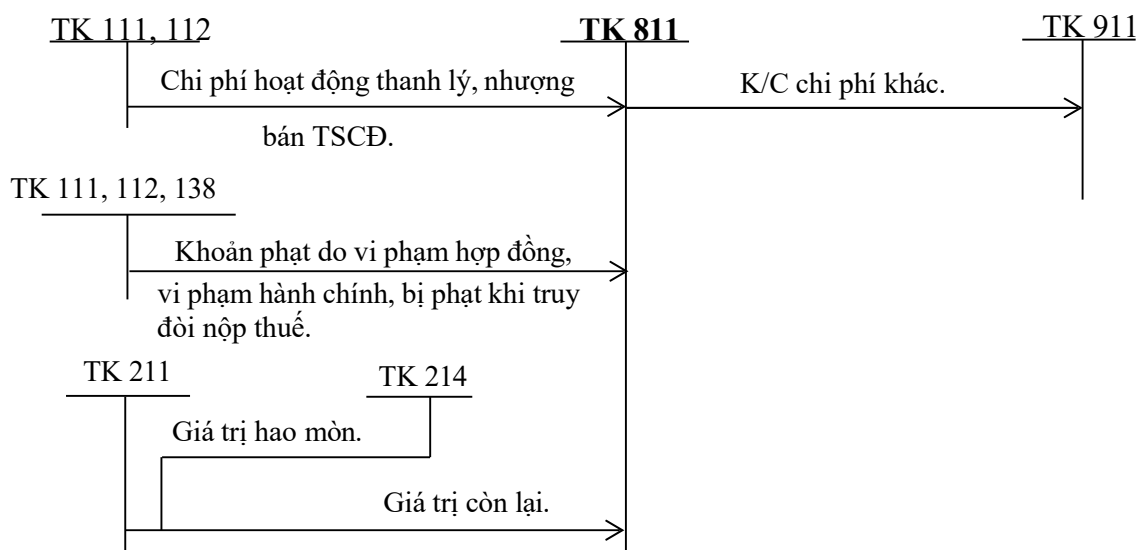
Đề hạch toán chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811 “Chi phí khác”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
	X	

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự kế toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.5.1. Nội dung chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

– Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế TNDN phải nộp tính trên thuế TNDN và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

– Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

– Thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi khoản chi phí được trừ, rồi cộng thêm các khoản thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left[\text{Thu nhập tính thuế} - \frac{\text{Phần trích lập quỹ KH\&CN (Nếu có)}}{\text{Thuế suất thuế TNDN}} \right] \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left[\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right]$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left[\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} \right] + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.3.5.2. Chứng từ sử dụng

- Các tờ khai thuế TNDN tạm nộp.
- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước.
- Quyết toán thuế TNDN hằng năm,...

1.3.5.3. Tài khoản sử dụng

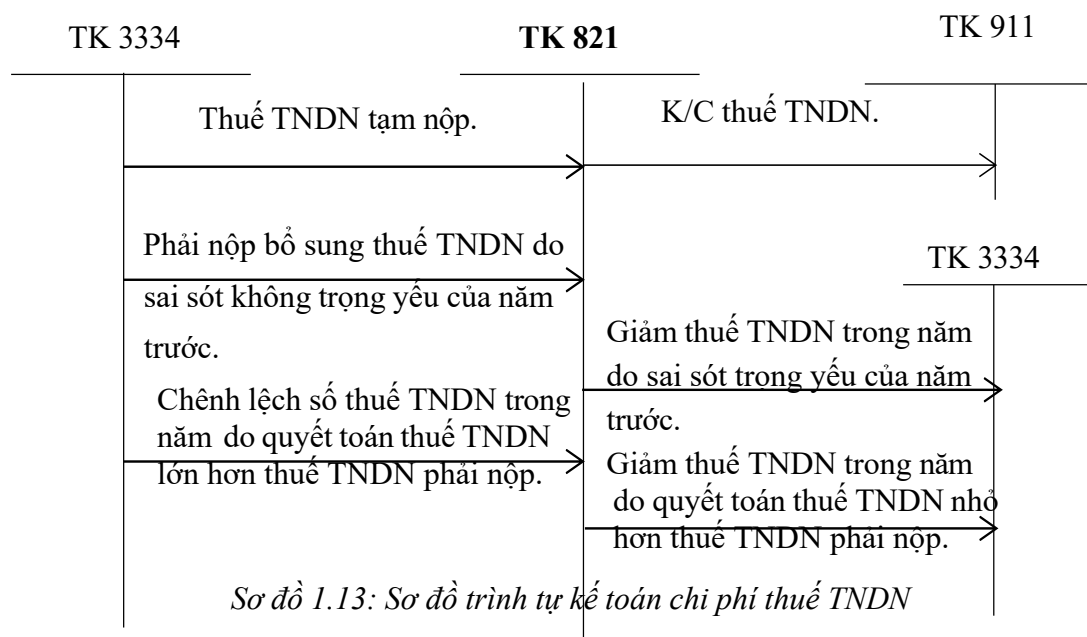
Theo quy định thông tư 133/2016/TT-BTC, để hạch toán chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng tài khoản 821 “*Chi phí thuế TNDN*”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.	- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911. hập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.	

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.3.6. Phương pháp hạch toán



1.4. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.4.1. Nội dung xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng về hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định. Kết quả kinh doanh là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và chi phí của các hoạt động kinh tế đã thực hiện.

1.4.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{sau thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế TNDN} \end{array} - \text{Chi phí thuế TNDN}$$

- Trong đó, tổng lợi nhuận trước thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế TNDN} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần hoạt} \\ \text{động kinh doanh} \end{array} + \text{Lợi nhuận khác}$$

- Trong đó, chi phí thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

- Trong đó, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{thuần hoạt} \\ \text{động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần BH} \\ \text{và CCDV} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý kinh doanh} \end{array}$$

- Trong đó, lợi nhuận khác được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Trong đó, doanh thu thuần BH và CCDV được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{BH và CCDV} \end{array} = \text{Doanh thu BH và CCDV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

1.4.3. Tài khoản sử dụng

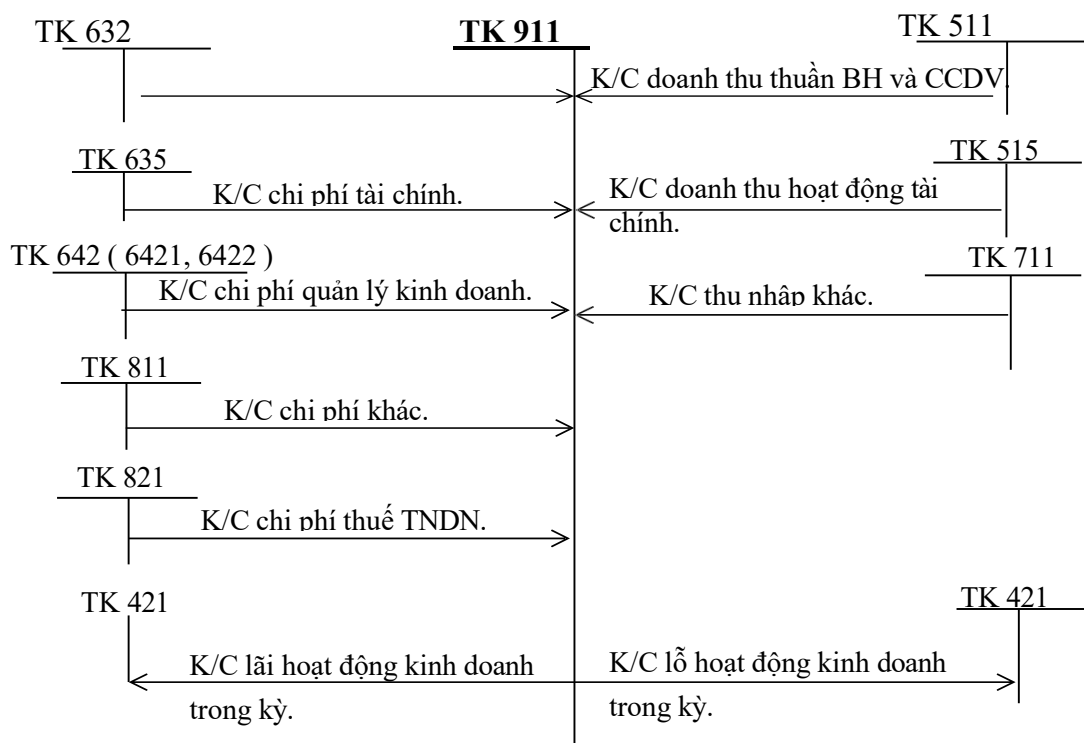
Để hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 “*xác định kết quả hoạt động kinh doanh*”.

❖ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.4.4. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KHÁCH SẠN COSMO VIỆT NAM.

2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Khách sạn Cosmo Việt Nam

2.1.1. Thông tin khái quát về đơn vị

Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmos Việt Nam được thành lập trên cơ sở giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401890945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09/04/2018. Hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ dựa trên Luật doanh nghiệp và có tư cách pháp nhân. Bên cạnh đó, tự chịu trách nhiệm cho mọi hoạt động kinh doanh trong số vốn do Công ty quản lý, có con dấu riêng, có tài sản và có quyền được mở tài khoản ngân hàng theo quy định của nhà nước.

- Tên Công ty: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM

- Mã số thuế: 0401890945

- Địa chỉ: 117-119 Ngô Thị Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Vốn điều lệ: 6.800.000.000

- Giám đốc: Nguyễn Thị Huyền

- Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế khu vực Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn

- Ngày cấp giấy phép và hoạt động: 09/04/2018

- Loại hình DN: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài NN

- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê phòng lưu trú, nhà hàng và các phục vụ ăn uống.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmos Việt Nam được chính thức thành lập vào ngày 09 tháng 04 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401890945 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Ra đời trong bối cảnh ngành du lịch Đà Nẵng đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, Công ty định hướng tập trung vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ lưu trú và lữ hành chất lượng cao. Trụ sở chính và cơ sở hoạt động của công ty đặt tại khu vực biển Mỹ Khê – một trong những vị trí trọng điểm về du lịch của thành phố.

Trải qua quá trình hoạt động và phát triển, Công ty đã từng bước mở rộng quy mô và

đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách:

- Giai đoạn thành lập (2018): Xây dựng bộ máy tổ chức và đưa vào vận hành hệ thống lưu trú với thương hiệu Khách sạn Cosmos tại địa chỉ 117-119 Ngô Thì Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng.

- Mở rộng lĩnh vực kinh doanh: Bên cạnh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (mã ngành 5510), Công ty đã mở rộng sang các lĩnh vực bổ trợ như: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống (mã ngành 5610), Điều hành tua du lịch nội địa và quốc tế (mã ngành 7912), cùng dịch vụ vận tải hành khách du lịch.

- Hiện tại: Công ty duy trì hoạt động ổn định, chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý thuế và pháp luật doanh nghiệp, tiếp tục khẳng định uy tín trong lĩnh vực dịch vụ du lịch tại địa phương.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý và tổ chức kế toán tại công ty.

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất tại công ty

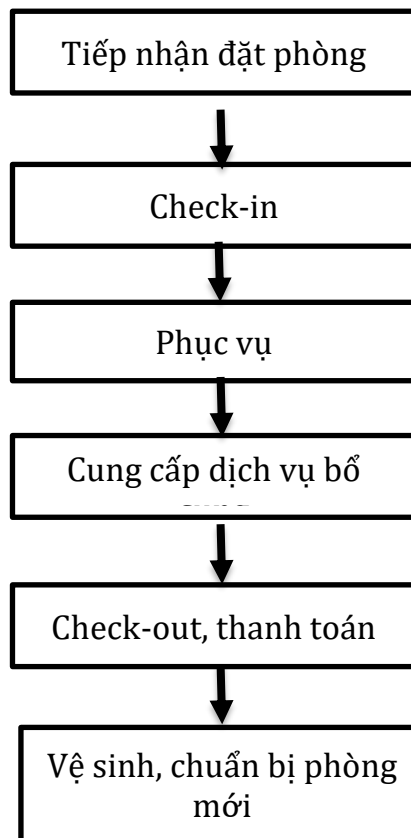
Đặc điểm hoạt động sản xuất - Kinh doanh tại công ty

Cosmos Hotel Đà Nẵng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú và du lịch, với các sản phẩm dịch vụ chính gồm:

- Dịch vụ lưu trú (phòng nghỉ)
- Dịch vụ ăn uống (nhà hàng, bar)
- Các dịch vụ bổ trợ khác: hồ bơi, đưa đón sân bay, đặt tour, giặt là,...

Do đặc thù là doanh nghiệp dịch vụ, quá trình “sản xuất” của khách sạn chính là quá trình cung ứng dịch vụ trực tiếp cho khách hàng, diễn ra liên tục, không thể lưu kho và phụ thuộc lớn vào chất lượng nhân sự.

Quy trình cung cấp dịch vụ lưu trú

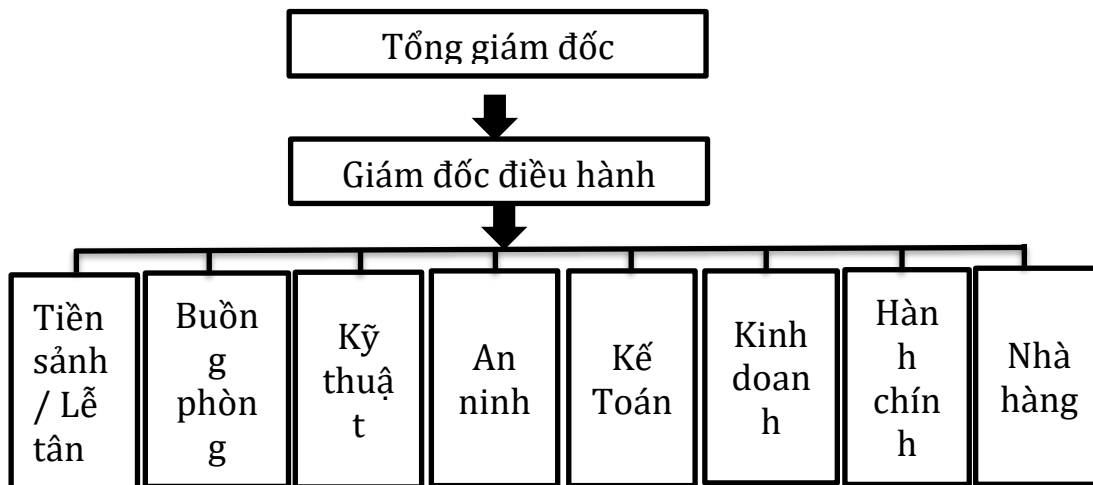


Sơ đồ 2.1. Quy trình cung cấp dịch vụ lưu trú

Quy trình này diễn ra theo trình tự thời gian khép kín gồm 3 giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1: Trước và khi khách đến
 - Tiếp nhận đặt phòng: Ghi nhận thông tin khách muốn thuê.(Trực tiếp, qua website, OTA)
 - Check-in: Đón tiếp, đăng ký thông tin và giao phòng cho khách.
- Giai đoạn 2: Trong thời gian lưu trú
 - Phục vụ: Đáp ứng các nhu cầu cơ bản của khách trong quá trình lưu trú
 - Cung cấp dịch vụ bổ sung: Phục vụ các tiện ích khác (ăn uống, giặt ủi...) để gia tăng trải nghiệm tại khách sạn.
- Giai đoạn 3: Khi khách đi và sau lưu trú
 - Check-out, thanh toán: Khách check-out và hoàn tất chi phí.
 - Vệ sinh, chuẩn bị phòng mới: Bộ phận buồng phòng dọn dẹp để đưa căn phòng trở lại trạng thái sẵn sàng đón lượt khách tiếp theo

2.1.3.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại công ty



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

✚ Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

➤ **Tổng giám đốc**

Chức năng: Lãnh đạo cao nhất, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của công ty.

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển dài hạn.
- Quyết định các vấn đề quan trọng về tài chính, nhân sự, đầu tư.
- Đại diện pháp lý của công ty trước pháp luật và đối tác.
- Giám sát, kiểm tra hoạt động của Giám đốc điều hành

➤ **Giám đốc điều hành**

Chức năng: Quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động hằng ngày của khách sạn

Nhiệm vụ:

- Triển khai kế hoạch, chiến lược theo chỉ đạo của Tổng giám đốc
- Điều phối các bộ phận hoạt động hiệu quả
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong vận hành
- Báo cáo kết quả hoạt động cho Tổng giám đốc

➤ **Bộ phận tiền sảnh**

Chức năng: Là bộ mặt của khách sạn, tiếp xúc trực tiếp với khách hàng

Nhiệm vụ:

- Đón khách , làm thủ tục check-in, check-out
- Cung cấp thông tin, hỗ trợ và giải quyết yêu cầu của khách
- Phối hợp với các bộ phận khác để phục vụ khách hàng

➤ **Bộ phận buồng phòng**

Chức năng: Đảm bảo vệ sinh, sự sạch sẽ và tiện nghi của khách sạn.

Nhiệm vụ:

- Dọn dẹp, vệ sinh phòng khách và khu vực công cộng
- Báo cáo tình trạng phòng cho bộ phận tiền sảnh

➤ **Bộ phận nhà hàng**

Chức năng: Phục vụ cho khách ăn uống lưu trú.

Nhiệm vụ:

- Chuẩn bị, chế biến và phục vụ món ăn, đồ uống
- Quản lý kho nguyên liệu và chất lượng dịch vụ

➤ **Bộ phận kỹ thuật**

Chức năng: Đảm bảo hệ thống kỹ thuật của khách sạn vận hành ổn định

Nhiệm Vụ:

- Bảo trì, sửa chữa điện, nước, điều hòa, thang máy,...

➤ **Bộ phận an ninh**

Chức năng: Đảm bảo an toàn cho khách, nhân viên và tài sản khách sạn

Nhiệm vụ:

- Giám sát an ninh, Phòng chống cháy nổ
- Kiểm soát ra vào khách sạn

➤ **Bộ phận kinh doanh**

Chức năng: Tăng doanh thu và quảng bá hình ảnh khách sạn

Nhiệm vụ:

- Tìm kiếm khách hàng, đối tác, công ty lữ hành
- Quản lý hợp đồng, đặt phòng

➤ **Bộ phận kế toán**

Chức năng: Quản lý tài chính- Kế toán khách sạn

Nhiệm vụ:

- Ghi chép, theo dõi doanh thu-Chi phí
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế
- Kiểm soát chi tiêu, thanh toán

➤ **Bộ phận hành chính-nhân sự**

Chức năng: Quản lý nhân sự và công tác hành chính

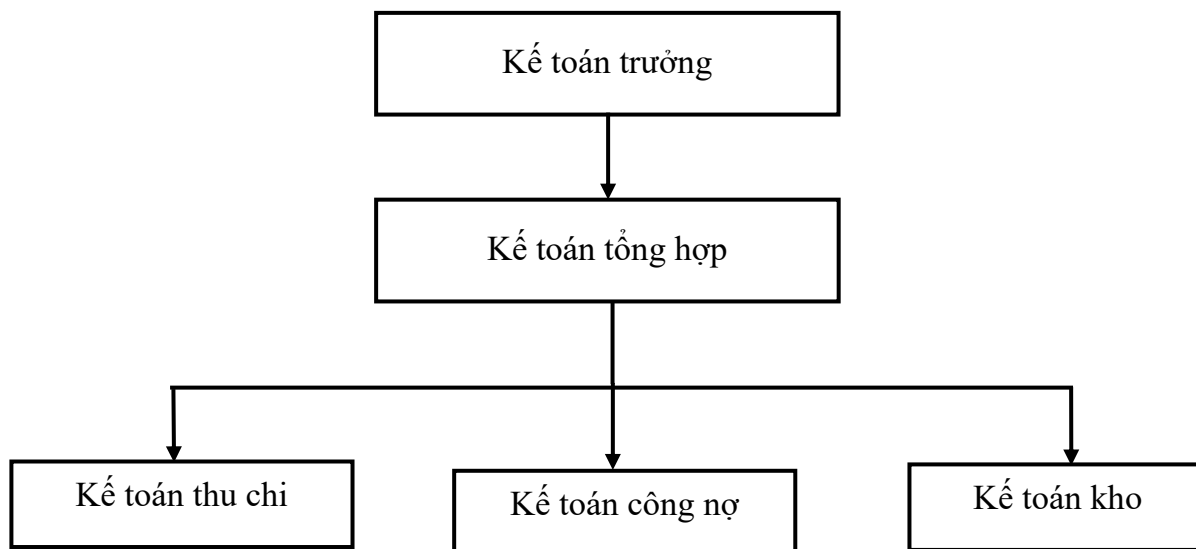
Nhiệm vụ:

- Tuyển dụng, đào tạo, chấm công

- Quản lý hồ sơ nhân viên

2.1.3.3. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty

Tổ chức bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.3. Bộ máy tổ chức kế toán

Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận

➤ Kế toán trưởng

Chức năng: Tổ chức, điều hành và kiểm soát toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc và pháp luật về tính trung thực, hợp lý của số liệu kế toán

Nhiệm vụ:

- Tổ chức bộ máy kế toán và phân công công việc cho từng kế toán viên.
- Kiểm tra, giám sát việc ghi chép sổ sách, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế.
- Đảm bảo việc tuân thủ chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và pháp luật thuế.

➤ Kế toán thu chi

Chức năng: Thực hiện theo dõi, quản lý các khoản thu – chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của khách sạn.

Nhiệm vụ:

- Lập phiếu thu, phiếu chi khi phát sinh nghiệp vụ thu – chi.
- Theo dõi và đối chiếu số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.
- Thực hiện thu tiền của khách hàng và thanh toán cho nhà cung cấp.

- Lưu trữ chứng từ thu – chi theo quy định.

➤ **Kế toán công nợ**

Chức năng: Theo dõi và quản lý các khoản thu của khách hàng và phải trả cho nhà cung cấp

Nhiệm vụ:

- Theo dõi chi tiết công nợ khách hàng, đối tác, đại lý du lịch (OTA).
- Đôn đốc thu hồi công nợ đến hạn.
- Đối chiếu công nợ định kỳ với khách hàng và nhà cung cấp.
- Lập báo cáo công nợ phải thu, phải trả.

➤ **Kế toán kho**

Chức năng: Quản lý và theo dõi tình hình Nhập- Xuất – tồn kho hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động khách sạn.

Nhiệm vụ:

- Kiểm tra chứng từ nhập kho, xuất kho.
- Hạch toán nghiệp vụ nhập – xuất kho theo đúng quy định.
- Theo dõi tồn kho nguyên vật liệu, hàng hóa (thực phẩm, minibar...).
- Phối hợp với bộ phận kho và bếp để kiểm kê định kỳ.
- Lập báo cáo tồn kho và đề xuất phương án quản lý kho hiệu quả.

➤ **Kế toán tổng hợp**

Chức năng: Thực hiện tổng hợp số liệu kế toán, lập báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

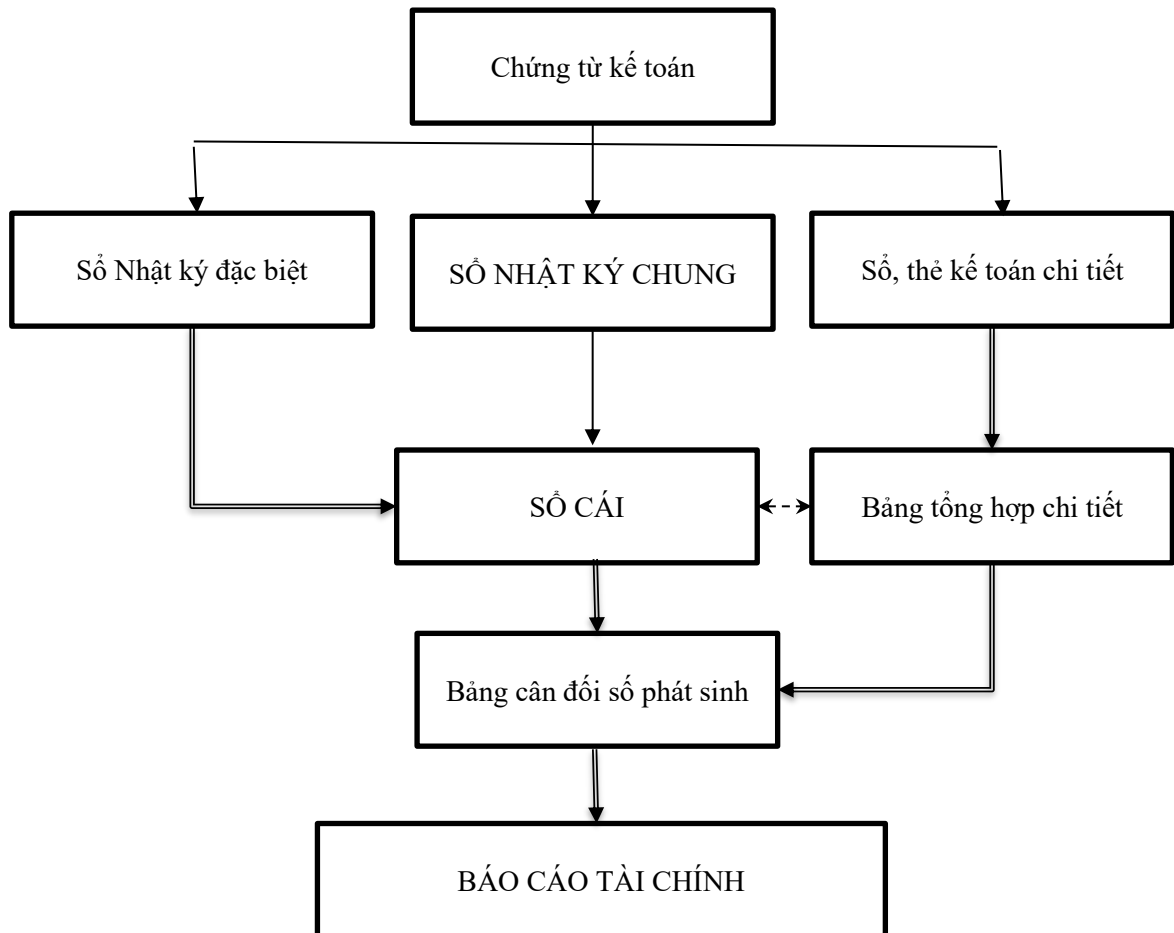
Nhiệm vụ:

- Tổng hợp số liệu từ các kế toán phân hành
- Hạch toán các bút toán tổng hợp, phân bổ và kết chuyển cuối kỳ
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Lập báo cáo thuế theo kỳ kế toán

STT	Phần hành kế toán	Nội dung công việc chủ yếu	Người phụ trách
1	Kế toán tiền mặt- tiền gửi ngân hàng	- Theo dõi thu, chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, lập phiếu thu, phiếu chi , đối chiếu quỹ tiền mặt và sao kê ngân hàng	Kế toán thu chi

STT	Phân hành kế toán	Nội dung công việc chủ yếu	Người phụ trách
2	Kế toán hàng tồn kho	- Theo dõi nhập – xuất – tồn kho, kiểm tra chứng từ nhập kho, xuất kho, tham gia kiểm kê kho định kỳ	Kế toán kho
3	Kế toán doanh thu	- Ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	Kế toán tổng hợp
4	Kế toán tài sản cố định	- Theo dõi tăng, giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, lập sổ theo dõi tài sản	Kế toán tổng hợp
5	Kế toán tiền lương	- Tính lương cho người lao động, hạch toán BHXH, BHYT, BHTN, lập bảng thanh toán lương	Kế toán tổng hợp
6	Kế toán thuế	- Kê khai thuế GTGT, TNDN, TNCN, lập báo cáo thuế định kỳ, quyết toán thuế theo quy định	Kế toán tổng hợp / Kế toán trưởng

Hình thức kế toán tại công ty



Sơ đồ 2.4. Ghi sổ theo hình thức thức nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hằng ngày



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu kiểm tra

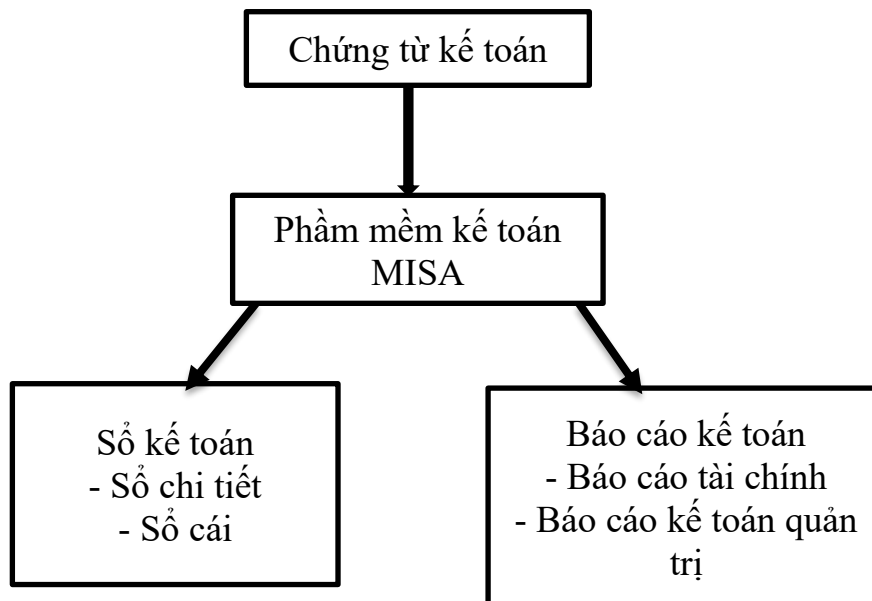


Trình tự ghi sổ

Sơ đồ thể hiện quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, trong đó các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi hằng ngày từ chứng từ kế toán vào Sổ nhật ký chung và sổ, thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng hoặc định kỳ, số liệu từ Sổ nhật ký chung được chuyển vào Sổ cái; số liệu chi tiết được tổng hợp lập Bảng tổng hợp chi tiết để đối chiếu, kiểm tra với Sổ cái. Trên cơ sở số liệu đã được đối chiếu, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ trên phần mềm Misa

Hiện nay, công ty đang áp dụng phần mềm kế toán MISA trong công tác kế toán nhằm phục vụ việc ghi chép, xử lý và quản lý số liệu kế toán



Sơ đồ 2.5. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Misa

Kỳ	Tùy chọn	Từ	Đến	Trạng thái	Đã ghi sổ	Lập HD	Tất cả	Lấy dữ liệu
Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số hóa đơn	Khách hàng	Diễn giải	Tổng tiền hàng	Tiền chiết khấu	Tiền thuế GTGT	Tổng tiền thanh toán
25/04/2025	25/04/2025	32321	25M-972	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MI	3.703.705	0	296.295	4.000.000
25/04/2025	25/04/2025	31812	25M-970	CÔNG TY TNHH DU LỊCH HELLO ASI	2.407.408	0	192.592	2.600.000
24/04/2025	24/04/2025	33775	25M-962	Agoda Company Pte. Ltd	700.000	0	56.000	756.000
24/04/2025	24/04/2025	33708	25M-967	CÔNG TY TNHH TRAVEL AND TOUR	4.444.446	0	355.554	4.800.000
24/04/2025	24/04/2025	33615	25M-968	CÔNG TY TNHH DU LỊCH HELLO ASI	5.925.928	0	474.072	6.400.000
24/04/2025	24/04/2025	33536	25M-963	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH	3.888.888	0	311.112	4.200.000
24/04/2025	24/04/2025	33502	25M-966	Trip.com	509.259	0	40.741	550.000
24/04/2025	24/04/2025	32248	25M-965	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MI	1.805.556	0	144.444	1.950.000
24/04/2025	24/04/2025	32235	25M-969	CÔNG TY TNHH VIỆT - SKY TRAVEL	1.018.518	0	81.482	1.100.000
24/04/2025	24/04/2025	31897	25M-961	CÔNG TY TNHH DU LỊCH HELLO ASI	2.222.223	0	177.777	2.400.000
24/04/2025	24/04/2025	31815	25M-964	CÔNG TY TNHH DU LỊCH HELLO ASI	1.481.482	0	118.518	1.600.000
23/04/2025	23/04/2025	33657	25M-960	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VIỆT	3.888.888	0	311.112	4.200.000
23/04/2025	23/04/2025	33255	25M-955	Công ty TNHH Crystal Bay Tours	3.888.888	0	311.112	4.200.000
23/04/2025	23/04/2025	33252	25M-956	Công ty TNHH Crystal Bay Tours	3.888.888	0	311.112	4.200.000
23/04/2025	23/04/2025	33043	25M-957	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊ	3.333.330	0	266.670	3.600.000
23/04/2025	23/04/2025	32697	25M-959	CÔNG TY TNHH DU LỊCH HELLO ASI	1.481.482	0	118.518	1.600.000
23/04/2025	23/04/2025	32105	25M-958	CÔNG TY TNHH DU LỊCH HELLO ASI	1.481.482	0	118.518	1.600.000
22/04/2025	22/04/2025	33744	25M-950	Trip.com	601.852	0	48.148	650.000
22/04/2025	22/04/2025	33743	25M-954	Booking.com B.V	699.125	0	55.930	755.055
Số đóng = 545					1.793.285.518	0	143.278.831	1.936.564.349

Hình 2.1. Giao diện làm việc ghi nhận doanh thu phần mềm MISA

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung trên phần mềm Misa

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu.

Cuối năm, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.

Cuối cùng kế toán sẽ in sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết, đóng thành quyển, đối chiếu số liệu với các sổ tổng hợp, sổ chi tiết và lưu trữ chứng từ theo quy định pháp

luật.

Chế độ kế toán và một số chính sách kế toán

Chế độ kế toán

Công ty hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính ban hành.

Chính sách kế toán

Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 1/1 – 31/12 năm dương lịch

Nguyên tắc ghi nhận: Giá gốc

Kỳ kế toán: Công ty áp dụng niên độ kế toán theo quý, được chia thành 4 quý trong năm dương lịch, cụ thể: Quý I, quý II, quý III, và quý IV, tương ứng với các khoảng thời gian từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 hằng năm.

Phương pháp hạch toán: Phương pháp kê khai thường xuyên

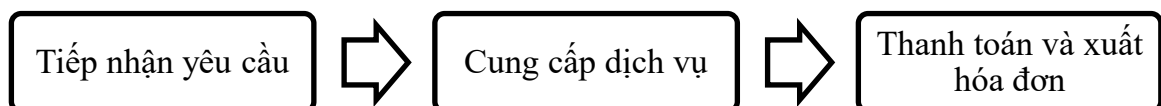
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Việt Nam đồng

Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Phương pháp đường thẳng

2.1.4. Đặc điểm bán hàng tại công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

Doanh thu công ty chủ yếu phát sinh từ hoạt động kinh doanh dịch vụ, bao gồm doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Doanh thu phát sinh thường xuyên, giá trị từng nghiệp vụ không quá lớn nhưng số lượng giao dịch nhiều, đòi hỏi công tác kế toán phải theo dõi kịp thời và chính xác.



Sơ đồ 2.6 Quy trình luân chuyển dịch vụ

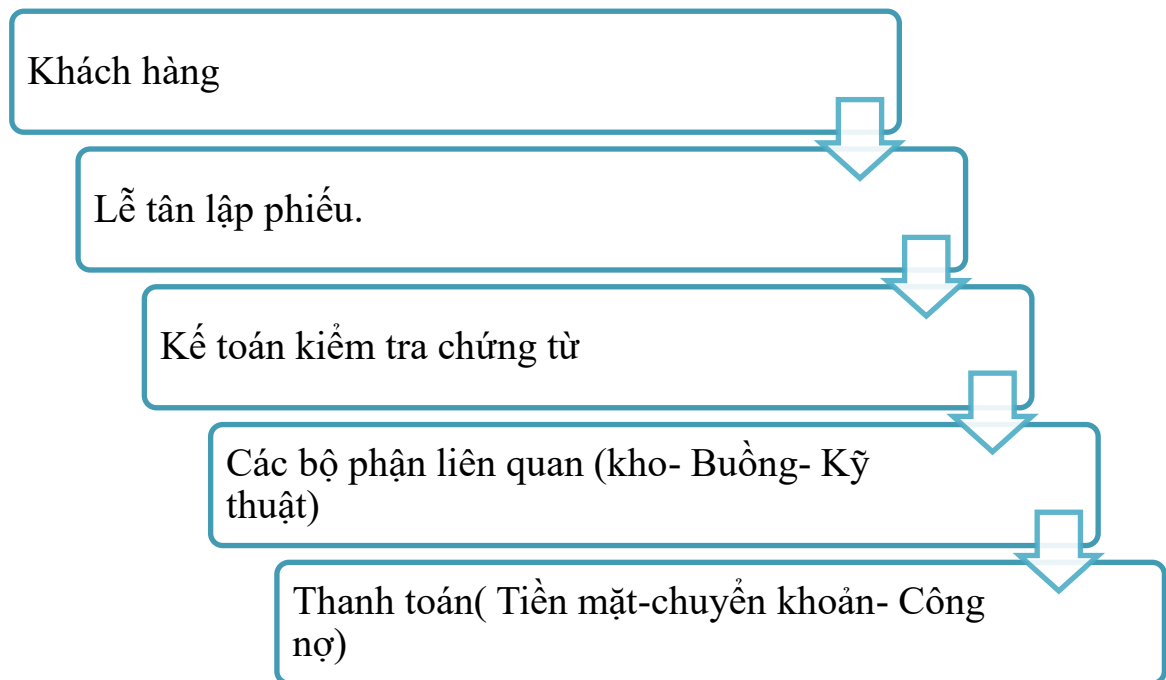
Dịch vụ phòng lưu trú

Doanh thu dịch vụ phòng lưu trú là nguồn doanh thu chủ yếu của công ty. Doanh thu phát sinh từ việc cho thuê phòng theo ngày hoặc theo đêm, mức giá được quy định tùy theo loại phòng và thời điểm sử dụng dịch vụ. Để đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ, Công ty thực hiện việc quản lý và sử dụng mã DTPhong để theo dõi doanh thu của công ty.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

2.2.1.1. Trình tự luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.7. Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu cung cấp dịch vụ

Tiếp nhận yêu cầu khách hàng và lập chứng từ

- Bộ phận lễ tân tiếp nhận yêu cầu sử dụng dịch vụ của khách hàng(thuê phòng , ăn uống, dịch vụ bổ sung)
- Lễ tân ghi nhận thông tin khách hàng gồm: họ và tên, thời gian lưu trú, loại phòng, dịch vụ sử dụng.
- Lập các chứng từ ban đầu như : Phiếu đăng ký phòng, Phiếu sử dụng dịch vụ khác.

Kiểm tra và hạch toán

- Kế toán: Hạch toán doanh thu, kiểm tra tính hợp lệ phiếu thu, phiếu xuất kho đảm bảo phù hợp với quy định.
- Bộ phận kho: Nhận phiếu xuất kho từ kế toán , sau đó xuất hàng hóa theo phiếu và ghi nhận vào sổ kho.
- Bộ phận kỹ thuật/Buồng phòng: Thực hiện các yêu cầu sửa chữa, chuẩn bị phòng theo phiếu yêu cầu dịch vụ.

Thanh toán và hoàn tất giao dịch

- Kế toán: Tiếp nhận thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản từ khách hàng.Sau đó ghi nhận giao dịch vào sổ quỹ hoặc sổ tiền gửi ngân hàng.
- Trường hợp khách hàng chưa thanh toán, kế toán theo dõi công nợ phải thu.

Lưu trữ chứng từ và báo cáo

– Kế toán lưu trữ các chứng từ gốc như hóa đơn, phiếu thu, phiếu xuất kho và tổng hợp số liệu để phục vụ việc lập báo cáo thuế định kỳ.

2.2.1.2. Nghiệp vụ phát sinh kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam

➤ **Trích số liệu thực tế quý 2, tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam**

Nghiệp vụ minh họa 1: Bán hàng và cung cấp dịch vụ thanh toán ngay bằng tiền chuyển khoản

Ngày 20/04/2025, khách hàng đến thuê phòng tại Cosmos Hotel Đà Nẵng với đơn giá 800.000 đồng/phòng/ngày (Đã có 8% thuế GTGT). Khách check-in ngày 20/04/2025 và check-out ngày 24/04/2025, thời gian lưu trú là 5 ngày.

Sau khi hoàn tất việc sử dụng lưu trú, khách sạn thực hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ và kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử số 972 với ký hiệu 1C25MCM.

 **Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ**

Bộ phận lễ tân sẽ tiếp nhận khách hàng, làm thủ tục check-in và lập phiếu nhận phòng, ghi nhận thời gian khách sử dụng dịch vụ.

COSMOS HOTEL
 117-119 Ngo Thi Si, Ngu Hanh Son Distict, DN

REGISTRATION FORM

GUEST'S NAME (Tên khách) A HMED KHALFAN		PASSPORT#/ID (Số passport)	
BIRTHDAY (Ngày sinh)		NATIONALITY (Quốc tịch)	
ROOM TYPE (Loại phòng) 702	ROOM NO. (Số phòng)	PHONE NUMBER (Số điện thoại)	
E-MAIL ADDRESS (Địa chỉ E-mail)			
ARRIVAL DATE (Ngày đến) 2014	TIME	DEPARTURE DATE (Ngày đi) 25/4	ROOM RATE (Giá phòng) 4.000.000
COMPANY/ TRAVEL AGENT (Công ty/ Hãng lữ hành)		CÔNG TY CỔ PHẦN Du lịch Liên minh Việt	
SPECIAL REQUESTS (Yêu cầu đặc biệt)			
PICK UP		Date:	Flight No:
DROP OFF		Date:	ETA:
METHOD OF PAYMENT (Hình thức thanh toán)		Please Note:	
Own Account ☐ Cash ☐ Other ☐ Master Card ☐ Visa Card ☐ Diners Club ☐ JCB Card Credit Card Number : Expired Date:		1. Check-out time is 12:00 noon 2. Only registered guests are accepted in the room 3. Please place your valuables in your room safe box or at the Front office safe box. The hotel is not liable for loss or damage to valuables left in the room. 4. If there are changes in the information presented above, please notify our reception.	
Company /TA Account ☐ Room Only ☐ All Expenses		1. Thời gian check-out là 12 giờ trưa. 2. Chỉ những khách đăng kí mới được vào phòng. 3. Xin vui lòng để những vật dụng có giá trị vào két sắt an toàn ở trong phòng hoặc tại quầy Lễ tân. Khách sạn không chịu trách nhiệm đối với những vật bị mất cắp hoặc hư hỏng trong phòng. 4. Nếu quý khách có những thay đổi về thông tin trên, xin vui lòng báo ở quầy lễ tân.	

I hereby authorize the hotel to debit any outstanding charges to my credit card including cancellation charges for any services agreed and confirmed at the time of reservation.
 (Tôi đồng ý thanh toán các khoản nợ và thẻ tín dụng của tôi bao gồm các chi phí hủy của các dịch vụ đã đồng ý đặt và xác nhận)

GUEST'S SIGNATURE 	CHECKED IN BY	CHECKED BY
------------------------------	----------------------	-------------------

Hình 2.2: Phiếu nhận phòng khách hàng “A HMED KHALFAN”

Sau khi sử dụng xong dịch vụ là 5 ngày. Tiếp theo, khi khách check-out, lễ tân xác nhận số ngày lưu trú thực tế và tổng giá trị dịch vụ sử dụng. Lập bảng kê dịch vụ



PRO-FORMA INVOICE

Bảng kê dịch vụ

24/04/2024 15:25:34

Tên khách / Guest name: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MINH VIỆT NAM

Công ty / Company:

Địa chỉ / Address:

Hình thức thanh toán / Method of payment

Số đặt phòng / Booking No: 4896616906

Số TT / Folio No: 32321 A

Phòng / Room No: 702

Số khách / No. of Guest(s):

Ngày đến / Arrival: 20-04-25

Ngày đi / Departure: 25-04-25

Page 1 of 1

Ngày Date	Tham chiếu Reference	Tên hàng hóa, dịch vụ Description	Phòng Room	Tiền Sub Amount	Phí dịch vụ Serv charge	Thuế Tax Amount	Tổng cộng Amount
19/04/2025	118	Bank Deposit VND		-2.962.963		-237.037	-3.200.000
20/04/2025	227	Dịch vụ phòng (Room Charge)	702	705.468	35.273	59.259	800.000
21/04/2025	223	Dịch vụ phòng (Room Charge)	702	705.468	35.273	59.259	800.000
22/04/2025	111	Bank Deposit VND	702	-740.741		-59.259	-800.000
22/04/2025	254	Dịch vụ phòng (Room Charge)	702	705.468	35.273	59.259	800.000
23/04/2025	229	Dịch vụ phòng (Room Charge)	702	-5.533.500	35.273	59.259	800.000
24/04/2025	249	Dịch vụ phòng (Room Charge)	702	705.468	35.273	59.259	800.000

Exchange rate: 23.000

Tổng cộng (Total): 4.000.000

Total USD : (USD) 173.91

Thanh Toán (Payment): 4.000.000

(USD) 173.91

Còn lại (Balance): 0

(USD) 0.00

Số tiền bằng chữ (Amount in words):

VND : Bốn triệu đồng chẵn

Four million dong only

Khách hàng (Guest)

Ký & ghi họ tên (Sign & Name)

Thu ngân (Cashier)

Ký & ghi họ tên (Sign & Name)

Hình 2.3: Bảng kê dịch vụ của khách hàng “A HMED KHALFAN”

Tiếp theo, Kế toán căn cứ vào thông tin do lễ tân cung cấp để lập hóa đơn GTGT cho dịch vụ lưu trú.

Mã cơ quan thuế: M1-25-I5MQS-00002288306



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (date) 25 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): 1C25MCM
Số (No.): 972

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code) : 0401890945

Địa chỉ (Address) : 117-119 Ngõ Thôi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : 02363755668 Email: fc@cosmoshoteldanang.com

Số tài khoản (A/C No) :

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MINH VIỆT NAM

Địa chỉ (Address): Số 122 Trần Đại Nghĩa, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã số thuế (Tax code): 0108205732

Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Dịch vụ lưu trú ngày 20/04/2025	Phòng	1	740.741	740.741
2	Dịch vụ lưu trú ngày 21/04/2025	Phòng	1	740.741	740.741
3	Dịch vụ lưu trú ngày 22/04/2025	Phòng	1	740.741	740.741
4	Dịch vụ lưu trú ngày 23/04/2025	Phòng	1	740.741	740.741
5	Dịch vụ lưu trú ngày 24/04/2025	Phòng	1	740.741	740.741
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					3.703.705
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 296.295
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					4.000.000

Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn triệu đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ
DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT
NAM

Ngày ký: 25 / 04 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 29PKDJX1LLF2

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.4: Hóa đơn GTGT số 972 ngày 25/4/2025

Sau khi lập hóa đơn GTGT, khách hàng thực hiện thanh toán qua ngân hàng (chuyển khoản) và kế toán nhận được Giấy báo có (Phụ lục 4) theo quy định.

Signature valid
Đã ký bởi Ngân hàng TMCP Quân đội
Ngày ký: 05/01/2025



PHIẾU BÁO CÓ

Ngày/Date: 19/04/2025

Nguyên tệ/Currency: VND

Tên Khách hàng/Customer Name: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM

Số tài khoản/Account No: 3011128168168

MST KH/Tax code: 0401890945

Mã GD: FT25109382403438

GDV/Teller: 44197_JMSONLINE.1__OFS_DECRY.
TELNET

Chi nhánh/Branch: Thanh Cong

Thông tin báo :		Số tiền :	Loại tiền :
Tài khoản có:	3011128168168	3,200,000	VND
Tài khoản nợ:	666607777	3,200,000	VND
NGƯỜI PHÁT LỆNH: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MINH VIỆT NAM			
TÊN NGÂN HÀNG: MB			
Bằng chữ:	Ba triệu hai trăm nghìn đồng		
Thu phí	Phí:	0	
	VAT:	0	
	Tổng phí :	0	
	Bằng chữ:		
Diễn giải:	Mustgo tt bk M000201432 114639		

Lập biểu

Kiểm soát

Signature valid
Đã ký bởi Ngân hàng TMCP Quân đội
Ngày ký: 05/01/2025



PHIẾU BÁO CÓ

Ngày/Date: 21/04/2025

Nguyên tệ/Currency: VND

Tên Khách hàng/Customer Name: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM

Số tài khoản/Account No: 3011128168168

MST KH/Tax code: 0401890945

Mã GD: FT25111609307501

GDV/Teller: 40944_JMSONLINE.1__OFS_DECRY.
TELNET

Chi nhánh/Branch: Thanh Cong

Thông tin báo :		Số tiền :	Loại tiền :
Tài khoản có:	3011128168168	800,000	VND
Tài khoản nợ:	666607777	800,000	VND
NGƯỜI PHÁT LỆNH: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MINH VIỆT NAM			
TÊN NGÂN HÀNG: MB			
Bằng chữ:	Tám trăm nghìn đồng		
Thu phí	Phí:	0	
	VAT:	0	
	Tổng phí :	0	
	Bằng chữ:		
Diễn giải:	Mustgo tt bk M000211090 114639		

Lập biểu

Kiểm soát

Chứng từ này được xuất tự động từ hệ thống ngân hàng điện tử BIZ MBBank của Ngân hàng TMCP Quân đội.

Hình 2.5: Giấy báo có từ Ngân hàng

Giấy báo có là chứng từ kế toán dùng để xác nhận số tiền gửi ngân hàng mà khách hàng đã thanh toán cho dịch vụ lưu trú. Căn cứ vào các chứng từ kế toán tiến hành sử dụng phần mềm Misa, vào phân hệ “bán hàng” tiếp theo chọn “thêm” và nhập các nội dung chi tiết vào giao diện , cuối cùng chọn “cất” khi hoàn thành quá trình nhập liệu.

Thêm chứng từ bán hàng

1. Bán hàng hóa, dịch vụ trong nước ☐ Kiểm phiếu xuất kho

Nhập số báo giá Chưa thu tiền ☐ Thu tiền ngay ☐ Tiền mặt ☐ Lập kèm hóa đơn

Thông tin chung

Khách hàng: 0000000000043 CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LIÊN MINH VIỆT NAM
Mã số thuế: 0108205732 Người liên hệ:
Địa chỉ: S5 122 Trần Đại Nghĩa, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: Doanh thu dịch vụ phòng ngày 20-24/04/2025
NV bán hàng:
Tham chiếu: 25M-972 ET250447 ... ☒ Đã lập hóa đơn

Chứng từ

Ngày hạch toán: 25/04/2025
Ngày chứng từ: 25/04/2025
Số chứng từ: 32321

Điều khoản TT: Số ngày được nợ: (ngày) Hạn thanh toán:

1. Hàng tiền	2. Thuế	3. Thông kê	4. Khác	TK công nợ/chi phí	TK doanh thu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ lệ CK (%)	Tiền chiết khấu	Loại tiền	Tỷ giá	Kh khoản mục CK
DTPHONG				131	5113		0.00	0.00	3.703.705	0.00	0	VND	1.00	5211
Số dòng = 1														
									Tổng tiền hàng	3.703.705		Tiền thuế GTGT	296.295	
									Tiền chiết khấu	0		Tổng tiền thanh toán	4.000.000	

Phân bổ chiết khấu... Xem công nợ

Hình 2.6: Màn hình nhập liệu doanh thu cung cấp dịch vụ vào phần mềm Misa của hóa đơn 972

Như vậy, trình tự kế toán doanh thu tại khách sạn được thực hiện đầy đủ từ khâu lập chứng từ, hóa đơn đến thu tiền và lưu trữ chứng từ.

Nghiệp vụ minh họa 2: Bán hàng và cung cấp dịch vụ thanh toán bằng tiền mặt.

Ngày 13/04/2025, khách hàng đến thuê phòng tại Cosmos Hotel Đà Nẵng với đơn giá 996.030 đồng/phòng/ngày (Đã có 8% thuế GTGT). Khách check-in ngày 13/04/2025 và check-out ngày 18/04/2025 với tổng số tiền là 5.976.180vnd, thời gian lưu trú là 6 ngày.

Sau khi hoàn tất việc sử dụng lưu trú, khách sạn thực hiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ và kế toán tiến hành lập hóa đơn điện tử số 929 với ký hiệu 1C25MCM.

Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ

Bộ phận lễ tân sẽ tiếp nhận khách hàng, làm thủ tục check-in và lập phiếu nhận phòng, ghi nhận thời gian khách sử dụng dịch vụ.

Tên khách / Guest Name
Công ty / Company
Địa chỉ / Address
Họ / Surname
Số / Number

PRO-FORMA INVOICE

COSMOS HOTEL
117-119 Ngo Thi Si, Ngu Hanh Son District, DN

REGISTRATION FORM

GUEST'S NAME (Tên khách) Roland Cartlidge		PASSPORT#/ID (Số passport)	
BIRTHDAY (Ngày sinh)		NATIONALITY (Quốc tịch)	
ROOM TYPE (Loại phòng)	ROOM NO. (Số phòng)	PHONE NUMBER (Số điện thoại)	E-MAIL ADDRESS (Địa chỉ E-mail)
1004			
ARRIVAL DATE (Ngày đến)	TIME	DEPARTURE DATE (Ngày đi)	ROOM RATE (Giá phòng)
13/4		19/4	5.976.180
COMPANY/ TRAVEL AGENT (Công ty/ Hãng lữ hành)		Booking.com	
SPECIAL REQUESTS (Yêu cầu đặc biệt)		ĐÃ THU TIỀN	
PICK UP	Date:	Flight No:	ETA:
DROP OFF	Date:	Flight No:	ETD:
METHOD OF PAYMENT (Hình thức thanh toán)		Please Note:	
☐ Cash ☐ Master Card ☐ Diners Club ☐ Other ☐ Visa Card ☐ JCB Card Credit Card Number : Expired Date:		1. Check-out time is 12:00 noon 2. Only registered guests are accepted in the room 3. Please place your valuables in your room safe box or at the Front office safe box. The hotel is not liable for loss or damage to valuables left in the room. 4. If there are changes in the information presented above, please notify our reception.	
☐ Room Only ☐ All Expenses		1. Thời gian check-out là 12 giờ trưa. 2. Chỉ những khách đăng ký mới được vào phòng. 3. Xin vui lòng để những vật dụng có giá trị vào két sắt an toàn ở trong phòng hoặc tại quầy Lễ tân. Khách sạn không chịu trách nhiệm đối với những vật bị mất cắp hoặc hư hỏng trong phòng. 4. Nếu quý khách có những thay đổi về thông tin trên, xin vui lòng báo ở quầy lễ tân.	

I hereby authorize the hotel to debit any outstanding charges to my credit card including cancellation charges for any services agreed and confirmed at the time of reservation.
(Tôi đồng ý thanh toán các khoản nợ và thẻ tín dụng của tôi bao gồm các chi phí hủy của các dịch vụ đã đồng ý đặt và xác nhận)

GUEST'S SIGNATURE 	CHECKED IN BY	CHECKED BY
-----------------------	---------------	------------

+66 63232 6813

Hình 2.7: Phiếu nhận phòng khách hàng “ROLAND CARTLIDGE”

Sau khi sử dụng xong dịch vụ là 6 ngày. Tiếp theo, khi khách check-out, lễ tân xác nhận số ngày lưu trú thực tế và tổng giá trị dịch vụ sử dụng. Lập bảng kê dịch vụ.



PRO-FORMA INVOICE

Bảng kê dịch vụ

19/04/2025 15:25:34

Tên khách / Guest name: ROLAND CARTLIDGE

Công ty / Company:

Địa chỉ / Address:

Hình thức thanh toán / Method of payment

Số đặt phòng / Booking No: 4896616906

Số TT / Folio No: 32186 A

Phòng / Room No: 1004

Số khách / No. of Guest(s):

Ngày đến / Arrival: 13-04-25

Ngày đi / Departure: 19-04-25

Page 1 of 1

Ngày Date	Tham chiếu Reference	Tên hàng hóa, dịch vụ Description	Phòng Room	Tiền Sub Amount	Phí dịch vụ Serv charge	Thuế Tax Amount	Tổng cộng Amount
13/04/2025	136	Dịch vụ phòng (Room Charge)	1004	878.333	43.917	73.780	996.030
14/04/2025	127	Dịch vụ phòng (Room Charge)	1004	878.333	43.917	73.780	996.030
15/04/2025	132	Dịch vụ phòng (Room Charge)	1004	878.333	43.917	73.780	996.030
16/04/2025	132	Dịch vụ phòng (Room Charge)	1004	878.333	43.917	73.780	996.030
17/04/2025	130	Dịch vụ phòng (Room Charge)	1004	878.333	43.917	73.780	996.030
18/04/2025	105	Cash Deposit VND	1004	-5.533.500		-442.680	-5.976.180
18/04/2025	132	Dịch vụ phòng (Room Charge)	1004	878.333	43.917	73.780	996.030

Exchange rate: 23.000

Tổng cộng (Total): -5.976.180

Total USD : (USD) 259.83

Thanh Toán (Payment): -5.976.180

(USD) 259.83

Còn lại (Balance): 0

(USD) 0.00

Số tiền bằng chữ (Amount in words):

VND : Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn

Five million nine hundred seventy six thousand one hundred eighty dong only

Khách hàng (Guest)

Ký & ghi họ tên (Sign & Name)

Thu ngân (Cashier)

Ký & ghi họ tên (Sign & Name)

Hình 2.8: Bảng kê dịch vụ của khách hàng “ROLAND CARTLIDGE”

Tiếp theo, Kế toán căn cứ vào thông tin do lễ tân cung cấp để lập hóa đơn GTGT cho dịch vụ lưu trú.

Mã cơ quan thuế: M1-25-ISMQS-00002277866



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
 Ngày (date) 19 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial No): **1C25MCM**
 Số (No.): **929**

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
Mã số thuế (Tax code) : 0401890945
Địa chỉ (Address) : 117-119 Ngõ Thì Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại (Tel) : 02363755668 Email: fc@cosmoshoteldanang.com
Số tài khoản (A/C No) :

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname): ROLAND CARTLIDGE
Tên đơn vị (Company's name):
Địa chỉ (Address):
Mã số thuế (Tax code):
Hình thức thanh toán (Payment method): Tiền mặt/Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Dịch vụ lưu trú ngày 13/04/2025	Phòng	1	922.250	922.250
2	Dịch vụ lưu trú ngày 14/04/2025	Phòng	1	922.250	922.250
3	Dịch vụ lưu trú ngày 15/04/2025	Phòng	1	922.250	922.250
4	Dịch vụ lưu trú ngày 16/04/2025	Phòng	1	922.250	922.250
5	Dịch vụ lưu trú ngày 17/04/2025	Phòng	1	922.250	922.250
6	Dịch vụ lưu trú ngày 18/04/2025	Phòng	1	922.250	922.250
Cộng tiền hàng (Total amount):					5.533.500
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 442.680
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					5.976.180

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ**

DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT

NAM

Ngày ký: 19 / 04 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2CUF2LNLW8DN
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VISNAM, MST: 0401486901

Hình 2.9: Hóa đơn GTGT số 929 ngày 19/04/2025

Ngày 19/04/2025, sau khi khách hàng hoàn tất thủ tục trả phòng và kiểm tra bảng kê dịch vụ với tổng số tiền là 5.976.180 đồng, kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT để ghi nhận doanh thu. Ngay sau đó, khách hàng thực hiện thanh toán toàn bộ chi phí bằng tiền mặt, kế toán tiến hành thu tiền và lập Phiếu thu theo đúng quy định.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH
KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM

Mẫu số 01 - TT

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU THU
Ngày 19 tháng 04 năm 2025

Quyển số
Số: PT250444
Ng: 111
Cố: 131

Họ và tên người nộp tiền: Trần Thùy Linh

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thu tiền dịch vụ F32186

Số tiền: 5.976.180 VNĐ (Viết bằng chữ): Năm triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc:

			Ngày 19 tháng 5 năm 2026	
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Hình 2.10: Phiếu thu theo HD 929 ngày 19/04/2025

Tương tự nghiệp vụ kinh tế trên kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh tiến hành sử dụng phần mềm Misa, vào phân hệ “bán hàng” tiếp theo chọn “thêm” và nhập các nội dung chi tiết vào giao diện , cuối cùng chọn “cất” khi hoàn thành quá trình nhập liệu.

Hình 2.11: Màn hình nhập liệu doanh thu cung cấp dịch vụ vào phần mềm Misa của hóa đơn 929

Dùng phần mềm MISA xuất bảng kê chứng từ theo tài khoản 3331 (Thuế giá trị gia tăng phải nộp => tại mục tổng cộng đối chiếu số tiền thuế GTGT phải nộp khớp với bán hàng hóa đơn điện tử quý 2.

DANH SÁCH HÓA ĐƠN MÁY TÍNH TIỀN											
Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 31/06/2025											
							1,798,985.20	143,918,829	-	1,942,904,349	
STT	Ký hiệu mã số	Số hóa đơn	Ngày lập	Tên người mua/Tên người nhận hàng	Địa chỉ người mua	Cân cước công d	Tổng tiền chưa thuế	Tổng tiền thuế	Tổng tiền chiết khấu	Tổng tiền thanh toán	Trạng thái hóa đơn
21	1	833	01/04/2025	CÔNG TY BẢO HIỂM VIETINBANK THÁI NGUYỄN	Số 182A, đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên		462,963.0	37,037.0	0	500,000.0	Hóa đơn mới
22	1	834	02/04/2025	CÔNG TY TNHH DU LỊCH AUTHENTIC ASIA	Số 2, Ngõ 54, Đường Ngọc Hôi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội		601,852.0	48,148.0	0	650,000.0	Hóa đơn mới
23	1	835	02/04/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BESTBOOKING VIETNAM	101 Nguyễn Chí Thanh, Phường Gia Hối, Quận Phú Xuân, Thành Phố Huế, Việt Nam		1,203,704.0	96,296.0	0	1,300,000.0	Hóa đơn mới
24	1	836	02/04/2025	Trip.com Travel Singapore Pte. Ltd (201613701E)	Singapore		518,519.0	41,481.0	0	560,000.0	Hóa đơn mới
25	1	837	02/04/2025	KAUSHIKABEN RAJESH SONI	Số nhà 121A, ngõ 189, đường		5,092,593.0	407,407.0	0	5,500,000.0	Hóa đơn mới

Hình 2.12. Giao diện bảng kê chứng từ

➤ Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:

Theo quy trình, sau khi kế toán bán hàng ghi nhận các nghiệp vụ vào vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động ghi nhận vào Sổ nhật ký chung và đồng thời phần mềm sẽ tự xử lý số liệu cập nhật vào sổ cái và sổ chi tiết TK 511 theo đúng nội dung nghiệp vụ đã

hạch toán. Vào cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm, kế toán tiến hành kiểm tra và đối chiếu số liệu trên phần mềm kế toán để đảm bảo tính chính xác và đầy đủ của thông tin kế toán. Sau đó, kế toán thực hiện kết xuất các sổ sách kế toán và báo cáo cần thiết từ phần mềm nhằm phục vụ cho công tác quản lý, lập báo cáo tài chính và cung cấp thông tin cho các đối tượng có liên quan.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 5113; Quý 2 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
.....									
18/04/2025	18/04/2025	31706	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		2,400,000		1,946,787,056
18/04/2025	18/04/2025	32406	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,527,777		1,949,187,056
18/04/2025	18/04/2025	32647	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,481,482		1,950,714,833
18/04/2025	18/04/2025	33364	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		6,515,000		1,952,196,315
18/04/2025	18/04/2025	33614	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		2,037,036		1,958,711,315
19/04/2025	19/04/2025	32896	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		5,833,332		1,960,748,351
19/04/2025	19/04/2025	31771	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,333,336		1,966,581,683
19/04/2025	19/04/2025	32186	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		5,533,500		1,969,915,019
19/04/2025	19/04/2025	32892	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,037,038		1,970,952,057
19/04/2025	19/04/2025	33613	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		21,195,000		1,992,147,057
19/04/2025	19/04/2025	33100	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,481,482		1,993,628,539
20/04/2025	20/04/2025	33327	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		5,833,332		1,999,461,871
20/04/2025	20/04/2025	33650	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		694,444		2,000,156,315
20/04/2025	20/04/2025	33690	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		583,333		2,000,739,648
21/04/2025	21/04/2025	32268	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		7,407,410		2,008,147,058
21/04/2025	21/04/2025	32722	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,037,037		2,009,184,095
21/04/2025	21/04/2025	33037	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		6,481,480		2,015,665,575
21/04/2025	21/04/2025	33605	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		4,116,000		2,019,781,575
21/04/2025	21/04/2025	33666	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,888,888		2,023,670,463
22/04/2025	22/04/2025	32190	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,481,482		2,025,151,945
22/04/2025	22/04/2025	32982	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		8,263,750		2,033,415,695
22/04/2025	22/04/2025	33327	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,650,000		2,035,065,695
22/04/2025	22/04/2025	33738	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,065,554		2,038,131,249
23/04/2025	23/04/2025	33043	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,333,330		2,041,464,579
23/04/2025	23/04/2025	33252	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,888,888		2,045,353,467
24/04/2025	24/04/2025	31615	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		2,222,223		2,047,575,690
24/04/2025	24/04/2025	32235	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		1,018,518		2,048,594,208
24/04/2025	24/04/2025	33615	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		5,925,928		2,054,520,136
24/04/2025	24/04/2025	33775	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		700,000		2,055,220,136
25/04/2025	25/04/2025	32321	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,703,705		2,058,923,841
25/04/2025	25/04/2025	33046	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		7,826,000		2,066,749,841
26/04/2025	26/04/2025	33254	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		6,666,669		2,073,416,510
.....									
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	5113	911	3,708,564,789			
			Cộng	5113		3,708,564,789	3,708,564,789		
			Số dư cuối kỳ	5113					

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.13. Sổ chi tiết TK 5113 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 2 năm 2025

Tài khoản: 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đòn g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
18/04/2025	31706	18/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 15-17/04/2025			131		2,400,000
18/04/2025	32406	18/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 15-17/04/2025			131		1,527,777
18/04/2025	32647	18/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 16-17/04/2025			131		1,481,482
18/04/2025	33364	18/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 14-17/04/2025			131		6,515,000
18/04/2025	33614	18/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 16-17/04/2025			131		2,037,036
19/04/2025	32896	19/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 10-18/04/2025			131		5,833,332
19/04/2025	31771	19/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 16-18/04/2025			131		3,333,336
19/04/2025	32186	19/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 13-18/04/2025			131		5,533,500
19/04/2025	32892	19/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 17-18/04/2025			131		1,037,038
19/04/2025	33613	19/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 16-18/04/2025			131		21,195,000
19/04/2025	33100	19/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 18-19/04/2025			131		1,481,482
20/04/2025	33327	20/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 17-19/04/2025			131		5,833,332
20/04/2025	33650	20/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 19/04/2025			131		694,444
20/04/2025	33690	20/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 19/04/2025			131		583,333
21/04/2025	32268	21/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 11-20/04/2025			131		7,407,410
21/04/2025	32722	21/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 21/04/2025 (noshow)			131		1,037,037
21/04/2025	33037	21/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 11-20/04/2025			131		6,481,480
21/04/2025	33605	21/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 18-20/4			131		4,116,000
21/04/2025	33666	21/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 19-20/04/2025			131		3,888,888
22/04/2025	32190	22/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 22/4			131		1,481,482
22/04/2025	32982	22/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng 7-22/4			131		8,263,750
22/04/2025	33327	22/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng 19-21/4			131		1,650,000
22/04/2025	33738	22/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 19-21/24			131		3,065,554
23/04/2025	33043	23/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 20-22/03/2025			131		3,333,330
23/04/2025	33252	23/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 17-22/04/2025			131		3,888,888
24/04/2025	31615	24/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 22-23/04/2025			131		2,222,223
24/04/2025	32235	24/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 22-23/03/2025			131		1,018,518
24/04/2025	33615	24/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 22-23/04/2025			131		5,925,928
24/04/2025	33775	24/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 23/04/2025			131		700,000
25/04/2025	32321	25/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 20-24/04/2025			131		3,703,705
25/04/2025	33046	25/04/2025	Doanh thu phòng 22-25/4 và dịch vụ			131		7,826,000
26/04/2025	33254	26/04/2025	Doanh thu dịch vụ phòng ngày 17-25/04/2025			131		6,666,669
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911	3,708,564,789	
			- Cộng số phát sinh				3,708,564,789	3,708,564,789
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				6,963,434,789	6,963,434,789

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan T. Hằng Mơ

Nguyễn Thị Minh Lý

Hình 2.14: Sổ Cái TK 511 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

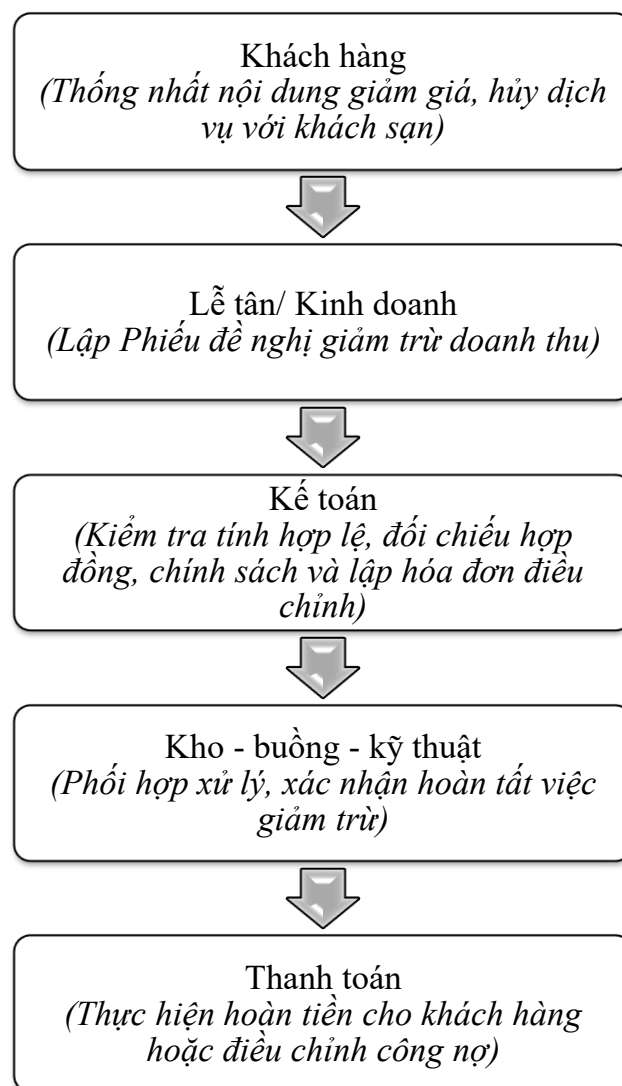
2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty bao gồm các trường hợp khách hàng không sử dụng dịch vụ hoặc được điều chỉnh giảm giá do chất lượng dịch vụ không đạt yêu cầu như cam kết ban đầu, ví dụ: phòng không đúng loại đã đặt, không đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh, thiếu tiện nghi hoặc sai sót trong quá trình phục vụ.

Ngoài ra, trường hợp khách hàng hủy phòng, trả phòng sớm hoặc từ chối sử dụng một phần dịch vụ do lỗi từ phía khách sạn hoặc các nguyên nhân khách quan khác cũng được xem xét ghi nhận là khoản giảm trừ doanh thu theo chính sách của công ty.

Bên cạnh đó, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá dịch vụ hoặc ưu đãi dành cho khách hàng (như khách đoàn, khách hàng thân thiết, đối tác lữ hành...) được quy định cụ thể trong hợp đồng, thỏa thuận hoặc chính sách bán hàng của khách sạn cũng được hạch toán vào các khoản giảm trừ doanh thu theo quy định hiện hành.

2.2.2.1. Trình tự luân chuyển chứng từ



Sơ đồ 2.8. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khi có phát sinh trường hợp giảm giá dịch vụ, hủy dịch vụ hoặc điều chỉnh doanh thu, bộ phận lễ tân/kinh doanh lập Phiếu đề nghị giảm trừ doanh thu và chuyển đến bộ phận có liên quan để xem xét. Đồng thời, công ty tiến hành lập Biên bản xác nhận hoặc biên bản

thỏa thuận với khách hàng nhằm làm rõ nguyên nhân và mức giảm trừ.

Trên cơ sở đó, doanh nghiệp lập Biên bản giảm giá dịch vụ hoặc biên bản hủy dịch vụ làm căn cứ chính thức để thực hiện điều chỉnh. Các chứng từ này sau khi hoàn tất được chuyển về phòng kế toán để kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và đối chiếu với nội dung đã thỏa thuận.

Căn cứ vào hồ sơ đã được phê duyệt, kế toán lập Hóa đơn giá trị gia tăng điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định. Trường hợp phát sinh hoàn tiền cho khách hàng, kế toán lập Phiếu chi (đối với thanh toán tiền mặt) hoặc nhận Giấy báo Nợ từ ngân hàng (đối với thanh toán chuyển khoản).

Cuối cùng, toàn bộ chứng từ được kế toán sử dụng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu và lưu trữ theo đúng quy định hiện hành.

2.2.2.2. Nghiệp vụ phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam

➤ Ở quý 2/2025 công ty không phát sinh nghiệp vụ về các khoản giảm trừ doanh thu.

Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ:

Trong trường hợp có các khoản giảm trừ phát sinh, kế toán bán hàng Căn cứ vào các chứng từ hợp lệ tiến hành ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu trên phần mềm kế toán. Sau khi kế toán thực hiện hạch toán, phần mềm kế toán sẽ tự động ghi nhận nghiệp vụ vào Sổ nhật ký chung, đồng thời cập nhật vào Sổ cái TK 521, Sổ cái TK 131, TK 111, 112 hoặc các tài khoản liên quan.

Định kỳ, kế toán tổng hợp cập nhật số dư các tài khoản giảm trừ trên TK 521 (nếu có) và kết chuyển toàn bộ số phát sinh trên sang TK 511 để xác định doanh thu thuần trong kỳ. Số liệu sau khi kết chuyển là căn cứ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

2.2.3.1. *Trình tự luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.9. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Khi phát sinh khoản lãi tiền gửi ngân hàng, ngân hàng sẽ lập Giấy báo Có cho doanh nghiệp. Kế toán tổng hợp tiếp nhận các chứng từ này, tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và đối chiếu với sao kê và các giao dịch thực tế phát sinh trên tài khoản tiền gửi của doanh nghiệp. Sau khi kiểm tra và xác nhận số liệu chính xác, kế toán tổng hợp sử dụng Giấy báo Có và Sổ phụ ngân hàng làm căn cứ để ghi nhận nghiệp vụ.

2.2.3.2. *Nghiệp vụ phát sinh kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam*

- Trong quý 2/2025 Công ty có phát sinh nghiệp vụ doanh thu hoạt động tài chính như sau:

Ngày 31/05/2025: Căn cứ vào giấy báo có số 4194 (Phụ lục 10) và sao kê ngân hàng tháng, tài khoản ngân hàng VietinBank nhận được tiền lãi tháng 5 với số tiền là 82.415đ.

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



GIẤY BÁO CÓ Credit Advice		
Số giao dịch Transaction number	: 4194	
Ngày thực hiện Transaction date	: 31-05-2025 02:08:22	
Tên người chuyển Appilication Name	:	
Số tài khoản From account number	:	
Tại ngân hàng With Bank	: Back Office Operations	
Người thụ hưởng Beneficiary	: CTY TNHH DV DL KHÁCH SAN COSMOS VIET NAM	
Số tài khoản To account number	: 117002680383	
Tại ngân hàng With Bank	: 48032 - CN DA NANG - PGD HUNG VUONG	
Số tiền bằng số Amount in figures	: 82,415	Loại tiền Currency : VND
Số tiền bằng chữ Amount in words	: Tám mươi hai nghìn, bốn trăm mười lăm đồng chẵn./.	
Nội dung Remarks	: Tra lại tại khoan DDA	
Kênh chuyển tiền Channel	: In từ dịch vụ VietinBank eFast Date printed	: 17/04/2026 09:10:37
Lập bảng Maker	Kiểm soát viên Supervisor	

Hình 2.15: Giấy báo có số 4194

Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ

Xuất phát tại giao diện phần mềm Misa, vào phân hệ “ngân hàng” chọn “thu tiền” sau đó ấn “thêm” hộp thoại hiện ra, kế toán viên nhập liệu các thông tin cần thiết vào phần mềm. Phần thông tin chung, mục nộp vào tài khoản, chọn ngân hàng. Mục lý do thu, thực hiện điền thông tin theo giấy báo có là “Lãi ngân hàng VTB tháng 05.2025”.

[illegible]

Hình 2.16: Màn hình nhập liệu doanh thu hoạt động tài chính vào phần mềm Misa

➤ **Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:**

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng về khoản được hưởng lãi tiền gửi từ ngân hàng, kế toán tổng hợp đối chiếu làm căn cứ ghi vào sổ nhật ký chung. Sau đó, từ sổ nhật ký chung phần mềm sẽ ghi nhận vào sổ cái tài khoản 515 và 112.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp sẽ tập hợp tất cả các doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngô Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 515; Quý 2 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
19/04/2025	19/04/2025	BC2405054	Lãi tiền gửi ngân hàng MB tháng 04.2025	515	11213		13,612		13,612
30/04/2025	30/04/2025	BC2404209	Lãi ngân hàng VTB tháng 04.2025	515	11212		64,771		78,383
30/04/2025	30/04/2025	BC2404334	Lãi tiền gửi tháng 04.2025 ngân hàng SCB	515	11214		92,968		171,351
30/04/2025	30/04/2025	BC2404334	Thu khác	515	11214		46,484		217,835
17/05/2025	17/05/2025	GBC2405330	LAI NHAP VON BAC THANG 020092788866	515	11213		12,779		230,614
31/05/2025	31/05/2025	GBC2405486	CHI LAI TK TIEN GUI 020092788866	515	11214		110,753		341,367
31/05/2025	31/05/2025	GBC2405487	Lãi ngân hàng VTB tháng 05.2025	515	11214		55,377		396,744
31/05/2025	31/05/2025	GBC2405488	Tra lại tiền gửi, so TK: 3011128168168-20250621	515	11212		82,415		479,159
21/06/2025	21/06/2025	GBC2505264	LAI NHAP VON BAC THANG 020092788866	515	11213		28,376		507,535
30/06/2025	30/06/2025	GBC2505353	CHI LAI TK TIEN GUI 020092788866	515	11214		89,326		596,861
30/06/2025	30/06/2025	GBC2505354	Lãi ngân hàng VTB tháng 06.2025	515	11214		44,663		641,524
30/06/2025	30/06/2025	GBC2506357	Tra lại tiền gửi, so TK: 3011128168168-20250621	515	11212		10,351		651,875
30/11/2025	30/11/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	515	911	651,875			
			Cộng	515		651,875	651,875		
			Số dư cuối kỳ	515					

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.17: Sổ chi tiết TK 515 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngô Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 2 năm 2025

Tài khoản:		515 - Doanh thu hoạt động tài chính				Đơn vị tính: VND		
Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,		Trang	STT		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
19/04/2025	BC2405054	19/04/2025	Lãi tiền gửi ngân hàng MB tháng 04.2025			11213		13,612
30/04/2025	BC2404209	30/04/2025	Lãi ngân hàng VTB tháng 04.2025			11212		64,771
30/04/2025	BC2404334	30/04/2025	Lãi tiền gửi tháng 04.2025 ngân hàng SCB			11214		139,452
17/05/2025	GBC2405330	17/05/2025	Thu khác			11213		12,779
31/05/2025	GBC2405486	31/05/2025	LAI NHAP VON BAC THANG			11214		110,753
31/05/2025	GBC2405487	31/05/2025	CHI LAI TK TIEN GUI 020092788866			11214		55,377
31/05/2025	GBC2405488	31/05/2025	Lãi ngân hàng VTB tháng 05.2025			11212		82,415
21/06/2025	GBC2505264	21/06/2025	Tra lại tiền gửi, so TK: 3011128168168-			11213		28,376
30/06/2025	GBC2505353	30/06/2025	LAI NHAP VON BAC THANG			11214		89,326
30/06/2025	GBC2505354	30/06/2025	CHI LAI TK TIEN GUI 020092788866			11214		44,663
30/06/2025	GBC2506357	30/06/2025	Lãi ngân hàng VTB tháng 06.2025			11212		10,351
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911	651,875	
			- Cộng số phát sinh				651,875	651,875
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				1,176,175	1,176,175

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.18: Sổ Cái TK 515 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

2.2.4. *Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam*

Là các khoản thu từ hoạt động không thường xuyên xảy ra, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như:

- Thu từ thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ.
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu nhập quà biếu tặng, hiện vật từ các tổ chức cá nhân tặng DN

Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ, năm nay mới phát hiện ra.

2.2.4.1. *Trình tự luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.10. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán thu nhập khác

Hóa đơn GTGT là căn cứ tính thuế và ghi nhận doanh thu, được công ty lập và gửi cho khách hàng khi xuất hiện các trường hợp thanh lý TSCĐ. Hợp đồng kinh tế được lập và ký kết giữa công ty và khách hàng đây là cơ sở để giải quyết tranh chấp khi vi phạm hợp đồng. Phiếu thu, giấy báo có đây là những chứng từ dùng để ghi nhận việc tăng tiền mặt hay tiền gửi ngân hàng khi công ty ghi nhận một khoản thu nhập bất thường.

Khi phát sinh các khoản này, kế toán căn cứ vào hóa đơn và các loại chứng từ liên quan để tiến hành ghi nhận vào phần mềm kế toán.

2.2.4.2. *Nghiệp vụ phát sinh kế toán thu nhập khác tại công ty TNHH DVDL*

Cosmo Việt Nam

➤ **Trong Quý 2/2025 công ty không phát sinh các khoản thu nhập từ hoạt động khác.**

 Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ:

Trong trường hợp có nghiệp vụ phát sinh, căn cứ vào nội dung trên, giấy báo có, phiếu thu về các khoản có liên quan đến nội dung: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, quà tặng bằng tiền của đối tác tặng cho doanh nghiệp, đơn vị thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng. Kế toán tổng phát hành vào phiếu thu nếu thanh toán tiền mặt, sau đó ghi nhận vào phần mềm.

➤ **Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:**

Sau khi kế toán nhập liệu nghiệp vụ vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ nhật ký chung. Từ Sổ nhật ký chung, số liệu tiếp tục được ghi nhận vào Sổ cái các tài khoản liên quan như TK 711, 111 và 112.

2.2.5. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

Qua khảo sát thực tế tại Công ty giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình phục vụ khách hàng. Cụ thể, giá vốn dịch vụ bao gồm: chi phí buồng phòng (khấu hao tài sản, chi phí điện nước, vật dụng tiêu hao), chi phí nhân công trực tiếp (lễ tân, buồng phòng, phục vụ), chi phí dịch vụ ăn uống và các chi phí liên quan khác phục vụ trực tiếp khách hàng.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, công ty có phát sinh chi phí mua ngoài phục vụ trực tiếp cho khách như thuê dịch vụ giặt là, vận chuyển, hoặc các dịch vụ bổ sung khác. Các chi phí này được ghi nhận trực tiếp vào chi phí của từng dịch vụ phát sinh, không qua nhập kho mà hạch toán thẳng vào giá vốn.

Để xác định giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ, kế toán tiến hành tập hợp chi phí theo từng loại dịch vụ hoặc từng kỳ kế toán. Do đặc thù kinh doanh dịch vụ, công ty không áp dụng phương pháp tính giá xuất kho như bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho, mà thực hiện phân bổ chi phí dựa trên mức độ sử dụng thực tế của từng dịch vụ.

Việc tính giá vốn dịch vụ được thực hiện định kỳ hàng tháng thông qua phần mềm kế toán. Sau khi tập hợp đầy đủ chi phí, kế toán xác định tổng giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ để làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính theo quy định.

2.2.5.1. *Trình tự luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.11. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán giá vốn hàng bán

Khi phát sinh chi phí phục vụ dịch vụ phòng, các bộ phận liên quan thực hiện xuất vật tư, hàng hóa sử dụng cho buồng phòng và lập Phiếu xuất kho hàng hóa phục vụ dịch vụ phòng. Phiếu xuất kho được lập đầy đủ thông tin, có xác nhận của bộ phận sử dụng và thủ kho, sau đó chuyển về phòng kế toán.

Căn cứ vào các phiếu xuất kho đã phát sinh trong kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, đối chiếu với thực tế sử dụng và định mức chi phí (nếu có). Sau đó, kế toán tổng hợp các khoản chi phí phát sinh theo từng loại dịch vụ phòng.

Cuối kỳ, kế toán lập Bảng tổng hợp chi phí theo từng dịch vụ để tập hợp toàn bộ chi phí liên quan, làm căn cứ xác định giá vốn dịch vụ phòng. Các chứng từ sau khi xử lý được lưu trữ theo quy định và phục vụ cho việc ghi nhận kế toán cũng như lập báo cáo tài chính.

2.2.5.2. *Nghiệp vụ phát sinh kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH*

DVDL Cosmo Việt Nam

- Trong quý 2/2025 Công ty có phát sinh nghiệp vụ cung cấp dịch vụ lưu trú kèm theo hàng hóa phục vụ khách, cụ thể như sau:

Nghiệp vụ minh họa 1: Ghi nhận giá vốn dịch vụ lưu trú của khách từ ngày 20/04/2025 đến 24/04/2025, đồng thời tính giá vốn hàng hóa xuất kèm (nước suối Aquafina) phục vụ khách phòng 702 theo hóa đơn điện tử số 972 (ký hiệu 1C25MCM) và Phiếu xuất kho số P XK2403067.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH
SẠN COSMOS VIỆT NAM

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 28/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 25 tháng 04 năm 2025

Nợ 632

Số: P XK2403067

Có 1521

- Họ và tên: Khách lẻ

- Lý do xuất kho: Cung cấp cho phòng 702

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xuất kho nước suối Aquafina		Chai	2	120	9.851	19.702
	Cộng						19.702

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Hình 2.19: Phiếu xuất kho ngày 25/04/2025 Số P XK2403067

Nghiệp vụ minh họa 2: Ngày 13/04/2025, khách hàng đến thuê phòng tại Cosmos Hotel Đà Nẵng với đơn giá 996.030 đồng/phòng/ngày (Đã có 8% thuế GTGT). Khách check-in ngày 13/04/2025 và check-out ngày 18/04/2025 với tổng số tiền là 5.976.180VNĐ, thời gian lưu trú là 6 ngày phòng 1004.

Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ

Tại Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ lưu trú và các dịch vụ kèm theo, do đó chi phí hình thành giá vốn được tập hợp trực tiếp theo từng loại dịch vụ.

Trong thực tế, khi phát sinh chi phí, kế toán ghi nhận trực tiếp vào TK 632 nhằm phản

ánh kịp thời chi phí phát sinh trong kỳ. Cụ thể, đối với các vật tư xuất dùng phục vụ khách, căn cứ vào Phiếu xuất kho, kế toán ghi nhận trực tiếp vào giá vốn dịch vụ; đối với các chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí liên quan khác, kế toán căn cứ vào chứng từ thanh toán để ghi nhận vào TK 632.

Tuy nhiên, để phục vụ việc tổng hợp và xác định chi phí theo kỳ thì chi phí cấu thành giá vốn dịch vụ được tập hợp theo các khoản mục chi phí bao gồm: TK 621 được dùng phản ánh chi phí vật tư tiêu hao phục vụ trực tiếp cho dịch vụ như: Đồ dùng buồng phòng, ... TK 622 dùng để phản ánh chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên trực tiếp phục vụ khách như lễ tân, buồng phòng... TK 627 để phản ánh các chi phí chung phục vụ hoạt động kinh doanh dịch vụ như: điện, nước, chi phí giặt là, vệ sinh, chi phí dịch vụ mua ngoài... các chi phí này được kế toán tập hợp và kết chuyển vào TK 154 để theo dõi chi phí theo từng dịch vụ. Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển chi phí từ TK 154 sang TK 632 đối với phần chi phí đã được tập hợp trên TK 154.

Điều này cho thấy doanh nghiệp đang kết hợp giữa việc ghi nhận chi phí trực tiếp vào giá vốn và việc tập hợp chi phí qua TK 154 nhằm phục vụ yêu cầu quản lý nội bộ và tổng hợp số liệu cuối kỳ.

Việc hạch toán này phản ánh đặc thù hoạt động dịch vụ với chi phí phát sinh và ghi nhận đồng thời, tuy chưa hoàn toàn tách biệt giữa TK 154 và TK 632 theo lý thuyết, nhưng vẫn đảm bảo xác định đúng giá vốn và kết quả kinh doanh trong kỳ.

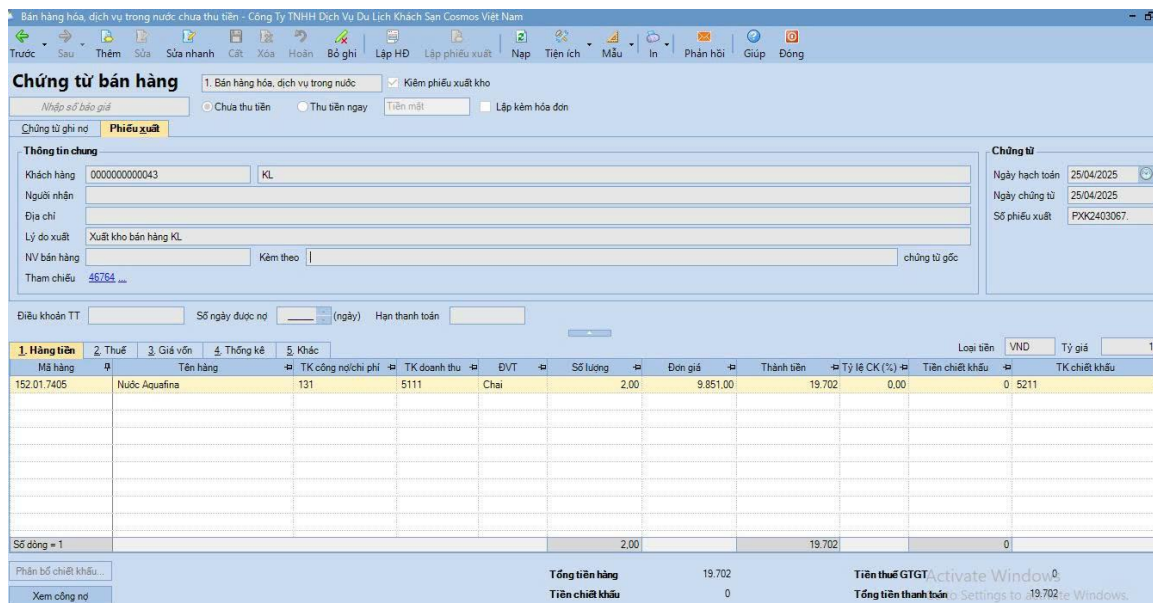
Kế toán hạch toán nghiệp vụ phát sinh như sau:

- Khi xuất vật tư phục vụ phòng 702:

Vì công ty hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ nên đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ của nước suối Aquafina là:

$$\text{Đơn giá BQGQ cuối kỳ nước suối Aquafina} = \frac{1.182.120 + 1.182.120}{120 + 120} = 9.851\text{đ/chai}$$

Trị giá vốn của nước suối Aquafina là: $9.851 \times 2 = 19.702$ đồng



Hình 2.20: Màn hình nhập liệu giá vốn hàng bán vào phần mềm Misa của PXK2403067

→ Tổng chi phí được ghi nhận trực tiếp vào giá vốn dịch vụ quý 2 là: 20.066.656 đồng.

Ngoài ra trong quý 2/2025, chi phí sản xuất dịch vụ tại Công ty được tập hợp theo các khoản mục chi phí gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621) là 339.526.213 đồng, chi phí nhân công trực tiếp (TK 622) là 304.293.666 đồng và chi phí sản xuất chung (TK 627) là 653.569.588 đồng.

→ **Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ là 1.297.389.467 đồng.**

Các khoản chi phí này được kết chuyển vào TK 154 để tập hợp chi phí theo từng dịch vụ, sau đó kết chuyển sang TK 632 để xác định giá vốn dịch vụ cung cấp trong kỳ.

Do đặc thù ngành dịch vụ khách sạn có chu kỳ cung cấp ngắn, không có sản phẩm tồn kho, nên chi phí phát sinh trong kỳ được xem là đã hoàn thành và tiêu thụ ngay, không có số dư dở dang cuối kỳ trên TK 154.

Phân bổ chi phí sản xuất dịch vụ theo 4.039 phòng hoạt động trong quý 2:

$$\text{Đơn giá phân bổ cho 1 phòng} = \frac{1.297.389.467}{4.039} = 321.216/\text{phòng}$$

Như vậy, giá vốn dịch vụ của công ty được xác định theo công thức:

Giá vốn dịch vụ = Tổng chi phí tập hợp trên TK 154 trong kỳ (621 + 622 + 627)

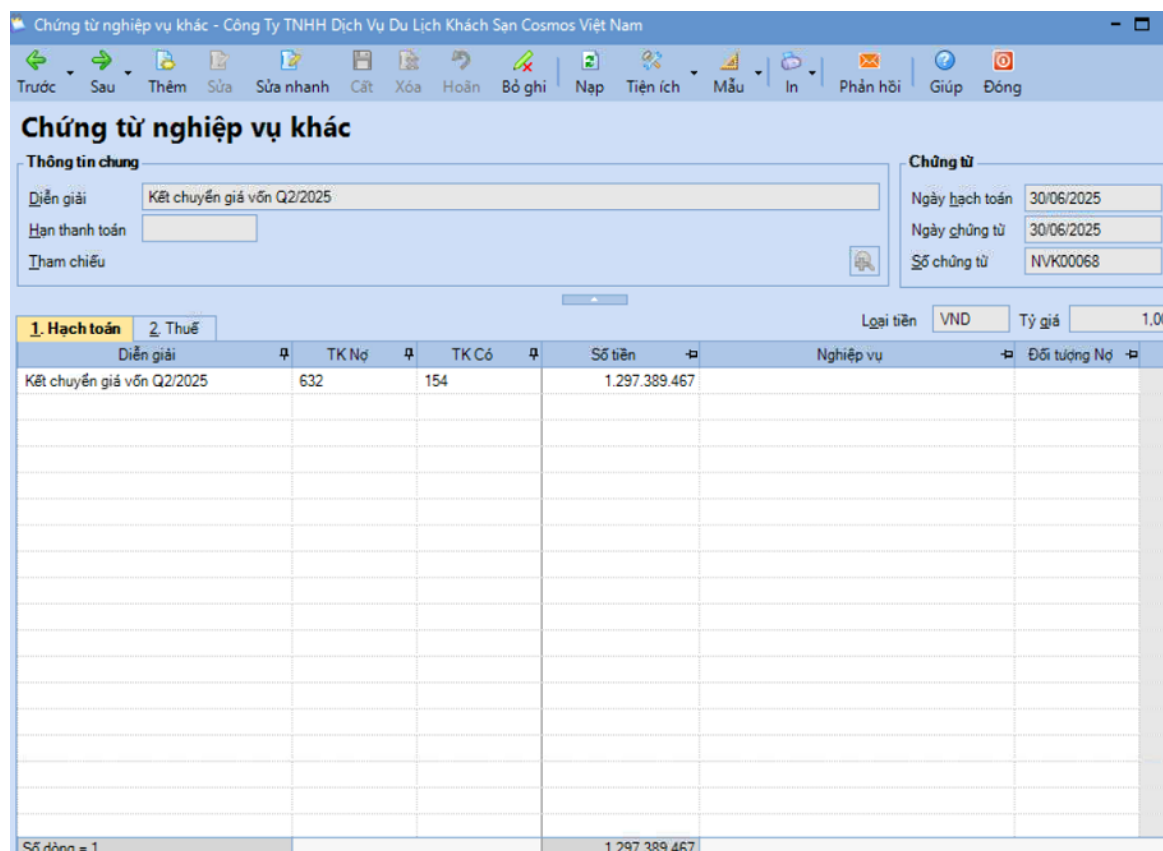
- Chi phí giá vốn phân bổ phòng 702 (5 ngày): $321.216 * 5 = 1.606.078đ$

Tổng giá vốn phòng 702:

Giá vốn = Chi phí trực tiếp + chi phí phân bổ = 19.702 + 1.606.078 = 1.625.780đ

- Chi phí giá vốn phân bổ phòng 1004 (6 ngày): $321.216 * 5 = 1.972.293đ$

Tuy nhiên, trong kỳ còn phát sinh nhiều nghiệp vụ khác nhau. Do đó, cuối kỳ kế toán tiến hành tổng hợp toàn bộ chi phí sản xuất đã được tập hợp trên TK 154 và thực hiện kết chuyển một lần sang TK 632 đối với phần chi phí tương ứng với sản phẩm đã tiêu thụ trong kỳ, nhằm xác định tổng giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.



Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Nghiệp vụ	Đối tượng Nợ
Kết chuyển giá vốn Q2/2025	632	154	1.297.389.467		

Hình 2.21: Màn hình nhập liệu kết chuyển GVHB vào phần mềm Misa

➤ **Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:**

Sau khi phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến chi phí cung cấp dịch vụ, kế toán tiến hành ghi nhận các chi phí vật tư tiêu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí liên quan trực tiếp trên phần mềm kế toán. Trên thực tế, các chi phí này được ghi nhận trực tiếp vào TK 632 để phản ánh kịp thời chi phí phát sinh trong kỳ. Đồng thời, để phục vụ công tác tổng hợp và theo dõi chi phí theo kỳ, kế toán vẫn thực hiện tập hợp chi phí trên TK 154 đối với một số khoản mục chi phí cần quản lý chi tiết.

Cuối kỳ, căn cứ vào các nghiệp vụ phát sinh, kế toán tổng hợp tiến hành kết chuyển chi phí từ TK 154 sang TK 632 đối với phần chi phí tương ứng với dịch vụ đã hoàn thành và cung cấp cho khách hàng, nhằm xác định đầy đủ giá vốn dịch vụ trong kỳ.

Sau khi thực hiện kết chuyển, phần mềm kế toán tự động ghi nhận nghiệp vụ vào Sổ nhật ký chung, đồng thời cập nhật vào Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 154 và sổ chi tiết TK 154.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái và sổ chi tiết nhằm đảm bảo tính chính xác. Số liệu trên Sổ cái TK 632 là căn cứ để xác định kết quả kinh doanh và lập các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngô Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 2 năm 2025

Tài khoản: **154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
30/06/2025	KC00036	30/06/2025	Kết chuyển chi phí sản xuất kỳ tính giá thành từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025			621	339,526,213	
30/06/2025	KC00036	30/06/2025	Kết chuyển chi phí sản xuất kỳ tính giá thành từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025			622	304,293,666	
30/06/2025	KC00036	30/06/2025	Kết chuyển chi phí sản xuất kỳ tính giá thành từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025			6277	653,569,588	
30/06/2025	NVK0068	30/06/2025	Kết chuyển giá vốn Q2/2025			632		1,297,389,467
			- Cộng số phát sinh				1,297,389,467	1,297,389,467
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				2,281,990,005	

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan T. Hằng Mơ

Nguyễn Thị Minh Lý

Hình 2.22: Sổ Cái TK 154 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 2 năm 2025

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT đơn g		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
23/04/2025	PXK2403049	23/04/2025	Xuất kho bán hàng Agoda Company			1521	69,402	
23/04/2025	PXK2403050	23/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH			1521	26,492	
23/04/2025	PXK2403051	23/04/2025	Xuất kho bán hàng Booking.com B.V			1521	38,992	
23/04/2025	PXK2403052	23/04/2025	Xuất kho bán hàng Công ty TNHH Du			1521	11,065	
23/04/2025	MDV2402429	23/04/2025	Chi phí thuê xe máy , xe đón bay			331	795,000	
24/04/2025	PXK2403053	24/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	48,625	
24/04/2025	PXK2403054	24/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH			1521	20,763	
24/04/2025	PXK2403055	24/04/2025	Xuất kho bán hàng Expedia Lodging			1521	65,941	
24/04/2025	PXK2403056	24/04/2025	Xuất kho bán hàng Trip.com			1521	6,804	
24/04/2025	PXK2403057	24/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	15,325	
24/04/2025	PXK2403058	24/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	37,910	
24/04/2025	PXK2403059	24/04/2025	Xuất kho bán hàng Expedia Lodging			1521	29,463	
24/04/2025	PXK2403060	24/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN			1521	79,521	
24/04/2025	PXK2403061	24/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN			1521	269,419	
25/04/2025	PXK2403062	25/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH			1521	8,561	
25/04/2025	PXK2403063	25/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	29,691	
25/04/2025	PXK2403064	25/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	22,765	
25/04/2025	MDV2402430	25/04/2025	Chi phí thuê xe máy			331	540,000	
25/04/2025	PXK2403065	25/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH			1521	6,714	
25/04/2025	PXK2403066	25/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	11,827	
25/04/2025	PXK2403067	25/04/2025	Xuất kho bán hàng Nước Aquafina			1521	19,702	
25/04/2025	PXK2403068	25/04/2025	Xuất kho bán hàng CONG TY TNHH			152	59,503	
25/04/2025	MDV2402431	25/04/2025	Chi phí thuê xe máy			331	625,000	
26/04/2025	PXK2403069	26/04/2025	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN			1521	3,357	
26/04/2025	PXK2403070	26/04/2025	Xuất kho bán hàng Khách lẻ đã nâng			1521	16,345	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	NVK00068	30/06/2025	Kết chuyển giá vốn Q2/2025			154	1,297,389,467	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911		1,317,456,123
			- Cộng số phát sinh				1,317,456,123	1,317,456,123
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				2,485,996,123	2,485,996,123

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Phan T. Hằng Mơ

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Lý

Hình 2.23: Sổ Cái TK 632 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

➤ Tổng giá vốn hàng bán Quý 2/2025 là 1.317.456.123 đồng

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam chủ yếu phát sinh từ các khoản thu liên quan đến hoạt động tài chính trong quá trình kinh doanh, không bao gồm doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ chính. Các khoản doanh thu tài chính của công ty bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ

giá (nếu có), và các khoản thu tài chính khác.

Khi phát sinh các khoản doanh thu tài chính, kế toán căn cứ vào các chứng từ như giấy báo Có của ngân hàng, sao kê tài khoản hoặc các chứng từ liên quan để ghi nhận doanh thu. Do đặc thù hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, các khoản doanh thu tài chính không phát sinh thường xuyên và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về việc thu được lợi ích kinh tế và xác định được một cách đáng tin cậy. Đối với lãi tiền gửi ngân hàng, doanh thu được ghi nhận theo số tiền lãi thực tế được ngân hàng thông báo. Đối với chênh lệch tỷ giá, doanh thu được xác định khi phát sinh giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ hoặc đánh giá lại số dư cuối kỳ theo quy định.

Cuối kỳ kế toán, toàn bộ doanh thu hoạt động tài chính được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, góp phần phản ánh đầy đủ tình hình tài chính của doanh nghiệp.

2.2.6. Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp, không gắn trực tiếp với hoạt động kinh doanh dịch vụ chính. Các khoản chi phí này thường chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng vẫn cần được theo dõi và hạch toán đầy đủ.

2.2.6.1. *Trình tự luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.12. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí hoạt động tài chính

Kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ, đồng thời đối chiếu với các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng và số liệu trên hệ thống kế toán. Đối với các khoản chiết khấu thanh toán, kế toán lập biên bản xác nhận chiết khấu thanh toán làm căn cứ ghi nhận chi phí.

Sau khi kiểm tra, chứng từ được chuyển đến kế toán tổng hợp để thực hiện thanh toán:

Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt: lập phiếu chi và thực hiện chi tiền.

Trường hợp thanh toán qua ngân hàng: lập lệnh thanh toán và nhận giấy báo Nợ từ ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ đã được phê duyệt, kế toán tiến hành ghi nhận chi phí hoạt động tài chính vào sổ kế toán liên quan.

Cuối cùng, toàn bộ chứng từ được lưu trữ theo quy định, phục vụ cho việc kiểm tra, đối chiếu và lập báo cáo tài chính.

2.2.6.2. *Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí hoạt động tài chính tại công ty TNHH*

DVDL Cosmo Việt Nam

➤ **Trong Quý 2/2025 công ty không phát sinh các khoản chi phí hoạt động tài chính.**

Trình tự hạch toán nghiệp vụ:

Nếu có các nghiệp vụ phát sinh về chi phí hoạt động tài chính, căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán thực hiện ghi nhận khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng trên phần mềm kế toán.

Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:

Sau khi kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán, phần mềm sẽ tự động ghi nhận nghiệp vụ vào Sổ nhật ký chung, đồng thời cập nhật số liệu vào Sổ cái TK 635 và các tài khoản liên quan như TK 111, TK 112. Cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí tài chính từ TK 635 sang TK 911 để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2.2.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

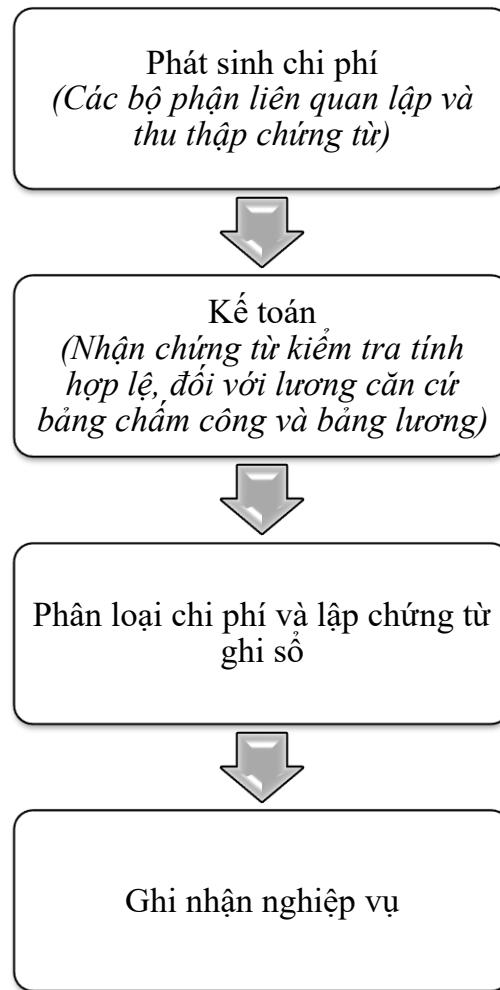
Chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý và điều hành chung của doanh nghiệp, không gắn trực tiếp với việc cung cấp dịch vụ phòng hay các dịch vụ kinh doanh chính.

Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại công ty bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý kinh doanh được tập hợp theo từng kỳ kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ và chính xác chi phí phát sinh. Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý kinh doanh để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định.

2.2.7.1. *Trình tự luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.13. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Khi phát sinh chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty các bộ phận liên quan tiến hành lập và thu thập các chứng từ như hóa đơn GTGT, bảng lương, bảng chấm công, phiếu chi, ủy nhiệm chi và các chứng từ liên quan khác. Các chứng từ này sau khi lập được chuyển về phòng kế toán để kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, đồng thời đối chiếu với nội dung chi phí thực tế phát sinh và các quy định nội bộ của công ty. Đối với chi phí tiền lương, kế toán căn cứ vào bảng chấm công và bảng lương để xác định số tiền phải trả cho người lao động và các khoản trích theo lương.

Sau khi kiểm tra, kế toán tiến hành phân loại chi phí theo từng nội dung (chi phí nhân viên quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao, chi phí khác...) và lập chứng từ ghi sổ.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành đối chiếu, tổng hợp số liệu và kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh theo quy định

2.2.7.2. *Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH*

DVDL Cosmo Việt Nam

- **Trong Quý 2/2025 em lấy ví dụ về phần lương và các khoản trích theo lương của Công ty.**

Trong quý 2/2025 Công ty có phát sinh nghiệp vụ chi phí quản lý kinh doanh như sau: Ngày 30/04/2025: Kế toán căn cứ vào bảng tính lương cho nhân viên của bộ phận quản lý và điều hành (Ban giám đốc, BP Kế toán & thu mua, BP Kinh doanh):



BẢNG LƯƠNG THÁNG 04.2025

Từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 đến ngày 30 tháng 04 năm 2025

Ngày công chuẩn trong tháng

26

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương		Tổng lương	Lương tháng			Thu nhập khác		Tổng lương thanh toán	Giảm trừ phải nộp		Khấu trừ tiền công đoàn	Tổng khấu trừ	Tổng NLD thực lĩnh	Chuyển khoản	Tiền mặt
			Mức lương	Phụ cấp		(Công thứ việc	(Công chính thức	Tổng lương	Phụ cấp công ca (20.000/đồng)	Lương làm thêm và Lễ		Bảo hiểm (10,5%)	Khấu trừ lương					
	1	2	3	4	5	6	7	9	11	13	14	15	18		21	22	23	24
I	Ban Giám đốc		12.300.000	13.000.000	25.300.000	-	52	25.300.000	-	-	25.300.000	-	-	100.000	100.000	25.200.000	25.200.000	-
1	Nguyễn Thị Minh Lý	Giám đốc DH	7.000.000	13.000.000	20.000.000		26,0	20.000.000			20.000.000			50.000	50.000	19.950.000	19.950.000	
2	Đào Văn Sang	Phó Giám Đốc	5.300.000		5.300.000		26,0	5.300.000			5.300.000			50.000	50.000	5.250.000	5.250.000	
II	BP Kế toán & Thu mua		12.000.000	9.500.000	21.500.000	9	24,0	12.300.000	-	-	12.300.000	-	-	50.000	50.000	12.250.000	8.769.231	3.480.769
3	Phan Thị Hằng Mơ	Kế toán trưởng	6.300.000	3.000.000	9.300.000		24,0	8.769.231			8.769.231				-	8.769.231	8.769.231	
4	Nguyễn Thị Thanh Nhung	Kế toán trưởng	5.500.000	6.500.000	12.000.000	9,0		3.530.769			3.530.769			50.000	50.000	3.480.769		3.480.769
IV	BP Kinh doanh		5.500.000	6.500.000	12.000.000	-	26,00	12.000.000	-	-	12.000.000	577.500	-	50.000	627.500	11.372.500	11.372.500	-
5	Phạm Thị Thuý Tiên	Kinh doanh	5.500.000	6.500.000	12.000.000		26,0	12.000.000			12.000.000	577.500		50.000	627.500	11.372.500	11.372.500	-
	Cộng:		84.580.000	39.020.000	140.600.000	9,00	412,00	128.757.097	40.000	4.805.128	133.602.821	2.954.700	2.400.000	900.000	6.254.700	127.548.121	106.659.659	21.888.461

Người lập biểu

Kế toán trưởng

29.00

Giám đốc Điều hành

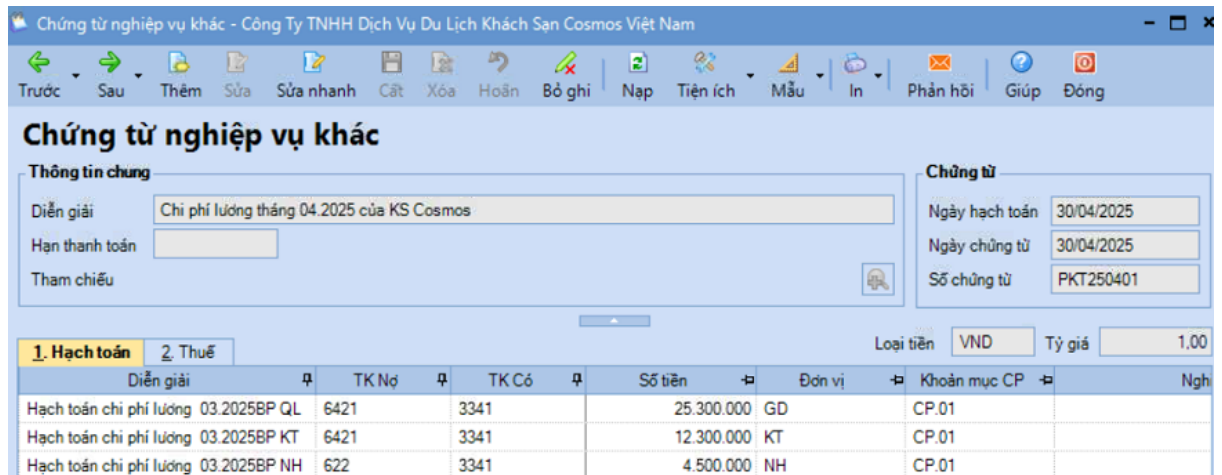
Phê duyệt

Hình 2.24: Bảng tính lương cho nhân viên

Trình tự hạch toán nghiệp vụ:

Căn cứ vào bảng tính lương được Giám đốc ký duyệt và có xác nhận của người lao động, kế toán vào phần mềm Misa chọn nhập phát sinh, vào mục chứng từ mẫu và chọn vào “phiếu kế toán”. Sau khi nhập đầy đủ theo bảng lương, khoản trích theo lương và các khoản người lao động phải nộp.

Do doanh nghiệp không lập bảng lương trực tiếp trên phần mềm mà tính lương thủ công bên ngoài, nên quá trình thực hiện hạch toán tiền lương trên phần mềm thực hiện bằng cách vào phân hệ “Tổng hợp” nhập các thông tin chung với diễn giải “Hạch toán chi phí lương 04.2025”.



Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đơn vị	Khoản mục CP	Ngh
Hạch toán chi phí lương 03.2025BP QL	6421	3341	25.300.000	GD	CP.01	
Hạch toán chi phí lương 03.2025BP KT	6421	3341	12.300.000	KT	CP.01	
Hạch toán chi phí lương 03.2025BP NH	622	3341	4.500.000	NH	CP.01	

Hình 2.25: Màn hình nhập liệu chi phí quản lý kinh doanh vào phần mềm Misa của chi phí lương tháng 04/2025

Căn cứ vào tỷ lệ trích bảo hiểm và kinh phí công đoàn theo quy định, kế toán tiếp tục lập chứng từ nghiệp vụ khác để trích các khoản theo lương:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
Mã đơn vị: TE0671E

ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN BHXH, BHYT VÀ BHTN THÁNG 4/2025

ST T	Họ và tên	Mức đóng năm 2025	CBCNV đóng				Công ty đóng				BHXH 1 tháng (32%)
			BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Tổng cộng (10.5%)	BHXH (17.5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Tổng cộng (21.5%)	
1	2	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Bộ phận Quản lý	7,000,000	560,000	105,000	70,000	735,000	1,225,000	210,000	70,000	1,505,000	2,240,000
1	Nguyễn Thị Minh Lý	7,000,000	560,000	105,000	70,000	735,000	1,225,000	210,000	70,000	1,505,000	2,240,000
II	Bộ phận Kinh doanh	5,500,000	440,000	82,500	55,000	577,500	962,500	165,000	55,000	1,182,500	1,760,000
2	Phạm Thùy Tiên	5,500,000	440,000	82,500	55,000	577,500	962,500	165,000	55,000	1,182,500	1,760,000
II	Bộ phận Kế toán	6,500,000	520,000	97,500	65,000	682,500	1,137,500	195,000	65,000	1,397,500	2,080,000
3	Phan Thị Hằng Mơ	6,500,000	520,000	97,500	65,000	682,500	1,137,500	195,000	65,000	1,397,500	2,080,000
III	Bộ phận Tiền sảnh	9,410,000	752,800	141,150	94,100	988,050	1,646,750	282,300	94,100	2,023,150	3,011,200
4	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	771,750	132,300	44,100	948,150	1,411,200
5	Trần Thùy Linh	5,000,000	400,000	75,000	50,000	525,000	875,000	150,000	50,000	1,075,000	1,600,000
VI	Bộ phận Buồng phòng	13,230,000	1,058,400	198,450	132,300	1,389,150	2,315,250	793,800	132,300	3,241,350	4,630,500
6	Vô Thị Ngọc Giàu	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	771,750	132,300	44,100	948,150	1,411,200
7	Nguyễn Thị Thu Hà	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	771,750	132,300	44,100	948,150	1,411,200
8	Đỗ Thị Kim Oanh	4,410,000	352,800	66,150	44,100	463,050	771,750	529,200	44,100	1,345,050	1,808,100
		41,640,000	3,331,200	624,600	416,400	4,372,200	7,287,000	1,646,100	416,400	9,349,500	13,721,700

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 04 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Giám Đốc

Giám Đốc

Hình 2.26: Bảng tính BHXH, BHYT, BHTN tháng 4/2025

Trước Sau Thêm Sửa Sửa nhanh Cắt Xóa Hoàn Bỏ ghi Nạp Tiện ích Mẫu In Phản hồi Giúp Đóng

Chứng từ nghiệp vụ khác

Thông tin chung
Diễn giải: Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04/2025
Hạn thanh toán:
Tham chiếu:

Chứng từ
Ngày hạch toán: 17/04/2025
Ngày chứng từ: 17/04/2025
Số chứng từ: PKT250551

1. Hạch toán 2. Thuế

Loại tiền: VND Tỷ giá: 1.0

Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Đơn vị	Nghiệp vụ
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6421	3383	1.785.000	GD	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3383	1.646.750	LT	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6421	3383	1.657.500	KT	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6411	3383	962.500	KD	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3383	2.315.250	BP	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3383	0	NH	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6421	3384	315.000	GD	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3384	282.300	LT	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6421	3384	292.500	KT	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6411	3384	165.000	KD	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3384	793.800	BP	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3386	132.300	BP	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6421	3386	140.000	GD	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6411	3386	55.000	KD	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	6421	3386	130.000	KT	
Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 03.20	622	3386	94.100	NH	
Khấu trừ bảo hiểm vào lương tháng 03.	3341	3383	2.251.200	KT	
Khấu trừ bảo hiểm vào lương tháng 03.	3341	3384	422.100	KT	
Số dòng = 19			13.721.700		

Hình 2.27: Màn hình nhập liệu chi phí quản lý kinh doanh vào phần mềm Misa của các khoản trích theo lương tháng 04/2025

➤ **Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:**

Các nghiệp vụ phát sinh sẽ được ghi nhận vào sổ nhật ký chung, từ đó ghi nhận vào các sổ cái tài khoản 642, 334 và 338, làm căn cứ kết chuyển về TK 911 vào cuối kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP IN ẤN SEN VIỆT
137/12/3 Thoại Ngọc Hầu, Phường Phú Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 642; Quý 2 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
.....									
08/04/2025	08/04/2025	UNC2403244	Phí VNPay trừ tiền	642	11214	274,608			181,268,352
08/04/2025	08/04/2025	UNC2403251	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 08/04/2025	642	11212	15,000			181,542,960
08/04/2025	08/04/2025	UNC2403252	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 08/04/2025	642	11212	93,272			181,557,960
09/04/2025	09/04/2025	PC250421	Chi tiền công sửa chữa hệ thống PCCC và thay đèn su năng lượng	642	1111	700,000			181,651,232
09/04/2025	09/04/2025	PC250422	Chi tiền phong bì PCCC và phí gửi giấy kiểm định chống sét	642	1111	1,033,000			182,351,232
09/04/2025	09/04/2025	PXK2403015	Xuất 3 chai nước Aquafina tiếp đoàn kiểm tra PCCC	642	1521	10,071			183,384,232
09/04/2025	09/04/2025	UNC2403243	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 09/04/2025	642	11212	306,558			183,394,303
10/04/2025	10/04/2025	UNC2403253	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 10/04/2025	642	11212	129,948			183,700,861
11/04/2025	11/04/2025	UNC2403254	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 11/04/2025	642	11212	24,927			183,830,809
13/04/2025	13/04/2025	UNC2403255	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 13/04/2025	642	11212	24,500			183,855,736
14/04/2025	14/04/2025	MDV2402421	Chi phí mua 3 thùng giấy A4, tẩy, kim bấm, dán vàng, bút chì	642	331	296,044			183,880,236
14/04/2025	14/04/2025	UNC2403245	Phí VNPay trừ tiền	642	11214	271,560			184,176,280
15/04/2025	15/04/2025	PKT2401649	Thuế GTGT, TNDN nộp hộ nhà thầu nước ngoài tháng 03.2025	642	33382	3,298,252			184,447,840
15/04/2025	15/04/2025	UNC2403246	Phí VNPay trừ tiền	642	11214	113,480			187,746,092
14/05/2025	14/05/2025	UNC2405019	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 14/05/2025	642	11212	941,958			187,859,572
14/05/2025	14/05/2025	UNC2505064	Phí VNPay trừ tiền	642	11214	20,904			188,801,530
15/05/2025	15/05/2025	UNC2505065	Phí VNPay trừ tiền	642	11214	4,800			188,822,434
16/06/2025	16/06/2025	UNC250609	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 02/06/2025	642	11212	592,370			188,827,234
16/06/2025	16/06/2025	UNC250663	Phí VNPay trừ tiền	642	11214	18,445			189,419,604
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025	642	3383	3,442,500			189,438,049
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025	642	3384	607,500			192,880,549
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025	642	3386	270,000			193,488,049
30/04/2026	30/04/2026	PKT250401	Chi phí lương tháng 04.2025 của KS Cosmos	642	3341	37,600,000			193,758,049
01/05/2025	01/05/2025	UNC2403280	Cước chuyển phát nhanh tháng 03.2025	642	331	27,600			231,358,049
03/05/2025	03/05/2025	UNC2403281	Xuất kho hủy hàng hết hạn của buồng phòng	642	1111	60,000			231,385,649
05/05/2025	05/05/2025	UNC2403282	Hoàn tiền ăn sáng cho khách F33472 (24/4-29/4)	642	1521	105,192			231,445,649
.....									
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	642	911		423,788,596		
			Cộng	642		423,788,596	423,788,596		
			Số dư cuối kỳ	642					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.28: Sổ chi tiết TK 642 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Quý 2 năm 2025

Tài khoản: **642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp** Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,		Trang	STT		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
08/04/2025	UNC2403244	08/04/2025	Phí VNPay trừ tiền			11214	274,608	
08/04/2025	UNC2403251	08/04/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 08/04/2025			11212	15,000	
08/04/2025	UNC2403252	08/04/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 08/04/2025			11212	93,272	
09/04/2025	PC250421	09/04/2025	Chi tiền công sửa chữa hệ thống PCCC và thay đệm su nãng lượng			1111	700,000	
09/04/2025	PC250422	09/04/2025	Chi tiền phong bì PCCC và phí gửi giấy kiểm định chống sét			1111	1,033,000	
09/04/2025	PXK2403015	09/04/2025	Xuất 3 chai nước Aquafina tiếp đoàn kiểm tra PCCC			1521	10,071	
09/04/2025	UNC2403243	09/04/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 09/04/2025			11212	306,558	
10/04/2025	UNC2403253	10/04/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 10/04/2025			11212	129,948	
11/04/2025	UNC2403254	11/04/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 11/04/2025			11212	24,927	
13/04/2025	UNC2403255	13/04/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 13/04/2025			11212	24,500	
14/04/2025	MDV2402421	14/04/2025	Chi phí mua 3 thùng giấy A4, tẩy, kim			331	296,044	
14/04/2025	UNC2403245	14/04/2025	Phí VNPay trừ tiền			11214	271,560	
15/04/2025	PKT2401649	15/04/2025	Thuế GTGT, TNDN nộp hộ nhà thầu			33382	3,298,252	
15/04/2025	UNC2403246	15/04/2025	Phí VNPay trừ tiền			11214	113,480	
14/05/2025	UNC2405019	14/05/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 14/05/205			11212	941,958	
14/05/2025	UNC2505064	14/05/2025	Phí VNPay trừ tiền			11214	20,904	
15/05/2025	UNC2505065	15/05/2025	Phí VNPay trừ tiền			11214	4,800	
16/06/2025	UNC250609	16/06/2025	Phí cà thẻ ngân hàng VTB ngày 02/06/205			11212	592,370	
16/06/2025	UNC250663	16/06/2025	Phí VNPay trừ tiền			11214	18,445	
17/04/2025	PKT250551	17/04/2025	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025			3383	3,442,500	
17/04/2025	PKT250551	17/04/2025	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025			3384	607,500	
17/04/2025	PKT250551	17/04/2025	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025			3386	270,000	
30/04/2026	PKT250401	30/04/2026	Chi phí lương tháng 04.2025 của KS			3341	37,600,000	
01/05/2025	UNC2403280	01/05/2025	Cước chuyển phát nhanh tháng 03.2025			331	27,600	
03/05/2025	UNC2403281	03/05/2025	Xuất kho hủy hàng hết hạn của buồng			1111	60,000	
05/05/2025	UNC2403282	05/05/2025	Hoàn tiền ăn sáng cho khách F33472			1521	105,192	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911		423,788,596
			- Cộng số phát sinh				423,788,596	423,788,596
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				819,913,596	819,913,596

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan T. Hằng Mơ

Nguyễn Thị Minh Lý

MIS AS ME

Hình 2.29: Sổ Cái TK 642 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

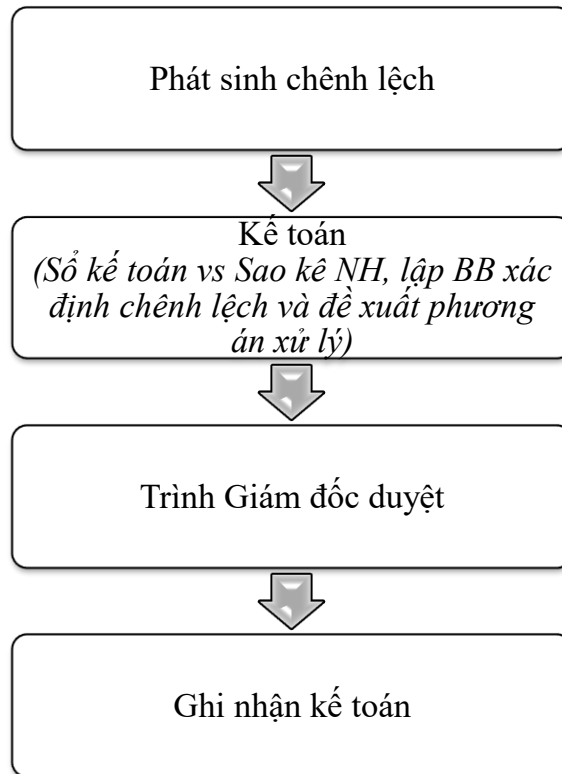
➤ Tổng doanh chi phí quản lý kinh doanh Quý 2/2025 là 423.788.596đ

2.2.8. *Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam*

Các khoản chi phí khác của Công ty có thể phát sinh bao gồm:

- Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chi phí các khoản chậm nộp Nhà nước
- Giá trị còn lại của TSCĐ do thanh lý, nhượng bán,...

2.2.8.1. *Trình tự luân chuyển chứng từ*



Sơ đồ 2.14. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí khác

Khi phát sinh và phát hiện chênh lệch kế toán thực hiện đối chiếu giữa sổ kế toán và sao kê ngân hàng. Kế toán lập Biên bản đối chiếu số dư ngân hàng, đồng thời lập Biên bản xác định chênh lệch và đề xuất phương án xử lý (ghi nhận vào chi phí khác). Sau đó trình Giám đốc phê duyệt phương án xử lý chênh lệch.

2.2.8.2. *Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí khác tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam*

➤ Trong quý 2/2025 công ty có phát sinh nghiệp vụ chi phí khác như sau:

Ngày 20/04/2025 Ghi nhận chi phí khác do xử lý chênh lệch số dư tài khoản ngân hàng SCB phát sinh từ năm trước, căn cứ chứng từ UNC2044300. Khoản chênh lệch được xác định sau khi đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và sao kê ngân hàng, không thể điều chỉnh vào các kỳ trước nên được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.

Sau khi tiếp nhận chứng từ gồm giấy báo có ngân hàng (UNC2044300) và sao kê ngân hàng, kế toán tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán và sao kê. Căn cứ vào các chứng từ, kế toán nhập liệu vào phần mềm kế toán MISA. Vào phân hệ “Ngân hàng”, sau đó nhấn “Thêm” nhập các thông tin cần thiết và diễn giải: “Xử lý chênh lệch SCB (20/4) năm trước”. Sau khi hoàn tất nhập liệu và kiểm tra lại bút toán tự động nhấn “Cất” để ghi nhận nghiệp vụ.

[illegible]

Hình 2.30: Màn hình nhập liệu chi phí khác vào phần mềm Misa

➤ **Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:**

Sau khi nhập liệu phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái TK 811.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Loại tiền: Tổng hợp; Tài khoản: 811; Quý 2 năm 2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có
30/06/2025	30/06/2025	UNC2404300	Nộp tiền phạt chậm nộp	811	11211	934,942		934,942	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	811	911		934,942		
			Cộng	811		934,942	934,942		
			Số dư cuối kỳ	811					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.31: Sổ chi tiết TK 811 – trích nghiệp vụ Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 2 năm 2025

Tài khoản: 811 - Chi phí khác			Đơn vị tính: VND					
Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,		Trang	STT		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
20/04/2025	UNC2404300	20/04/2025	Nộp tiền phạt chậm nộp			11211	934,942	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911		934,942
			- Cộng số phát sinh				934,942	934,942
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				1,550,742	1,550,742

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan T. Hằng Mơ

Nguyễn Thị Minh Lý

Hình 2.32: Sổ Cái TK 811 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

➤ Tổng doanh chi phí khác Quý 2/2025 là 934.942 đồng.

2.2.9. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

Cuối kỳ, kế toán lập tờ khai thuế TNDN để xác định mức thuế TNDN phải nộp. Thuế TNDN mà công ty phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Khi hoạt động có lợi nhuận, Công ty phải nộp thuế TNDN cho cơ quan thuế. Công ty nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%.

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh số thuế TNDN hiện hành, không có thuế TNDN hoãn lại. Thuế suất mà Công ty chịu là 20% tính trên Thu nhập tính thuế (kỳ kế toán

Công ty là 31/12/2025, nên đây là thuế tạm tính cuối quý 2/2025)

Cách tính thuế TNDN

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x 20%

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - Thu nhập miễn thuế - các khoản lỗ

Thu nhập chịu thuế = Doanh thu thuần – Chi phí được trừ + Doanh thu khác

2.2.9.1. Trình tự luân chuyển chứng từ

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng mua vào và bán ra phát sinh, kế toán tiến hành tổng hợp và tải bảng kê hóa đơn mua vào và bán ra trên trang <https://hoadondientu.gdt.gov.vn> để phục vụ cho việc kê khai thuế và theo dõi nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp.

Cuối năm tài chính, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các bảng tổng hợp doanh thu, chi phí để lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành, các tờ khai thuế được nộp cho cơ quan thuế thông qua hệ thống kê khai thuế điện tử và lưu trữ tại bộ phận kế toán theo quy định

2.2.9.2. Nghiệp vụ phát sinh kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam

➤ Trong quý 2/2025 công ty có phát sinh nghiệp vụ chi phí thuế TNDN như sau:

Số liệu lũy kế của Quý 2/2025 như sau:

Tiến hành tập hợp toàn bộ doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể:

- Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511) và Doanh thu hoạt động tài chính (TK 515) trong kỳ lần lượt là 3.708.564.789đ và 651.875đ, tổng cộng 3.709.216.664đ.
- Đồng thời, tập hợp các khoản chi phí phát sinh bao gồm giá vốn hàng bán (TK 632) là 1.317.456.123đ, chi phí quản lý kinh doanh (TK 642) là 423.788.596đ và chi phí khác (TK811) là 934.942đ. Tổng các khoản chi phí này là 1.742.079.661.
- Sau khi tổng hợp doanh thu và chi phí, kế toán tiến hành xác định thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp bằng cách lấy tổng doanh thu trừ tổng chi phí phát sinh trong kỳ:

$3.709.216.664 - 1.742.079.661 = 1.967.137.003$, đây là cơ sở để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Căn cứ vào lợi nhuận trước thuế, kế toán xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này là:

$$1.967.137.003 \times 20\% = 393.427.401$$

Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ:

Sau khi ghi ghi nhận các nghiệp vụ đầy đủ, kế toán vào phần mềm và chọn thuế, vào mục “xử lý cuối tháng”, Chọn kỳ tính thuế, chọn kết chuyển số dư tài khoản tự động và chọn các tài khoản cần kết chuyển.

Thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh bằng cách vào phần mềm Misa, chọn phân hệ “Tổng hợp”, chọn “Kết chuyển lãi lỗ” màn hình xuất hiện hộp thoại kết chuyển lãi lỗ, phần mềm sẽ tự động kết chuyển lãi lỗ của hoạt động kinh doanh trong quý 2 năm 2025. Tiếp theo chọn phân hệ tổng hợp, chọn chứng từ nghiệp vụ khác và thực hiện nhập liệu các thông tin dưới đây: Tại phần thông tin chung, ô diễn giải thực hiện nhập nội dung “Chi phí thuế TNDN tạm tính Quý 2/2025”, tại ô Số tiền, nhập số thuế TNDN tạm tính mà đã tính. Sau đó thực hiện kiểm tra lại chứng từ và bấm Cất để thực hiện lưu chứng từ.

Sau khi lưu xong chứng từ này, thực hiện bỏ ghi chứng từ kết chuyển lãi lỗ của Quý 2/2025 vừa lập bằng cách vào chứng từ bấm “bỏ ghi”. Khi chứng từ đã bỏ ghi, nếu thực hiện kết chuyển lại lần nữa, lúc này, phần mềm sẽ thực hiện kết chuyển lãi lỗ có cả phần kết chuyển chi phí thuế TNDN.

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 2 năm 2025

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,		Trang	STT		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
20/04/2025	UNC2404300	20/04/2025	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý 2/2025			3334	393,427,401	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			911		393,427,401
			- Cộng số phát sinh				393,427,401	393,427,401
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				731,430,101	731,430,101

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan T. Hằng Mơ

Nguyễn Thị Minh Lý

Hình 2.35: Sổ Cái TK 821 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

2.2.10. Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH DVDL khách sạn Cosmo Việt Nam

Xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng của một chu kỳ kế toán, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phản ánh nhanh chóng, kịp thời và chính xác tình hình hoạt động của công ty là lời hay dở là vô cùng quan trọng vì đây là cơ sở cho các kế hoạch và phương hướng phát triển trong tương lai của công ty. Công ty tuân thủ các quy định của Thông tư 133/2016/TT-BTC và chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) để tiến hành xác định kết quả kinh doanh.

Cuối quý Công ty tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ. Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển, số dư trên TK 911 phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ. Nếu bên Có lớn hơn bên Nợ thì doanh nghiệp có lãi, ngược lại nếu bên Nợ lớn hơn bên Có thì doanh nghiệp bị lỗ. Sau đó kế toán thực hiện kết chuyển kết quả kinh doanh sang TK 421.

Sau khi thực hiện bút kết chuyển chi phí thuế TNDN, kế toán tổng hợp in Báo Cáo Tài Chính, sau đó chuyển cho giám đốc và kế toán trưởng ký, đóng dấu.

2.2.10.1. Trình tự luân chuyển chứng từ

Căn cứ sổ cái của các tài khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác

vào bên có tài khoản 911 và các chi phí gồm giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng sang bên nợ tài khoản 911.

2.2.10.2. Nghiệp vụ phát sinh kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH DVDL Cosmo Việt Nam

Trình tự kế toán liên quan đến nghiệp vụ:

Sau khi nhập liệu đầy đủ các khoản doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu, doanh thu khác trong kỳ, và các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý, GVHB, chi phí khác, thuế thu TNDN.... kế toán tiến hành khóa sổ và kết chuyển số dư sang TK 911 trước khi đưa lên Báo cáo tài chính. Từ màn hình giao diện nhập liệu, chọn phân hệ “Tổng hợp”, chọn “Kết chuyển lãi lỗ”. Màn hình xuất hiện hộp thoại kết chuyển lãi lỗ, chọn ngày chứng từ là 30/06/2025, phần mềm sẽ tự động kết chuyển lãi lỗ của hoạt động kinh doanh trong quý.

Trình tự ghi sổ nghiệp vụ:

Sau khi thực hiện kết chuyển trên phần mềm kế toán, số liệu được ghi nhận vào Sổ nhật ký chung và đồng thời tự động cập nhật vào Sổ Cái TK 911.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2018 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Quý 2 năm 2025

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh			Đơn vị tính: VND					
Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký		Số hiệu	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày,		Trang	STT		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			5113		3,708,564,789
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			515		651,875
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			632	1,317,456,123	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			642	423,788,596	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			811	934,942	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			8211	393,427,401	
30/06/2025	NVK00072	30/06/2025	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025			4212	1,573,609,602	
			- Cộng số phát sinh				3,709,216,664	3,709,216,664
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				6,964,610,964	6,964,610,964

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01

- Ngày mở sổ:

Ngày tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phan T. Hằng Mơ

Nguyễn Thị Minh Lý

Hình 2.36: Sổ Cái TK 911 Quý 2/2025 trên phần mềm Misa

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thi Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2018 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	3,708,564,789	3,254,870,000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3,708,564,789	3,254,870,000
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	1,317,456,123	1,168,540,000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2,391,108,666	2,086,330,000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	651,875	524,300
7. Chi phí tài chính	22	VII.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24	VII.8	423,788,596	396,125,000
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		1,967,971,945	1,690,729,300
10. Thu nhập khác	31	VII.6		
11. Chi phí khác	32	VII.7	934,942	615,800
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(934,942)	(615,800)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,967,037,003	1,690,113,500
14. Chi phí thuế TNDN	51	VII.10	393,407,401	338,022,700
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1,573,629,602	1,352,090,800

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hình 2.37: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2/2025 tại Công ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Khách Sạn Cosmos Việt Nam

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁCH SẠN COSMOS VIỆT NAM
117-119 Ngõ Thì Sĩ, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2018 của
Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/06/2025

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
.....							
17/04/2025	17/04/2025	33599	Doanh thu khác-phí chuyển tiền	131	5113	40,000	
17/04/2025	17/04/2025	33599	Doanh thu khác-phí chuyển tiền	5113	131	-	40,000
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-QL	6421	3383	1,785,000	
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-QL	3383	6421	-	1,785,000
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	6421	3383	1,657,500	
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	3383	6421	-	1,657,500
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-QL	6421	3384	315,000	
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-QL	3384	6421	-	315,000
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	6421	3384	292,500	
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	3384	6421	-	292,500
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	6421	3386	140,000	

17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	3386	6421	-	140,000
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	6421	3386	130,000	
17/04/2025	17/04/2025	PKT250551	Hạch toán chi phí bảo hiểm tháng 04.2025-KT	3386	6421	-	130,000
17/04/2025	17/04/2025	PNK2404103	Bắp ngọt đông lạnh	1521	331	200,000	
17/04/2025	17/04/2025	PNK2404103	Bắp ngọt đông lạnh	331	1521	-	200,000
19/04/2025	19/04/2025	31771	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	131	33311	266,664	
19/04/2025	19/04/2025	31771	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	33311	131	-	266,664
19/04/2025	19/04/2025	32186	Doanh thu dịch vụ phòng	131	5113	5,533,500	
19/04/2025	19/04/2025	32186	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		5,533,500
19/04/2025	19/04/2025	32186	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	131	33311	442,680	
19/04/2025	19/04/2025	32186	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	33311	131		442,680
19/04/2025	19/04/2025	32186-	Doanh thu dịch vụ giặt là	131	5113	99,000	
19/04/2025	19/04/2025	32186-	Doanh thu dịch vụ giặt là	5113	131	-	99,000
19/04/2025	19/04/2025	32892	Doanh thu dịch vụ phòng	131	5113	1,037,038	
19/04/2025	19/04/2025	32892	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131	-	1,037,038
20/04/2025	20/04/2025	PNK2404141	Bánh mỳ ổ ngắn	1521	331	18,000	
20/04/2025	20/04/2025	PNK2404141	Bánh mỳ ổ ngắn	331	1521	-	18,000
20/04/2025	20/04/2025	UNC2404300	Nộp tiền phạt chậm nộp	811	11214	934,942	
20/04/2025	20/04/2025	UNC2404300	Nộp tiền phạt chậm nộp	11214	811		934,942

21/04/2025	21/04/2025	UNC2404300	Doanh thu dịch vụ phòng	131	5113	1,100,000	
21/04/2025	21/04/2025	32090	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131	-	1,100,000
.....							
25/04/2025	25/04/2025	32321	Doanh thu dịch vụ phòng	131	5113	3,703,705	
25/04/2025	25/04/2025	32321	Doanh thu dịch vụ phòng	5113	131		3,703,705
25/04/2025	25/04/2025	32321	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	131	33311	296,295	
25/04/2025	25/04/2025	32321	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	33311	131		296,295
25/04/2025	25/04/2025	PXK2403067	Nước Aquafina	632	1521	19,702	
25/04/2025	25/04/2025	PXK2403067	Nước Aquafina	1521	632	-	19,702
25/04/2025	25/04/2025	PXK2403068	Nước Aquafina	632	1521	6,714	
25/04/2025	25/04/2025	PXK2403068	Nước Aquafina	1521	632	-	6,714
25/04/2025	25/04/2025	32889	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	131	33311	222,222	
25/04/2025	25/04/2025	32889	Thuế GTGT - Doanh thu dịch vụ phòng	33311	131	-	222,222
.....							
30/04/2025	30/04/2025	PKT250401	Hạch toán chi phí lương 04.2025BP QL	6421	3341	25,300,000	
30/04/2025	30/04/2025	PKT250401	Hạch toán chi phí lương 04.2025BP QL	3341	6421		25,300,000
30/04/2025	30/04/2025	PKT250401	Hạch toán chi phí lương 04.2025BP KT	6421	3341	12,300,000	
30/04/2025	30/04/2025	PKT250401	Hạch toán chi phí lương 04.2025BP KT	3341	6421		12,300,000
01/05/2025	01/05/2025	PXK2403125	Nước Aquafina	632	1521	6,763	
01/05/2025	01/05/2025	PXK2403125	Nước Aquafina	1521	632		6,763

						-	
01/05/2025	01/05/2025	PXK2403125	Snack oishi các vị	632	1521	7,622	
02/05/2025	02/05/2025	33369+	Doanh thu dịch vụ phòng	131	5113	1,140,000	
31/05/2025	31/05/2025	GBC2405487	CHI LAI TK TIEN GUI 020092788866	11214	515	55,377	
31/05/2025	31/05/2025	GBC2405487	CHI LAI TK TIEN GUI 020092788866	515	11214	-	55,377
31/05/2026	31/05/2026	GBC2405488	Lãi ngân hàng VTB tháng 05.2025	11212	515	82,415	
31/05/2026	31/05/2026	GBC2405488	Thu lãi tiền gửi T11/2025	515	11212		82,415
.....							
26/06/2025	26/06/2025	GBC2505355	Thu tiền khách hàng VTB 26/6/2025	11212	131	1,677,900	
26/06/2025	26/06/2025	GBC2505355	Thu tiền khách hàng VTB 26/6/2025	131	11212	-	1,677,900
26/06/2025	26/06/2025	MDV2505125	Chi phí thuê xe máy	632	331	1,215,000	
26/06/2025	26/06/2025	PNK2506226	Dưa leo/Cucumber	1521	331	45,000	
26/06/2025	26/06/2025	PNK2506226	Dưa leo/Cucumber	331	1521	-	45,000
.....							
30/06/2025	30/06/2025	KC00036	Kết chuyển chi phí 621 của đối tượng	154	621	339,526,213	
30/06/2025	30/06/2025	KC00036	Kết chuyển chi phí 621 của đối tượng	621	154		339,526,213
30/06/2025	30/06/2025	KC00036	Kết chuyển chi phí 622 của đối tượng	154	622	304,293,666	
30/06/2025	30/06/2025	KC00036	Kết chuyển chi phí 622 của đối tượng	622	154		304,293,666
30/06/2025	30/06/2025	KC00036	Kết chuyển chi phí 627 của đối tượng	154	627	653,569,588	
30/06/2025	30/06/2025	KC00036	Kết chuyển chi phí 627 của đối tượng	627	154		653,569,588
30/06/2025	30/06/2025	NVK00068	Kết chuyển giá vốn Q2/2025	632	154		

						1,297,389,467	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00068	Kết chuyển giá vốn Q2/2025	154	632		1,297,389,467
30/06/2025	30/06/2025	NVK00071	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý 2/2025	8211	3334	393,427,401	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00071	Chi phí thuế TNDN tạm tính quý 2/2025	3334	8211		393,427,401
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	632	1,317,456,123	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	632	911		1,317,456,123
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	5113	911	3,708,564,789	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	5113		3,708,564,789
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	515	911	651,875	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	515		651,875
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	632	1,317,456,123	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	632	911		1,317,456,123
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	642	423,788,596	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	642	911		423,788,596
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	811	934,942	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	811	911		934,942
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	8211	393,427,401	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	8211	911		393,427,401
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	911	4212	1,573,609,602	
30/06/2025	30/06/2025	NVK00072	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 30/06/2025	4212	911		1,573,609,602

Ngày tháng năm

Hình 2.38: Sổ Nhật ký chung quý 2/2025 tại Công ty TNHH Dịch Vụ Du Lịch Khách Sạn Cosmos Việt Nam

CHƯƠNG 3: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

3.1. Sự khác biệt giữa lý thuyết và thực trạng tại Công ty TNHH Khách sạn Cosmo Việt Nam

Tuy nhiên, qua quá trình tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam cho thấy công tác kế toán giá vốn dịch vụ có một số điểm khác biệt so với lý thuyết do đặc thù hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú và phương pháp quản lý thực tế của doanh nghiệp.

Trước hết, theo lý thuyết, các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng sử dụng hoặc từng dịch vụ cụ thể nhằm xác định chính xác chi phí cấu thành giá vốn. Tuy nhiên, tại công ty, các khoản chi phí này chủ yếu được tập hợp chung theo từng bộ phận như buồng phòng, nhà hàng, bếp ăn sáng,... thông qua các Phiếu xuất kho hàng tiêu dùng hoặc chứng từ chi tiền liên quan. Do chưa theo dõi trực tiếp cho từng phòng hoặc từng khách hàng nên cuối kỳ kế toán phải thực hiện phân bổ chi phí theo tiêu thức số phòng sử dụng nhằm xác định phần chi phí tương ứng cho từng dịch vụ lưu trú.

Bên cạnh đó, theo lý thuyết, các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh sẽ được ghi nhận vào TK 621, sau đó kết chuyển vào TK 154 rồi mới kết chuyển sang TK 632. Tuy nhiên, trong thực tế tại công ty, đối với một số khoản chi phí phát sinh thường xuyên và có giá trị nhỏ như nước uống, đồ dùng tiêu hao buồng phòng hoặc chi phí phục vụ khách, kế toán có xu hướng ghi nhận trực tiếp vào TK 632 để phản ánh ngay giá vốn dịch vụ phát sinh trong kỳ. Đồng thời, doanh nghiệp vẫn thực hiện tập hợp và kết chuyển chi phí thông qua TK 154 vào cuối kỳ nhằm phục vụ việc tổng hợp số liệu và xác định tổng giá vốn theo kỳ kế toán. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang kết hợp giữa phương pháp hạch toán thực tế phục vụ quản lý nội bộ và nguyên tắc kế toán theo quy định.

Ngoài ra, theo lý thuyết kế toán, chi phí sản xuất chung được tập hợp trên TK 627 và phải được phân bổ theo tiêu thức phù hợp như giờ công lao động, doanh thu hoặc mức độ sử dụng dịch vụ. Tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam, các khoản chi phí như sửa chữa phòng, vật tư sửa chữa, điện nước, chi phí vệ sinh, chi phí dịch vụ mua ngoài,... được tập hợp vào TK 627 và thực hiện phân bổ theo tiêu thức số phòng sử dụng trong kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức này phù hợp với đặc

điểm hoạt động kinh doanh lưu trú của doanh nghiệp, giúp đơn giản hóa công tác kế toán nhưng vẫn đảm bảo phản ánh tương đối hợp lý chi phí của từng dịch vụ.

Đối với chi phí nhân công trực tiếp, theo lý thuyết, chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên trực tiếp phục vụ khách được tập hợp vào TK 622 và phân bổ cho từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên, tại công ty, việc theo dõi chi phí nhân công chưa được chi tiết theo từng phòng hoặc từng dịch vụ riêng biệt mà chủ yếu được tập hợp chung cho toàn bộ hoạt động lưu trú và sau đó phân bổ theo số phòng sử dụng trong kỳ. Điều này phù hợp với đặc thù hoạt động khách sạn khi nhân viên thường phục vụ đồng thời nhiều phòng và nhiều khách hàng khác nhau.

Một điểm khác biệt đáng chú ý khác là việc xác định kết quả kinh doanh. Theo lý thuyết, doanh nghiệp có thể thực hiện kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng hoặc từng quý nhằm phục vụ yêu cầu quản trị. Tuy nhiên, tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam, việc kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định lãi lỗ được thực hiện một lần vào cuối năm tài chính. Vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu của khóa luận, tác giả chỉ thực hiện xác định kết quả kinh doanh tạm tính cho quý II/2025 dựa trên số liệu phát sinh thực tế của doanh nghiệp nhằm phục vụ cho mục đích phân tích và đánh giá.

Nhìn chung, mặc dù công tác kế toán tại doanh nghiệp còn có một số điểm khác biệt so với lý thuyết kế toán, đặc biệt trong việc tập hợp và phân bổ chi phí dịch vụ, nhưng các nghiệp vụ vẫn được ghi nhận tương đối đầy đủ, đảm bảo phản ánh được tình hình doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những khác biệt này chủ yếu xuất phát từ đặc thù hoạt động của ngành dịch vụ khách sạn, quy mô doanh nghiệp và nhu cầu quản lý thực tế tại đơn vị.

3.2. Nhận xét thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD tại Công ty TNHH Khách sạn Cosmo Việt Nam

3.2.1. Ưu điểm

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam, có thể nhận thấy doanh nghiệp đã tổ chức tương đối đầy đủ và phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú của mình. Công tác kế toán được thực hiện khá chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như cung cấp thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ nhất, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối hợp lý, có sự phân công công việc cụ thể giữa các nhân viên kế toán. Mỗi kế toán viên đảm nhận một phần hành riêng như kế toán doanh thu, kế toán công nợ, kế toán thanh toán, kế toán tổng hợp,... giúp hạn chế tình trạng chồng chéo công việc và nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ phát sinh.

Thứ hai, hệ thống chứng từ kế toán được doanh nghiệp sử dụng tương đối đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành. Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đều được lập chứng từ kịp thời như hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho, phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Có, giấy báo Nợ,... Các chứng từ trước khi ghi nhận đều được kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp và lưu trữ tương đối đầy đủ theo quy định.

Thứ ba, doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ lưu trú và các dịch vụ đi kèm được ghi nhận tương đối kịp thời khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong công tác quản lý doanh thu, hạn chế sai sót và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác kế toán hiện nay.

Thứ tư, công ty đã áp dụng phần mềm kế toán trong quá trình hạch toán và tổng hợp số liệu, giúp giảm bớt khối lượng công việc thủ công cho kế toán viên, đồng thời nâng cao độ chính xác trong việc ghi nhận và xử lý số liệu kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh sau khi nhập liệu sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái và các sổ chi tiết liên quan, tạo thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu cuối kỳ.

Thứ năm, các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh được doanh nghiệp tập hợp tương đối đầy đủ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản 621, 622 và 627 trước khi kết chuyển để xác định giá vốn dịch vụ. Điều này giúp doanh nghiệp có cơ sở theo dõi và kiểm soát chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh.

Thứ sáu, doanh nghiệp đã lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí sản xuất chung theo số phòng sử dụng trong kỳ, phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh khách sạn. Việc phân bổ này giúp phản ánh tương đối hợp lý mức độ sử dụng dịch vụ của từng phòng, góp phần xác định giá vốn dịch vụ phù hợp với doanh thu phát sinh.

Ngoài ra, mặc dù doanh nghiệp thực hiện kết chuyển xác định kết quả kinh doanh vào cuối năm tài chính, nhưng các khoản doanh thu và chi phí vẫn được theo dõi thường

xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính cuối kỳ.

3.2.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần được xem xét và hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Thứ nhất, việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại doanh nghiệp chưa được theo dõi chi tiết cho từng phòng hoặc từng khách hàng cụ thể. Các khoản chi phí như tiêu dùng buồng phòng, bếp ăn sáng hoặc nhà hàng chủ yếu được tập hợp chung theo từng bộ phận, do đó cuối kỳ kế toán phải thực hiện phân bổ chi phí theo số phòng sử dụng. Điều này có thể làm giảm độ chính xác trong việc xác định chi phí thực tế của từng dịch vụ hoặc từng khách hàng.

Thứ hai, việc phân bổ chi phí hiện nay chủ yếu dựa trên tiêu thức số phòng sử dụng mà chưa xem xét đến sự khác biệt giữa các hạng phòng hoặc mức độ sử dụng dịch vụ thực tế của từng khách hàng. Điều này có thể dẫn đến tình trạng một số loại phòng phải gánh mức chi phí chưa thực sự phù hợp với thực tế phát sinh.

Thứ ba, công ty thực hiện xác định kết quả kinh doanh vào cuối năm tài chính nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản trị nội bộ theo từng tháng hoặc từng quý. Việc chưa thực hiện phân tích kết quả kinh doanh thường xuyên có thể làm hạn chế khả năng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn.

Thứ tư, một số khoản chi phí sản xuất chung như điện nước, sửa chữa, bảo trì,... vẫn còn được tập hợp tương đối tổng quát, chưa có sự theo dõi chi tiết theo từng bộ phận hoặc từng khu vực sử dụng. Điều này gây khó khăn trong công tác kiểm soát chi phí và đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí của từng bộ phận trong doanh nghiệp.

Ngoài ra, công tác lưu trữ và luân chuyển chứng từ mặc dù đã được thực hiện tương đối đầy đủ nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào việc kiểm tra thủ công, nên trong một số trường hợp có thể phát sinh tình trạng chậm trễ trong việc đối chiếu và cập nhật số liệu kế toán.

3.3. Đề xuất

Qua quá trình tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam, bên cạnh những ưu điểm đạt được, doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả quản lý cũng như hoàn thiện hơn công tác kế toán tại doanh nghiệp, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

❖ **Thứ nhất, hoàn thiện công tác theo dõi chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

Hiện nay, các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại công ty chủ yếu được tập hợp chung theo từng bộ phận như buồng phòng, nhà hàng, bếp ăn sáng,... mà chưa theo dõi chi tiết cho từng phòng hoặc từng khách hàng cụ thể. Điều này làm giảm tính chính xác trong việc xác định giá vốn cho từng dịch vụ.

Do đó, công ty nên xây dựng hệ thống theo dõi chi tiết vật tư tiêu hao theo từng phòng hoặc từng booking thông qua mã phòng, mã khách hàng hoặc mã dịch vụ trên phần mềm kế toán. Đối với các vật tư phát sinh trực tiếp cho khách như nước uống, đồ dùng buồng phòng, minibar,... kế toán nên ghi nhận cụ thể cho từng đối tượng sử dụng thay vì tập hợp chung như hiện nay.

Việc theo dõi chi tiết này sẽ giúp doanh nghiệp xác định chính xác hơn giá vốn của từng dịch vụ, đồng thời nâng cao hiệu quả kiểm soát chi phí và hạn chế thất thoát vật tư trong quá trình sử dụng.

❖ **Thứ hai, hoàn thiện phương pháp hạch toán chi phí giá vốn**

Hiện nay, doanh nghiệp chủ yếu thực hiện phân bổ chi phí theo số phòng sử dụng trong kỳ. Mặc dù phương pháp này tương đối phù hợp với đặc thù hoạt động khách sạn, tuy nhiên vẫn chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt giữa các loại phòng và mức độ sử dụng dịch vụ thực tế.

Do đó, công ty có thể xem xét kết hợp thêm các tiêu thức phân bổ khác như:

- Phân bổ theo doanh thu từng loại phòng;
- Phân bổ theo hạng phòng;
- Phân bổ theo số ngày lưu trú thực tế của khách hàng.

Việc áp dụng linh hoạt các tiêu thức phân bổ sẽ giúp phản ánh hợp lý hơn chi phí thực tế phát sinh cho từng loại dịch vụ, từ đó nâng cao độ chính xác của giá vốn và kết quả kinh doanh.

❖ Thứ ba, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất chung

Các khoản chi phí sản xuất chung như điện nước, sửa chữa, bảo trì, chi phí vệ sinh,... hiện nay vẫn còn được tập hợp tương đối tổng quát. Vì vậy, doanh nghiệp nên thực hiện phân loại và theo dõi chi tiết chi phí theo từng bộ phận hoặc từng khu vực sử dụng nhằm tăng cường khả năng kiểm soát chi phí.

Bên cạnh đó, công ty nên xây dựng định mức chi phí đối với một số khoản mục thường xuyên phát sinh như:

- Điện nước;
- Vật tư buồng phòng;
- Chi phí vệ sinh;
- Chi phí tiêu hao dịch vụ.

Việc xây dựng định mức sẽ giúp doanh nghiệp dễ dàng so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí dự toán, từ đó kịp thời phát hiện các khoản chi vượt mức và có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

❖ Thứ tư, thực hiện xác định kết quả kinh doanh định kỳ

Hiện nay, công ty thực hiện kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh vào cuối năm tài chính. Điều này có thể làm hạn chế khả năng cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho công tác quản trị nội bộ.

Vì vậy, doanh nghiệp nên xem xét thực hiện xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng hoặc từng quý. Việc xác định kết quả kinh doanh định kỳ sẽ giúp ban lãnh đạo:

- Theo dõi hiệu quả hoạt động kinh doanh thường xuyên;
- Đánh giá khả năng sinh lời của từng giai đoạn;
- Kịp thời đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Đồng thời, việc theo dõi kết quả kinh doanh định kỳ cũng hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác lập kế hoạch kinh doanh và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn.

❖ Thứ năm, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ trong công tác kế toán

Mặc dù doanh nghiệp đã áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán,

tuy nhiên việc luân chuyển và kiểm tra chứng từ vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào thao tác thủ công.

Do đó, doanh nghiệp nên tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu kế toán như:

- Liên kết dữ liệu giữa bộ phận lễ tân, kho và kế toán;
- Tự động hóa việc cập nhật số liệu doanh thu và xuất kho;
- Xây dựng hệ thống lưu trữ chứng từ điện tử.

Việc áp dụng đồng bộ công nghệ sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian xử lý nghiệp vụ, giảm sai sót trong quá trình nhập liệu và nâng cao hiệu quả quản lý thông tin kế toán.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú ngày càng cao, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Đây không chỉ là cơ sở phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh mà còn là công cụ hỗ trợ nhà quản lý trong việc kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

Qua quá trình tìm hiểu và nghiên cứu thực tế tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam, đề tài đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo quy định hiện hành. Đồng thời, đề tài cũng đã phản ánh tương đối đầy đủ thực trạng công tác kế toán tại doanh nghiệp thông qua việc phân tích quy trình luân chuyển chứng từ, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và việc ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu, giá vốn, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh.

Qua nghiên cứu thực tế cho thấy, Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú. Hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán và phần mềm kế toán được sử dụng khá đầy đủ, giúp hỗ trợ công tác ghi nhận và xử lý số liệu kế toán một cách kịp thời và tương đối chính xác. Doanh nghiệp đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí phát sinh thường xuyên, góp phần phục vụ cho công tác quản lý và lập báo cáo tài chính.

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán tại doanh nghiệp vẫn còn tồn tại một số hạn chế như việc tập hợp chi phí chưa được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng sử dụng, phương pháp phân bổ chi phí còn mang tính tổng quát và việc xác định kết quả kinh doanh chủ yếu được thực hiện vào cuối năm tài chính. Những hạn chế này phần nào ảnh hưởng đến độ chính xác của thông tin kế toán cũng như hiệu quả quản lý chi phí tại doanh nghiệp.

Từ những vấn đề thực tế đã phân tích, đề tài đã đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam như: hoàn thiện công tác theo dõi chi phí theo từng đối tượng sử dụng, thực hiện đầy đủ quy trình tập

hợp và kết chuyển chi phí, cải thiện phương pháp phân bổ chi phí, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán và thực hiện xác định kết quả kinh doanh theo từng kỳ kế toán ngắn hơn.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu và hoàn thiện đề tài, tuy nhiên do hạn chế về thời gian thực hiện, kinh nghiệm thực tế và phạm vi tiếp cận số liệu nên khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ quý thầy cô để đề tài được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, tác giả xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các anh chị tại Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam đã tạo điều kiện thuận lợi trong suốt thời gian thực tập và cung cấp số liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu đề tài. Đồng thời, tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý thầy cô đã tận tình hướng dẫn, hỗ trợ và truyền đạt kiến thức trong suốt quá trình học tập và thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp, Hà Nội.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), Luật Kế toán số 88/2015/QH13, Hà Nội.
5. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, Hà Nội.
6. PGS.TS Võ Văn Nhị (2021), Kế toán tài chính, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
7. TS. Nguyễn Phú Giang (2020), Nguyên lý kế toán, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
8. TS. Huỳnh Lợi (2021), Kế toán tài chính doanh nghiệp, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, TP. Hồ Chí Minh.
9. Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam (2025), Sổ sách kế toán, chứng từ kế toán và báo cáo tài chính quý II năm 2025.
10. Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Khách sạn Cosmo Việt Nam (2025), Tài liệu nội bộ và quy trình luân chuyển chứng từ tại doanh nghiệp.
11. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Kế toán tài chính, lưu hành nội bộ.
12. Một số khóa luận tốt nghiệp và tài liệu tham khảo liên quan đến kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp dịch vụ khách sạn